



Ký bởi: *.phuyen.gov.vn

Ngày ký: 12/10/2023 15:16:58 +0700

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



CÔNG BÁO

Tỉnh Phú Yên

Số 22 + 23 + 24

Ngày 12 tháng 10 năm 2023

MỤC LỤC

Trang

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

10/07/2023	Quyết định số 38/2023/QĐ-UBND về việc Quy định thời hạn gửi báo cáo quyết toán theo niên độ đối với vốn đầu tư công nguồn ngân sách Nhà nước do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện quản lý; trình tự, thời hạn lập, gửi, xét duyệt, thẩm định và ra thông ...	4
10/07/2023	Quyết định số 39/2023/QĐ-UBND Quy định quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư nguồn ngân sách Nhà nước giao cho cộng đồng tự thực hiện xây dựng công trình theo định mức hỗ trợ (bằng hiện vật hoặc bằng tiền) đối với các dự án theo cơ chế đặc thù ...	9
21/09/2023	Quyết định số 48/2023/QĐ-UBND Bãi bỏ Quyết định số 1421/2010/QĐ-UBND ngày 23 tháng 9 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên về việc ban hành Quy định về đối tượng và mức hỗ trợ kinh phí cho doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh áp dụng các hệ thống	15
02/10/2023	Quyết định số 49/2023/QĐ-UBND Bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên	17
04/10/2023	Quyết định số 50 /2023/QĐ-UBND Ban hành Quy chế phối hợp thực hiện nhiệm vụ quản lý Nhà nước đối với Khu kinh tế Nam Phú Yên và các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Phú Yên	19

04/10/2023	Quyết định số 51/2023/QĐ-UBND Quy định việc quản lý, vận hành công trình; quy trình bảo trì, mức chi phí bảo trì công trình đối với các dự án đầu tư xây dựng theo cơ chế đặc thù trong tổ chức thực hiện dự án đầu tư xây dựng quy mô nhỏ....	35
------------	--	----

VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

12/09/2023	Quyết định số 1200 /QĐ-UBND Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; được sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực bảo trợ xã hội, giáo dục nghề nghiệp, lao động-tiền lương, việc làm, phòng chống tệ nạn xã hội ...	39
13/09/2023	Quyết định số 1206 /QĐ-UBND Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực thành lập hoạt động hộ kinh doanh thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh Phú Yên	63
15/09/2023	Quyết định số 1233 /QĐ-UBND Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực Quản lý công sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài chính	66
18/09/2023	Quyết định số 1242 /QĐ-UBND Về việc công bố Danh mục và Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực giám định y khoa thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế	69
18/09/2023	Quyết định số 1244/QĐ-UBND Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực quản lý chất lượng công trình xây dựng thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Xây dựng	76
20/09/2023	Quyết định số 1259 /QĐ-UBND Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đường thủy nội địa thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải	80
20/09/2023	Quyết định số 1260 /QĐ-UBND Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực lâm nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh	83
20/09/2023	Quyết định số 1261 /QĐ-UBND Về việc công bố Danh mục và Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính được	88

sửa đổi, bổ sung lĩnh vực thuỷ lợi thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

20/09/2023	Quyết định số 1264 /QĐ-UBND Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đường sắt thuộc phạm vi quản lý của Sở Giao thông vận tải	102
05/10/2023	Quyết định số 1327 /QĐ-UBND Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực quản lý chất lượng công trình xây dựng thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp huyện trên địa bàn tỉnh Phú Yên	108
05/10/2023	Quyết định số 1330 /QĐ-UBND Về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Khoa học và Công nghệ	113
10/10/2023	Quyết định số 1364 /QĐ-UBND Về việc công bố Danh mục và Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đất đai thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện	124
10/10/2023	Quyết định số 1365 /QĐ-UBND Về việc công bố Danh mục và Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Tài nguyên nước thuộc thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND cấp huyện	163

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:38/2023/QĐ-UBND

Phú Yên, ngày 10 tháng 7 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Quy định thời hạn gửi báo cáo quyết toán theo niên độ đối với vốn đầu tư công nguồn ngân sách Nhà nước do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện quản lý; trình tự, thời hạn lập, gửi, xét duyệt, thẩm định và ra thông báo thẩm định quyết toán theo niên độ đối với vốn đầu tư công nguồn ngân sách Nhà nước do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý trên địa bàn tỉnh Phú Yên

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 26 tháng 5 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

Căn cứ Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán;

Căn cứ Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định thời gian gửi báo cáo kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương, kế hoạch tài chính - ngân sách Nhà nước 03 năm địa phương, dự toán, phân bổ ngân sách và quyết toán ngân sách địa phương; thời gian giao dự toán ngân sách địa phương hàng năm; thời hạn phê chuẩn quyết toán ngân sách cấp xã, cấp huyện và hệ thống mẫu biểu phục vụ lập báo cáo tài chính - ngân sách trên địa bàn tỉnh Phú Yên;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính (tại Tờ trình số 1577/TTr-STC ngày 14 tháng 6 năm 2023).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định thời hạn gửi báo cáo quyết toán theo niên độ đối với vốn đầu tư công nguồn ngân sách Nhà nước do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện quản lý; trình tự, thời hạn lập, gửi, xét duyệt, thẩm định và ra thông báo

thẩm định quyết toán theo niên độ đối với vốn đầu tư công nguồn ngân sách Nhà nước do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan nhà nước cấp tỉnh
 - a) Sở Tài chính.
 - b) Các Sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.
 - c) Kho bạc Nhà nước Phú Yên.
2. Các cơ quan nhà nước cấp huyện
 - a) Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp huyện).
 - b) Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện.
 - c) Các phòng, ban thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.
 - d) Kho bạc Nhà nước cấp huyện.
3. Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp xã).
4. Các đơn vị được Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã giao làm chủ đầu tư các dự án sử dụng vốn đầu tư công nguồn ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh Phú Yên.
5. Các đơn vị và tổ chức khác có liên quan đến việc quyết toán vốn đầu tư công theo niên độ ngân sách hàng năm thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên.

Điều 3. Thời hạn gửi báo cáo quyết toán theo niên độ vốn đầu tư công thuộc ngân sách cấp tỉnh, cấp huyện quản lý

1. Đối với vốn đầu tư công do ngân sách cấp tỉnh quản lý
 - a) Chủ đầu tư lập báo cáo quyết toán theo niên độ gửi Sở, ban, ngành được phân cấp quản lý thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh trước ngày 15 tháng 4 năm sau năm quyết toán.
 - b) Sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh theo phân cấp quản lý xét duyệt báo cáo quyết toán của các chủ đầu tư thuộc trách nhiệm quản lý; tổng hợp, lập báo cáo quyết toán theo niên độ gửi Sở Tài chính trước ngày 15 tháng 5 năm sau năm quyết toán.
 - c) Ban Quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh lập báo cáo quyết toán theo niên độ gửi Sở Tài chính trước ngày 15 tháng 5 năm sau năm quyết toán.
 - d) Kho bạc Nhà nước tỉnh tổng hợp số liệu quyết toán theo niên độ ngân sách báo cáo Sở Tài chính trước ngày 15 tháng 5 năm sau năm quyết toán.
 - đ) Sở Tài chính thẩm định và ra thông báo thẩm định báo cáo quyết toán theo niên độ gửi từng sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; chủ đầu tư và Kho bạc nhà nước Phú Yên trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định tại Quyết định này; tổng hợp số liệu vào quyết toán ngân sách địa phương hàng năm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để trình Hội đồng nhân dân tỉnh phê chuẩn.
 - e) Chậm nhất 05 ngày làm việc sau khi được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phê chuẩn quyết toán ngân sách Nhà nước của năm quyết toán, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi báo cáo quyết toán ngân sách Nhà nước cho Bộ Tài chính để tổng hợp, báo cáo theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước, Sở Tài chính gửi báo cáo quyết toán vốn

đầu tư công nguồn ngân sách Nhà nước theo năm ngân sách do địa phương quản lý cho Bộ Tài chính và cơ quan kiểm soát, thanh toán cấp Trung ương để phục vụ công tác quyết toán vốn đầu tư công nguồn ngân sách Nhà nước.

2. Đối với vốn đầu tư công do ngân sách cấp huyện quản lý

a) Chủ đầu tư là các phòng, ban thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện lập báo cáo quyết toán theo niên độ gửi Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện trước 15 tháng 3 năm sau năm quyết toán.

b) Kho bạc Nhà nước cấp huyện tổng hợp số liệu quyết toán theo niên độ báo cáo Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện và Kho bạc Nhà nước Phú Yên trước ngày 15 tháng 3 năm sau năm quyết toán.

c) Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện thẩm định và ra thông báo thẩm định báo cáo quyết toán theo niên độ gửi từng phòng, ban thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, chủ đầu tư và Kho bạc Nhà nước cấp huyện trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo đúng thời hạn được quy định tại điểm a và điểm b của Khoản 2 Điều 3 của Quyết định này; tổng hợp số liệu vào quyết toán ngân sách địa phương hàng năm báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện để trình Hội đồng nhân dân cấp huyện phê chuẩn.

d) Ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp báo cáo quyết toán năm gửi cho Sở Tài chính trước ngày 01 tháng 5 năm sau năm quyết toán.

3. Trường hợp báo cáo quyết toán theo niên độ của chủ đầu tư lập chưa đúng quy định, Sở, ngành, phòng, ban thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện theo phân cấp quản lý yêu cầu chủ đầu tư giải trình, cung cấp thông tin, số liệu cần thiết, điều chỉnh những sai sót hoặc yêu cầu lập lại báo cáo để xét duyệt theo quy định. Sở, ngành, phòng, ban thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện theo phân cấp quản lý yêu cầu chủ đầu tư nộp các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước theo quy định và xuất toán các khoản chi sai chế độ, chi không đúng kế hoạch được giao, xử lý theo thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý đối với chủ đầu tư sử dụng vốn không đúng quy định.

Điều 4. Trình tự, thời hạn lập, gửi, xét duyệt, thẩm định và ra thông báo thẩm định quyết toán theo niên độ đối với vốn đầu tư công nguồn ngân sách Nhà nước do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý trên địa bàn tỉnh Phú Yên

1. Kho bạc Nhà nước cấp huyện tổng hợp, lập báo cáo quyết toán theo niên độ gửi Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã (phần Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý) và Kho bạc Nhà nước Phú Yên trước ngày 15 tháng 3 năm sau năm quyết toán.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã lập báo cáo quyết toán năm tổng hợp vào quyết toán ngân sách xã hàng năm trình Hội đồng nhân dân cấp xã phê chuẩn, gửi Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện trước ngày 01 tháng 4 năm sau năm quyết toán.

3. Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện thẩm định quyết toán năm của Ủy ban nhân dân cấp xã và ra thông báo thẩm định báo cáo quyết toán niên độ trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

Trường hợp báo cáo quyết toán năm của Ủy ban nhân dân cấp xã lập chưa đúng quy định, Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện yêu cầu đơn vị giải trình hoặc cung cấp thông tin, số liệu cần thiết, điều chỉnh những sai sót, hoàn chỉnh lại

báo cáo hoặc lập lại báo cáo để xét duyệt theo quy định; yêu cầu đơn vị nộp ngay các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước theo quy định và xuất toán các khoản chi sai chế độ, chi không đúng kế hoạch được giao, xử lý theo thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý đối với chủ đầu tư chi sai chế độ.

4. Sau khi thẩm định, Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện thông báo kết quả thẩm định quyết toán năm gửi Ủy ban nhân dân cấp xã và Kho bạc Nhà nước cấp huyện; tổng hợp vào quyết toán ngân sách huyện hàng năm, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện để trình Hội đồng nhân dân cấp huyện phê chuẩn.

5. Căn cứ kết quả thẩm định của Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện, nếu có sai lệch so với số liệu quyết toán đã được Hội đồng nhân dân cấp xã phê chuẩn trước đó, Bộ phận tài chính, kế toán xã có trách nhiệm tổng hợp những nội dung cần điều chỉnh trên báo cáo quyết toán, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã trình Hội đồng nhân dân cấp xã ban hành nghị quyết phê chuẩn điều chỉnh bổ sung trong kỳ họp gần nhất.

Điều 5. Sử dụng Biểu mẫu

Các đơn vị thực hiện báo cáo theo các Biểu mẫu tại Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định về hệ thống biểu mẫu sử dụng trong công tác quyết toán.

1. Kho bạc Nhà nước Phú Yên, Kho bạc Nhà nước cấp huyện báo cáo theo Mẫu số 08/QTND.

2. Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh, Ban Quản lý dự án chuyên ngành thuộc tỉnh lập báo cáo quyết toán năm gửi cho Sở Tài chính theo Mẫu số 01/QTND (có xác nhận với cơ quan kiểm soát thanh toán), Mẫu số 02/QTND (nếu có).

3. Chủ đầu tư là các phòng, ban thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện lập báo cáo quyết toán năm gửi cho Phòng Tài chính - Kế hoạch theo Mẫu số 01/QTND (có xác nhận với cơ quan kiểm soát thanh toán), Mẫu số 02/QTND (nếu có).

4. Ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp báo cáo quyết toán năm gửi cho Sở Tài chính theo Mẫu số 04/QTND (có xác nhận với cơ quan kiểm soát thanh toán), Mẫu số 05/QTND (nếu có).

5. Cơ quan tài chính thông báo kết quả thẩm định quyết toán năm theo Mẫu số 09/QTND

Điều 6. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định có hiệu lực từ ngày 20 tháng 7 năm 2023.

2. Trách nhiệm của các đơn vị được Ủy ban nhân dân tỉnh, huyện, xã giao làm chủ đầu tư dự án sử dụng vốn đầu tư công trên địa bàn tỉnh; các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh chịu trách nhiệm về số liệu được đưa vào báo cáo quyết toán theo niên độ năm; tổng hợp, lập, gửi, xét duyệt, thẩm định báo cáo quyết toán năm theo đúng quy định tại Nghị định số 99/2021/NĐ-CP, Thông tư số 96/2021/TT-BTC và quy định tại Quyết định này.

3. Những nội dung không quy định tại quyết định này thực hiện theo Nghị định số 99/2021/NĐ-CP, Thông tư số 96/2021/TT-BTC và các văn bản pháp luật có liên quan.

4. Trong quá trình thực hiện, trường hợp có văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu để áp dụng tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì sẽ áp dụng theo các văn bản mới đó.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có vướng mắc đề nghị các cơ quan, đơn vị tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Tấn Hồ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:39/2023/QĐ-UBND

Phú Yên, ngày 10 tháng 7 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Quy định quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư nguồn ngân sách Nhà nước giao cho cộng đồng tự thực hiện xây dựng công trình theo định mức hỗ trợ (bằng hiện vật hoặc bằng tiền) đối với các dự án theo cơ chế đặc thù thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Phú Yên

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Bộ Tài chính quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính (tại Tờ trình số 1598/TTr-STC ngày 15 tháng 6 năm 2023 và Văn bản số 1787/STC-TCĐT ngày 29 tháng 6 năm 2023).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định việc quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư nguồn ngân sách Nhà nước giao cho cộng đồng tự thực hiện xây dựng công trình theo định mức hỗ trợ (bằng hiện vật hoặc bằng tiền) đối với dự án có kỹ thuật không phức tạp và có tổng mức đầu tư dưới 500 triệu đồng, thực hiện theo cơ chế đặc thù thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quyết định này áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến việc sử dụng, quản lý, thanh toán, quyết toán vốn hỗ trợ bằng tiền hoặc hiện vật từ nguồn ngân sách nhà nước để thực hiện xây dựng công trình theo định mức hỗ trợ đối với dự án có kỹ thuật không phức tạp và tổng mức đầu tư dưới 500 triệu đồng, thực hiện theo cơ chế đặc thù thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

Điều 3. Tiêu chí lựa chọn dự án đầu tư xây dựng giao cho cộng đồng dân cư tự thực hiện

Đảm bảo đáp ứng các tiêu chí sau đây

1. Thuộc danh mục loại dự án được áp dụng cơ chế đặc thù thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2023 - 2025 trên địa bàn tỉnh Phú Yên do Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên ban hành tại Quyết định số 610/QĐ-UBND ngày 19/5/2023 Ban hành danh mục loại dự án được áp dụng cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

2. Tổng mức đầu tư dưới 500 triệu đồng.

3. Do cộng đồng dân cư hưởng lợi trực tiếp từ công trình, có đủ năng lực quản lý và tổ chức thi công.

Điều 4. Nguyên tắc thực hiện

1. Việc quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư nguồn ngân sách Nhà nước giao cho cộng đồng dân cư hưởng lợi trực tiếp tự thực hiện xây dựng công trình theo định mức hỗ trợ (bằng hiện vật hoặc bằng tiền) đảm bảo đúng mục đích, đúng đối tượng, tiết kiệm, hiệu quả theo đúng quy định về quản lý đầu tư công và ngân sách Nhà nước của pháp luật hiện hành, quy định của Nghị định số 99/2021/NĐ-CP và quy định tại Quyết định này.

2. Các dự án được tổ chức thực hiện theo cơ chế đặc thù giao cho cộng đồng tự thực hiện xây dựng công trình theo định mức hỗ trợ sử dụng nhiều nguồn vốn khác nhau trong đó có sử dụng nguồn vốn ngân sách Nhà nước thì phần vốn ngân sách nhà nước của Dự án thực hiện theo quy định tại Quyết định này.

3. Đối với các công việc được thực hiện thông qua hợp đồng, việc thanh toán căn cứ vào hợp đồng phải phù hợp với loại hợp đồng, giá hợp đồng và các điều kiện trong hợp đồng. Số lần thanh toán, giai đoạn thanh toán, thời điểm thanh toán, hồ sơ thanh toán và điều kiện thanh toán phải được quy định cụ thể trong hợp đồng. Chủ đầu tư có trách nhiệm tuân thủ các điều kiện áp dụng các loại giá hợp đồng theo quy định hiện hành.

Đối với các công việc được thực hiện không thông qua hợp đồng, việc thanh toán trên căn cứ bảng xác định giá trị công việc hoàn thành. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp pháp của khối lượng và giá trị đề nghị thanh toán theo dự toán chi phí thực hiện công việc được duyệt phù hợp với tính chất từng loại công việc.

4. Cơ quan kiểm soát, thanh toán có trách nhiệm kiểm soát, thanh toán vốn kịp thời, đầy đủ, đúng quy định cho dự án khi có đủ điều kiện thanh toán, đủ hồ sơ thanh toán theo quy định.

5. Thanh toán vốn ngân sách Nhà nước hỗ trợ thực hiện dự án đầu tư xây dựng phải trên cơ sở kết quả nghiệm thu khối lượng công trình hoàn thành được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận.

Điều 5. Quản lý, thanh toán vốn đầu tư

1. Việc quản lý, thanh toán vốn đầu tư từ nguồn ngân sách Nhà nước được thực hiện theo quy định tại Chương II Nghị định số 99/2021/NĐ-CP.

2. Mở tài khoản, cấp mã số (nếu chưa có).

a) Mở tài khoản thanh toán.

Chủ đầu tư mở tài khoản thanh toán vốn đầu tư tại Kho bạc Nhà nước để thực hiện kiểm soát, thanh toán vốn theo quy định tại Thông tư số 18/2020/TT-BTC ngày 31/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn đăng ký và sử dụng tài khoản tại Kho bạc Nhà nước.

b) Mở mã dự án.

Chủ đầu tư mở mã số dự án theo quy định tại Thông tư số 185/2015/TT-BTC ngày 17/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn đăng ký, cấp và sử dụng mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách.”.

3. Hồ sơ kiểm soát, thanh toán vốn.

Thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 9 Nghị định số 99/2021/NĐ-CP.

4. Tạm ứng vốn.

a) Mức vốn tạm ứng: Thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 10 Nghị định số 99/2021/NĐ-CP.

b) Hồ sơ tạm ứng vốn: Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Nghị định số 99/2021/NĐ-CP.

c) Thu hồi vốn tạm ứng: Thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 10 Nghị định số 99/2021/NĐ-CP.

5. Thanh toán khối lượng hoàn thành.

a) Đối với các công việc được thực hiện thông qua hợp đồng: Thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 9 Nghị định số 99/2021/NĐ-CP.

b) Đối với các công việc được thực hiện không thông qua hợp đồng: Thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 9 Nghị định số 99/2021/NĐ-CP.

6. Chi phí quản lý dự án.

a) Hồ sơ pháp lý (gửi một lần vào đầu năm hoặc khi có phát sinh, điều chỉnh, bổ sung): Thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 7 Điều 9 Nghị định số 99/2021/NĐ-CP.

b) Hồ sơ tạm ứng vốn, hồ sơ thanh toán: Thực hiện theo quy định tại điểm b, điểm c khoản 7 Điều 9 Nghị định số 99/2021/NĐ-CP.

Điều 6. Quyết toán vốn đầu tư

1. Quyết toán vốn đầu tư nguồn ngân sách Nhà nước theo niên độ ngân sách.

Quyết toán vốn đầu tư nguồn ngân sách Nhà nước theo niên độ ngân sách thực hiện theo quy định tại Nghị định số 99/2021/NĐ-CP, Thông tư số 96/2021/TT-BTC và quy định thời hạn gửi báo cáo quyết toán theo niên độ đối với vốn đầu tư công nguồn ngân sách Nhà nước do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện quản lý; trình tự, thời hạn lập, gửi, xét duyệt, thẩm định và ra thông báo

thẩm định quyết toán theo niên độ đối với vốn đầu tư công nguồn ngân sách Nhà nước do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

2. Quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành.

a) Các dự án giao cho cộng đồng dân cư hưởng lợi trực tiếp tự thực hiện xây dựng công trình theo định mức hỗ trợ (bằng hiện vật hoặc bằng tiền) thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Phú Yên khi hoàn thành bàn giao đưa vào khai thác sử dụng phải lập báo cáo quyết toán và được thẩm tra, phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành theo quy định, trong đó:

Đối với phần vốn đầu tư hỗ trợ bằng tiền: Giá trị quyết toán của từng loại công việc bằng khối lượng công việc hoàn thành đã được nghiệm thu theo quy định nhân (x) với đơn giá, định mức theo quy định.

Đối với phần vốn đầu tư hỗ trợ bằng hiện vật: Thực hiện quyết toán theo giá trị hiện vật thực tế (hồ sơ, chứng từ thực tế thực hiện) trong giá trị công trình được nghiệm thu theo quy định.

b) Các nội dung khác liên quan đến vấn đề quyết toán như thành phần hồ sơ, trình tự, thủ tục, nội dung thẩm tra, định mức chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán, mẫu biểu quyết toán dự án hoàn thành, chế độ báo cáo và kiểm tra được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 99/2021/NĐ-CP, Thông tư số 96/2021/TT-BTC và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

Điều 7. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức có liên quan

1. Trách nhiệm của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan phân bổ, giao kế hoạch vốn đầu tư trung hạn và hằng năm thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia theo đúng quy định.

2. Trách nhiệm của Sở Tài chính, Phòng Tài chính - Kế hoạch.

a) Sở Tài chính phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và các Sở, ngành liên quan trong tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh đảm bảo kinh phí từ ngân sách tỉnh theo quy định hiện hành; Kiểm tra tình hình quản lý, sử dụng và quyết toán vốn đầu tư.

b) Phòng Tài chính - Kế hoạch tham mưu giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện phân bổ kế hoạch và điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư do cấp huyện quản lý theo quy định; Tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch vốn hàng năm theo quy định; Thẩm tra báo cáo quyết toán dự án hoàn thành (trường hợp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản đề nghị).

3. Trách nhiệm của Kho bạc Nhà nước tỉnh, huyện: Kiểm soát, thanh toán vốn kịp thời, đầy đủ cho dự án khi đã có đủ điều kiện và đúng thời gian quy định của pháp luật hiện hành và Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ; đôn đốc chủ đầu tư thực hiện đúng quy định về tạm ứng, thu hồi vốn tạm ứng; thực hiện chế độ thông tin báo cáo và quyết toán vốn đầu tư theo quy định.

4. Trách nhiệm của Ban Dân tộc, Sở Lao động Thương binh và Xã hội, Sở Nông nghiệp và PTNT căn cứ chức năng, nhiệm vụ để phối hợp tổ chức thực hiện.

5. Trách nhiệm UBND huyện, thị xã, thành phố:

a) Thực hiện phân bổ và điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư do cấp huyện quản lý; giao nhiệm vụ, chỉ đạo cơ quan chuyên môn tổ chức thẩm định Hồ sơ xây dựng

công trình, Phòng Tài chính - Kế hoạch thẩm tra quyết toán các công trình hoàn thành trong trường hợp UBND cấp xã đề nghị; thực hiện quy định chế độ thông tin báo cáo.

b) Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc tổ chức thực hiện tại cấp xã.

6. Trách nhiệm của UBND cấp xã.

a) Chỉ đạo việc triển khai thực hiện các dự án giao cho cộng đồng tự thực hiện xây dựng công trình trên địa bàn xã theo cơ chế đặc thù; huy động sự tham gia của các tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn xã tham gia thực hiện xây dựng công trình.

b) Tổ chức thẩm định, phê duyệt Hồ sơ xây dựng công trình đơn giản; Thẩm tra, phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành. Trường hợp Ủy ban nhân dân cấp xã không đủ năng lực thẩm định Hồ sơ xây dựng công trình, thẩm tra quyết toán các công trình hoàn thành, Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân cấp huyện giao cho cơ quan chuyên môn tổ chức thẩm định Hồ sơ xây dựng công trình và giao Phòng Tài chính - Kế hoạch thẩm tra quyết toán các công trình hoàn thành.

c) Thực hiện quản lý chất lượng, tiến độ, khối lượng, an toàn lao động, môi trường xây dựng, chi phí quản lý đầu tư xây dựng công trình.

d) Giao cho Ban phát triển thôn trực tiếp quản lý vận hành công trình xây dựng.

đ) Quyết định kế hoạch bảo trì và giao cho cộng đồng dân cư thực hiện bảo trì công trình xây dựng.

7. Trách nhiệm của Ban quản lý xã:

a) Ban quản lý xã trực thuộc Ủy ban nhân dân xã, có tư cách pháp nhân, được mở tài khoản tại cơ quan Kho bạc Nhà nước và sử dụng con dấu của Ủy ban nhân dân xã trong hoạt động giao dịch với các tổ chức và cá nhân có liên quan theo quy định của pháp luật.

b) Chịu trách nhiệm giúp UBND cấp xã quản lý, sử dụng vốn đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả; ký hợp đồng với Ban phát triển thôn để tổ chức thi công công trình, giám sát trong quá trình thi công, tổ chức nghiệm thu công trình; tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp xã và tổ chức huy động sự đóng góp của nhân dân để thi công công trình. Tổng hợp theo dõi chi tiết các khoản nhân dân đóng góp xây dựng công trình.

c) Xây dựng kế hoạch bảo trì công trình xây dựng.

8. Trách nhiệm của Ban phát triển thôn.

a) Lập Hồ sơ xây dựng công trình đơn giản gửi Ủy ban nhân dân cấp xã thẩm định và phê duyệt. Trường hợp gặp khó khăn trong lập Hồ sơ xây dựng công trình đơn giản, Ban phát triển thôn có văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân cấp xã cử cán bộ chuyên môn hỗ trợ lập Hồ sơ xây dựng công trình đơn giản.

b) Tổ chức thi công công trình, phối hợp với Ban quản lý xã thực hiện giám sát và nghiệm thu công trình.

c) Trực tiếp quản lý vận hành khai thác công trình xây dựng.

Điều 8. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 20 tháng 7 năm 2023.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân

các xã, phường, thị trấn và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

3. Trong trường hợp các văn bản được dẫn chiếu tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành.

4. Các nội dung không quy định tại Quyết định này thực hiện theo quy định tại Nghị định số 27/2022/NĐ-CP; Nghị định số 99/2021/NĐ-CP và các văn bản pháp luật hiện hành.

5. Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có vướng mắc đề nghị các cơ quan, đơn vị tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Tấn Hồ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 48/2023/QĐ-UBND

Phú Yên, ngày 21 tháng 9 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Bãi bỏ Quyết định số 1421/2010/QĐ-UBND ngày 23 tháng 9 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên về việc ban hành Quy định về đối tượng và mức hỗ trợ kinh phí cho doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh áp dụng các hệ thống quản lý và công nghệ tiên tiến nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 06/2022/TT-BKHĐT ngày 10 tháng 5 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số điều của Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 53/TTr-SKH-CN ngày 24 tháng 8 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bãi bỏ toàn bộ Quyết định số 1421/2010/QĐ-UBND ngày 23 tháng 9 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên về việc ban hành Quy định về đối tượng và mức hỗ trợ kinh phí cho doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh áp dụng các hệ thống quản lý và công nghệ tiên tiến nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 10 năm 2023.
2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Tạ Anh Tuấn

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 49/2023/QĐ-UBND

Phú Yên, ngày 02 tháng 10 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Kiến trúc ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 49/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 100/2015/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về phát triển và quản lý nhà ở xã hội;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị quyết số 293/NQ-UBND ngày 02/10/2023 của UBND tỉnh;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 59/TTr-SXD ngày 13 tháng 9 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bãi bỏ toàn bộ các văn bản quy phạm pháp luật sau đây:

1. Quyết định số 17/2017/QĐ-UBND ngày 03 tháng 5 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên ban hành Quy định một số nội dung về quản lý các dự án đầu tư phát triển nhà ở xã hội có nguồn vốn ngoài ngân sách trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

2. Quyết định số 18/2019/QĐ-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên ban hành Quy định phân công trách nhiệm và phân cấp quản lý chất thải rắn xây dựng trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

3. Quyết định số 22/2017/QĐ-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên ban hành quy định quản lý đầu tư xây dựng Chương trình bê tông hóa hẻm phố tại các đô thị trên địa bàn tỉnh.

4. Quyết định số 26/2018/QĐ-UBND ngày 02 tháng 7 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định quản lý đầu tư xây dựng Chương trình bê tông hóa hẻm phố tại các đô thị trên địa bàn tỉnh Phú Yên kèm theo Quyết định số 22/2017/QĐ-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên.

5. Quyết định số 47/2016/QĐ-UBND ngày 09 tháng 9 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên ban hành Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc và xây dựng đường Hùng Vương, thành phố Tuy.

6. Quyết định số 60/2017/QĐ-UBND ngày 27 tháng 11 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên ban hành Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc và xây dựng tuyến đường Nguyễn Tất Thành, thành phố Tuy Hòa.

7. Quyết định số 06/2018/QĐ-UBND ngày 12 tháng 02 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên ban hành Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc và xây dựng tuyến đường Nam Hùng Vương (đoạn từ Nam cầu Hùng Vương đến Bắc cầu Đà Nông).

8. Quyết định số 01/2020/QĐ-UBND ngày 03 tháng 01 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên ban hành Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên.

9. Chỉ thị số 31/2007/CT-UBND ngày 12 tháng 9 năm 2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên về quản lý đất đai vùng Hòa Tâm, huyện Đông Hòa.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 15 tháng 10 năm 2023.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Tấn Hồ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 50 /2023/QĐ-UBND

Phú Yên, ngày 04 tháng 10 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế phối hợp thực hiện nhiệm vụ quản lý Nhà nước
đối với Khu kinh tế Nam Phú Yên và các khu công nghiệp
trên địa bàn tỉnh Phú Yên**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm
pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Chính phủ
quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;*

*Căn cứ Nghị quyết số 287/NQ-UBND ngày 25/9/2023 của UBND tỉnh về việc
thông qua các nội dung do Ban Quản lý Khu kinh tế, Sở Xây dựng và Sở Tài
nguyên và Môi trường tham mưu, đề xuất;*

*Theo đề nghị của Trưởng Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Yên (tại Tờ trình số
45/TTr-KKT ngày 30 tháng 8 năm 2023).*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp thực hiện nhiệm vụ quản lý Nhà nước đối với Khu kinh tế Nam Phú Yên và các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 16 tháng 10 năm 2023 và thay thế Quyết định số 42/2016/QĐ-UBND ngày 22/8/2016 của UBND tỉnh về ban hành Quy chế phối hợp thực hiện công tác quản lý Nhà nước tại Khu kinh tế Nam Phú Yên và các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ; Trưởng

Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Yên và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và địa phương có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Tấn Hồ

ỦY BAN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH PHÚ YÊN Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ

**Phối hợp thực hiện nhiệm vụ quản lý Nhà nước đối với Khu kinh tế
Nam Phú Yên và các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Phú Yên**

(Ban hành kèm theo Quyết định số : 50 /2023/QĐ-UBND

ngày 04 / 10 /2023 của UBND tỉnh)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Quy chế này quy định nguyên tắc, nội dung, phương thức và trách nhiệm phối hợp giữa Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Yên (sau đây gọi tắt là Ban Quản lý) với các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi chung là UBND cấp huyện) có liên quan trong công tác quản lý Nhà nước đối với Khu kinh tế Nam Phú Yên và các khu công nghiệp (sau đây gọi tắt là KKT, KCN) trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

2. Đối tượng áp dụng:

Quy chế này áp dụng đối với Ban Quản lý; các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện nơi có KKT, KCN và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong KKT, KCN.

Điều 2. Nguyên tắc phối hợp

1. Việc phối hợp quản lý nhà nước tại KKT, KCN trên địa bàn tỉnh theo đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan quản lý Nhà nước các cấp do pháp luật quy định, đảm bảo sự thống nhất, phân định rõ chức năng nhiệm vụ, quản lý chặt chẽ các lĩnh vực liên quan đến hoạt động trong KKT, KCN;

Trên nguyên tắc tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của các doanh nghiệp, nhà đầu tư trong KKT, KCN và có sự phối hợp chặt chẽ với cơ quan đầu mối là Ban Quản lý, đảm bảo nguyên tắc “một cửa, một cửa liên thông”.

2. Ban Quản lý là cơ quan đầu mối quản lý nhà nước trực tiếp trong KKT, KCN trên địa bàn tỉnh. Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện và cơ quan có liên quan khi triển khai nhiệm vụ chuyên môn tại KCN, KKT có trách nhiệm phối hợp và lấy ý kiến tham gia của Ban Quản lý;

3. Hoạt động phối hợp thực hiện theo cơ chế cơ quan chủ trì và cơ quan phối hợp, cụ thể như sau:

a) Cơ quan chủ trì: Chịu trách nhiệm tổ chức triển khai, phối hợp các đơn vị có liên quan thực hiện công việc trong phạm vi thẩm quyền, chức năng, nhiệm vụ được giao chủ trì;

b) Cơ quan phối hợp: Chịu trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ trong phạm vi, chức năng phối hợp; được quyền yêu cầu cơ quan chủ trì cung cấp thông tin, hồ sơ, tài liệu cần thiết để thực hiện nhiệm vụ.

Điều 3. Phương thức phối hợp

Tùy theo tính chất, nội dung công việc cần phối hợp, cơ quan chủ trì quyết định áp dụng một trong các phương thức phối hợp sau đây:

1. Phát hành văn bản và hồ sơ, tài liệu có liên quan (nếu có) đề nghị cơ quan, đơn vị có liên quan phối hợp tham gia ý kiến. Các cơ quan, đơn vị được đề nghị tham gia ý kiến có trách nhiệm nghiên cứu, trả lời bằng văn bản trong thời hạn từ 03 đến 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được nhận đủ hồ sơ (tùy theo tính chất công việc) hoặc theo thời hạn nêu trong văn bản lấy ý kiến, nội dung trả lời đầy đủ, rõ ràng bằng văn bản về các vấn đề liên quan đến chức năng, nhiệm vụ thuộc phạm vi ngành, lĩnh vực quản lý theo đề nghị tham gia ý kiến của cơ quan chủ trì;

2. Tổ chức họp lấy ý kiến trong trường hợp cần thiết. Ý kiến của cá nhân được cử đi họp là ý kiến chính thức của đơn vị. Trường hợp cơ quan được mời không bố trí cá nhân dự họp được thì có trách nhiệm tham gia ý kiến bằng văn bản gửi về cho cơ quan chủ trì trước ngày tổ chức họp lấy ý kiến. Trường hợp có vấn đề thuộc nội dung cuộc họp không thống nhất giữa các đơn vị có liên quan thì các bên liên quan được bảo lưu ý kiến của mình trong biên bản cuộc họp và cơ quan chủ trì cuộc họp có trách nhiệm báo cáo, đề xuất hướng xử lý để UBND tỉnh xem xét, quyết định trong thời gian sớm nhất;

3. Cung cấp thông tin, tài liệu có liên quan đến công tác quản lý Nhà nước đối với KKT, KCN;

4. Tổ chức nhóm công tác hoặc đoàn công tác liên ngành thực hiện việc điều tra, khảo sát, thực địa; tiếp nhận thông tin, phản ánh, xử lý các công việc khẩn cấp ngoài giờ hành chính và các ngày nghỉ;

5. Tổ chức gặp mặt, đối thoại với các doanh nghiệp trong KKT, KCN nhằm trao đổi, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình hoạt động;

6. Tham gia đoàn thanh tra, kiểm tra;

7. Định kỳ sơ kết, tổng kết công tác phối hợp;

8. Các phương thức khác.

Điều 4. Lĩnh vực phối hợp

Ban Quản lý phối hợp với các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện để thực hiện nhiệm vụ quản lý Nhà nước tại KKT, KCN trên một số lĩnh vực chủ yếu sau:

1. Quản lý Nhà nước về đầu tư và xúc tiến đầu tư;

2. Quản lý Nhà nước về quy hoạch và xây dựng;

3. Quản lý Nhà nước về đất đai và bồi thường, hỗ trợ, tái định cư;

4. Quản lý Nhà nước về môi trường;

5. Quản lý Nhà nước về doanh nghiệp và thương mại;
6. Quản lý Nhà nước về lao động;
7. Quản lý Nhà nước về khoa học và công nghệ;
8. Quản lý Nhà nước về an ninh trật tự, phòng chống cháy nổ;
9. Quản lý Nhà nước về công tác thanh tra, kiểm tra;
10. Một số lĩnh vực khác.

Chương II

NỘI DUNG VÀ TRÁCH NHIỆM PHỐI HỢP

Điều 5. Quản lý Nhà nước về đầu tư và xúc tiến đầu tư

1. Trách nhiệm của Ban Quản lý:

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan xây dựng chương trình, kế hoạch về xúc tiến đầu tư phát triển KKT, KCN gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt;

b) Tổ chức thực hiện hoạt động xúc tiến đầu tư theo kế hoạch đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; tham gia các chương trình xúc tiến đầu tư vào KKT, KCN do các Bộ, ngành Trung ương và Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức;

c) Tiếp nhận hồ sơ, gửi văn bản kèm hồ sơ xin ý kiến thẩm định của các sở, ban, ngành, đơn vị chức năng có liên quan, tổng hợp, xem xét cấp, điều chỉnh, thu hồi quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với các dự án đầu tư thuộc thẩm quyền; tổng hợp trình cấp có thẩm quyền cấp, điều chỉnh, thu hồi chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với những dự án vượt thẩm quyền;

d) Kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện mục tiêu đầu tư quy định tại Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, tiến độ góp vốn và triển khai dự án đầu tư; việc thực hiện các điều khoản cam kết đối với các dự án được hưởng ưu đãi đầu tư và việc chấp hành quy định của pháp luật về xây dựng, lao động, tiền lương, bảo hiểm xã hội đối với người lao động, bảo vệ quyền lợi hợp pháp của người lao động và người sử dụng lao động, bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ, an ninh, trật tự, bảo vệ môi trường đối với các dự án tại KKT, KCN;

đ) Trao đổi, cung cấp thông tin cho các đơn vị phối hợp về việc cấp, điều chỉnh, thu hồi Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư của các dự án trong KKT, KCN khi có yêu cầu.

2. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện:

a) Trên cơ sở đề xuất của Ban Quản lý và các cơ quan, đơn vị chức năng, Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh ban hành chương trình xúc tiến đầu tư hàng năm và công tác xúc tiến, kêu gọi đầu tư vào địa bàn tỉnh, trong đó có xúc tiến kêu gọi đầu tư vào KKT và các KCN;

b) Tham gia ý kiến bằng văn bản theo đề nghị của Ban Quản lý đối với các nội dung liên quan đến chức năng quản lý Nhà nước của cơ quan, đơn vị. Ngoài ra, phải

có quan điểm, thông tin đối với từng hồ sơ dự án cụ thể theo nội dung đề nghị phối hợp của Ban Quản lý và theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao của các cơ quan, đơn vị.

Điều 6. Quản lý Nhà nước về quy hoạch và xây dựng

1. Quản lý quy hoạch chung xây dựng KKT:

a) Trách nhiệm của Ban Quản lý:

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan lập nhiệm vụ và đồ án quy hoạch chung; điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng KKT, đề xuất UBND tỉnh để trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;

- Thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về quy hoạch chung xây dựng KKT;

- Chủ trì phối hợp với UBND cấp huyện trong việc công bố công khai quy hoạch chung sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt; cung cấp, bàn giao đầy đủ các hồ sơ được duyệt và các hồ sơ liên quan theo quy định để các sở, ngành và UBND cấp huyện biết, thực hiện.

b) Trách nhiệm của Sở Xây dựng:

Phối hợp Ban Quản lý trong quá trình thực hiện rà soát, tổ chức lập nhiệm vụ và đồ án quy hoạch chung, điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng KKT.

c) Trách nhiệm của UBND cấp huyện:

- Tham gia ý kiến về nhiệm vụ và đồ án quy hoạch chung, điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng KKT theo đề nghị của Ban Quản lý;

- Phối hợp với Ban Quản lý tổ chức lấy ý kiến cộng đồng dân cư về nhiệm vụ, đồ án quy hoạch chung, điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng KKT; cung cấp các thông tin có liên quan phục vụ công tác lập đồ án quy hoạch trong phạm vi địa giới hành chính quản lý (*hiện trạng sử dụng đất, các yếu tố ảnh hưởng đến cộng đồng dân cư, môi trường, ...*);

- Phối hợp với Ban Quản lý tổ chức công bố quy hoạch chung xây dựng KKT theo quy định.

2. Quản lý quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết các khu chức năng trong KKT, KCN:

a) Trách nhiệm của Ban Quản lý:

- Chủ trì trong công tác tổ chức lập, trình thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, đồ án quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết; điều chỉnh quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết và quản lý đối với quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết thuộc khu chức năng trong KKT, KCN theo quy định pháp luật;

- Chủ trì hướng dẫn nhà đầu tư, đơn vị nghiên cứu lập hồ sơ quy hoạch xây dựng. Tiếp nhận hồ sơ và trình đề xuất của nhà đầu tư, đơn vị nghiên cứu lập quy hoạch; trong trường hợp cần thiết, phối hợp với các các sở, ngành và UBND cấp huyện để lấy ý kiến tham gia;

- Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng, UBND cấp huyện tổ chức công bố quy hoạch xây dựng các khu chức năng trong KKT, KCN và triển khai cắm mốc giới quy hoạch ngoài thực địa và bàn giao cho chính quyền địa phương quản lý;

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, UBND cấp huyện và các cơ quan liên quan thỏa thuận, chấp thuận hướng tuyến và đấu nối các công trình hạ tầng kỹ thuật trong KKT, KCN;

- Phối hợp tham gia ý kiến về địa điểm, nhiệm vụ, đồ án quy hoạch xây dựng khác trong phạm vi KKT được UBND tỉnh giao cho UBND cấp huyện tổ chức thực hiện và quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền thẩm định, phê duyệt của UBND cấp huyện.

b) Trách nhiệm của Sở Xây dựng:

- Thực hiện công tác thẩm định Nhiệm vụ và Đồ án quy hoạch các khu chức năng, KCN, khu đô thị trong KKT theo quy định của pháp luật về quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị;

- Tham gia và có ý kiến đóng góp về chuyên môn tại các cuộc họp thông qua nhiệm vụ và đồ án quy hoạch do Ban Quản lý tổ chức;

- Chủ trì hoặc phối hợp kiểm tra, thanh tra, giám sát việc quản lý quy hoạch theo thẩm quyền; xử lý theo thẩm quyền hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền xử lý các hành vi vi phạm.

c) Trách nhiệm của UBND cấp huyện:

- Tổ chức thẩm định và phê duyệt nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng theo chức năng nhiệm vụ và thẩm quyền;

- Phối hợp, lấy ý kiến về nhiệm vụ, đồ án quy hoạch do Ban Quản lý được giao làm chủ đầu tư hoặc các dự án do nhà đầu tư thực hiện trong KKT, KCN;

- Phối hợp với Ban Quản lý tổ chức công bố quy hoạch, cắm mốc và quản lý mốc giới quy hoạch ngoài thực địa theo quy định.

3. Quản lý Nhà nước về xây dựng đối với các dự án thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước do Ban Quản lý làm chủ đầu tư:

a) Trách nhiệm của Ban Quản lý:

Tổ chức lập kế hoạch đầu tư, phát triển hạ tầng KKT và các khu chức năng khác trong KKT được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước hàng năm, 05 năm trình UBND tỉnh phê duyệt.

b) Trách nhiệm của Sở Kế hoạch và Đầu tư:

Trên cơ sở đề xuất của Ban Quản lý, Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính tổng hợp nhu cầu vốn đầu tư công đối với các dự án do Ban Quản lý làm chủ đầu tư trình UBND tỉnh; tổ chức thẩm định, trình phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh.

c) Trách nhiệm của Sở Xây dựng:

Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng, thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở; kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng.

d) Trách nhiệm của Sở Tài chính:

Tổ chức thẩm tra đối với các dự án sử dụng vốn đầu tư công dự án hoàn thành do UBND tỉnh quản lý, trình người có thẩm quyền quyết định phê duyệt dự án đầu tư;

kip thời tham mưu giải quyết các vướng mắc liên quan đến quyết toán dự án hoàn thành.

đ) Trách nhiệm của UBND cấp huyện:

Chủ tịch UBND cấp huyện phê duyệt các dự án nhóm B, nhóm C do cấp mình quản lý theo thẩm quyền.

4. Quản lý Nhà nước về xây dựng đối với các dự án thuộc nguồn vốn khác:

a) Trách nhiệm của Ban Quản lý:

- Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đầu tư xây dựng đối với dự án theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 13 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP được đầu tư xây dựng tại KCN, Khu chức năng của KKT được giao quản lý (*trừ Khu đô thị Nam TP. Tuy Hòa, các đô thị và các khu dân cư thuộc TX. Đông Hòa*);

- Cấp, điều chỉnh, gia hạn, cấp lại, thu hồi giấy phép xây dựng đối với các công trình đã quy định tại điểm b khoản 1 Điều 4 Quyết định số 43/2021/QĐ-UBND ngày 26/10/2021 của UBND tỉnh ban hành Quy định một số nội dung về cấp Giấy phép xây dựng công trình, nhà ở riêng lẻ trên địa bàn tỉnh Phú Yên;

- Quản lý chất lượng các công trình được đầu tư xây dựng trên địa bàn được giao quản lý tại KCN, Khu chức năng của KKT (*trừ Khu đô thị Nam thành phố Tuy Hòa, các đô thị và các khu dân cư thuộc thị xã Đông Hòa*);

- Chủ trì, phối hợp với các sở: Xây dựng, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương kiểm tra thường xuyên, định kỳ theo kế hoạch và kiểm tra đột xuất công tác quản lý chất lượng và an toàn trong thi công xây dựng của các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia xây dựng; chất lượng các công trình xây dựng và an toàn trong thi công xây dựng công trình trên địa bàn được giao quản lý;

- Kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 12 Quyết định số 31/2021/QĐ-UBND ngày 25/8/2021 của UBND tỉnh ban hành Quy định phân cấp, ủy quyền và phân công nhiệm vụ trong quản lý đầu tư xây dựng đối với các dự án do tỉnh Phú Yên quản lý;

- Phối hợp với Sở Xây dựng tổ chức giám định chất lượng công trình xây dựng chuyên ngành khi được yêu cầu; tổ chức giám định nguyên nhân sự cố công trình xây dựng và tổ chức điều tra sự cố về máy, thiết bị đối với công trình xây dựng trên địa bàn được giao quản lý;

- Tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh, Sở Xây dựng về tình hình chất lượng công trình xây dựng, an toàn trong thi công xây dựng công trình và chất lượng các công trình xây dựng trên địa bàn được giao quản lý định kỳ hàng năm và báo cáo đột xuất khi có yêu cầu.

b) Trách nhiệm của Sở chuyên ngành:

Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đầu tư xây dựng; thẩm định thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở; cấp Giấy phép xây dựng; quản lý Nhà nước về chất lượng công trình xây dựng; kiểm tra, nghiệm thu công trình xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng.

c) Trách nhiệm của UBND cấp huyện:

Quản lý Nhà nước về chất lượng công trình xây dựng; kiểm tra, nghiệm thu xây dựng; cấp Giấy phép xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng.

5. Quản lý trật tự xây dựng:

a) Trách nhiệm của Ban Quản lý:

- UBND tỉnh ủy quyền cho Ban Quản lý quản lý đối với các công trình xây dựng được quy định tại khoản 2 Điều 5 Quyết định số 09/2022/QĐ-UBND ngày 14/3/2022 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn tỉnh Phú Yên;

- Có trách nhiệm quản lý Nhà nước về trật tự xây dựng được quy định tại điểm a, điểm b thuộc khoản 2 Điều 6 Quyết định số 09/2022/QĐ-UBND ngày 14/3/2022 của UBND tỉnh.

b) Trách nhiệm của Sở Xây dựng và UBND cấp huyện:

Quản lý Nhà nước về trật tự xây dựng theo thẩm quyền hoặc theo phân cấp, ủy quyền của UBND tỉnh.

Điều 7. Quản lý Nhà nước về đất đai và bồi thường, hỗ trợ, tái định cư

1. Trách nhiệm của Ban Quản lý:

a) Phối hợp UBND cấp huyện có liên quan lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trong KKT, KCN trên địa bàn thị xã, thành phố để đưa vào quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện, trình cấp thẩm quyền phê duyệt;

b) Lập hồ sơ giao đất đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường trình UBND tỉnh giao đất cho Ban Quản lý để thực hiện việc giao lại đất hoặc cho thuê đất đối với các dự án đầu tư tại KKT theo kế hoạch sử dụng đất được UBND tỉnh phê duyệt;

c) Gửi quyết định giao lại đất, cho thuê đất, gia hạn sử dụng đất, trích lục bản đồ địa chính hoặc trích đo địa chính khu đất đến Văn phòng đăng ký đất đai để đăng ký vào hồ sơ địa chính, cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai và trình cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;

d) Quản lý và sử dụng có hiệu quả quỹ đất, mặt nước chuyên dùng đã được giao sau khi đã hoàn thành công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng theo đúng mục đích sử dụng và phù hợp với quy hoạch chung xây dựng khu kinh tế, quy hoạch phân khu xây dựng khu chức năng, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

đ) Xác định tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, tiền thuê mặt nước đối với nhà đầu tư được Nhà nước giao đất, cho thuê đất để thực hiện dự án đầu tư trong khu kinh tế; xác định tiền bồi thường giải phóng mặt bằng được khấu trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất trong khu kinh tế theo quy định của pháp luật về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước trong khu kinh tế;

e) Phối hợp với UBND cấp huyện và các đơn vị liên quan trong công tác bồi thường giải phóng mặt bằng đối với phần diện tích đất đã được UBND tỉnh giao cho Ban Quản lý; báo cáo, đề xuất các biện pháp để giải quyết những khó khăn, vướng

mắc (nếu có) cho cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định đối với các dự án trong KKT, KCN.

2. Trách nhiệm của Sở Tài nguyên và Môi trường:

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định hồ sơ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện trình UBND tỉnh phê duyệt; tham mưu trình UBND tỉnh giao đất cho Ban Quản lý để tổ chức xây dựng KKT theo kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt;

b) Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo thẩm quyền.

3. Trách nhiệm của UBND cấp huyện:

a) Chủ trì, lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trên địa bàn huyện, thành phố trình cấp thẩm quyền thẩm định và phê duyệt;

b) Chủ trì tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt các phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và thu hồi đất; kịp thời giải quyết các vướng mắc liên quan đến công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư trong KKT, KCN theo thẩm quyền; trường hợp vượt quá thẩm quyền thì báo cáo trình UBND tỉnh xem xét, quyết định.

Điều 8. Quản lý Nhà nước về môi trường

1. Trách nhiệm của Ban Quản lý:

a) Chủ trì phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Công an tỉnh, UBND cấp huyện tuyên truyền, phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ môi trường cho chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng KCN và các cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ trong KKT, KCN;

b) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường tham gia thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; cấp, cấp đổi, cấp điều chỉnh, cấp lại giấy phép môi trường đối với các dự án đầu tư trong KKT, KCN;

c) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan giải quyết các tranh chấp, khiếu nại về môi trường giữa các doanh nghiệp sản xuất trong các KCN; khu chức năng của KKT;

d) Chủ trì, phối hợp các cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra đối với chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng KCN, các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong KKT, KCN trong việc thực hiện các quy định bảo vệ môi trường; phát hiện và kịp thời báo cáo với cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền để giải quyết, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường;

đ) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường lập kế hoạch kiểm tra, định kỳ hàng năm các doanh nghiệp trong KKT trình UBND tỉnh phê duyệt;

e) Phối hợp với UBND cấp huyện nơi có KCN tham gia thẩm định cấp, cấp đổi, cấp điều chỉnh, cấp lại giấy phép môi trường đối với các dự án đầu tư trong KKT, KCN.

2. Trách nhiệm của Sở Tài nguyên và Môi trường:

a) Phối hợp với Ban Quản lý trong việc tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường cho chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng KCN và các cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ trong KKT, KCN;

b) Chủ trì, phối hợp với Ban Quản lý và các sở, ban, ngành liên quan thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường; cấp, cấp đổi, cấp điều chỉnh, cấp lại giấy phép môi trường đối với các dự án đầu tư trong KKT, KCN;

c) Chủ trì, phối hợp với Ban Quản lý và các sở, ban, ngành liên quan giải quyết các tranh chấp, khiếu nại về môi trường giữa các tổ chức, cá nhân ngoài KCN với các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh dịch vụ trong KCN;

d) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương lập kế hoạch kiểm tra, thanh tra định kỳ hàng năm các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh trình UBND tỉnh phê duyệt;

đ) Chủ trì, phối hợp với Ban Quản lý và các sở, ban, ngành liên quan ngăn chặn, ứng phó, khắc phục và giải quyết các sự cố môi trường (nếu có). Tổ chức lấy mẫu, bảo quản, phân tích mẫu môi trường phục vụ xác minh, điều tra xử lý sự cố vi phạm theo quy định.

3. Trách nhiệm của Công an tỉnh:

a) Chủ trì, phối hợp với Ban Quản lý trong công tác nắm tình hình, trao đổi, tiếp nhận thông tin về tội phạm, vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường;

b) Tổ chức lực lượng phòng ngừa và đấu tranh với các hành vi vi phạm pháp luật về môi trường; phối hợp với Ban Quản lý kiểm tra, phát hiện, xử lý các vi phạm trong việc chấp hành pháp luật về môi trường và huy động lực lượng ứng phó, khắc phục những sự cố môi trường;

c) Phối hợp với Ban Quản lý, Sở Tài nguyên và Môi trường cử đại diện tham gia đoàn thanh tra, kiểm tra về bảo vệ môi trường khi được đề nghị.

4. Trách nhiệm của UBND cấp huyện:

a) Phối hợp với Ban Quản lý trong việc tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường cho chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng KCN và các cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ trong KKT, KCN;

b) Chủ trì, phối hợp với Ban Quản lý và các sở, ban, ngành liên quan thẩm định và cấp, cấp đổi, cấp điều chỉnh, cấp lại giấy phép môi trường đối với các dự án đầu tư trong KKT, KCN;

c) Chủ trì, phối hợp trong việc ứng phó sự cố môi trường của các doanh nghiệp trong các KCN theo thẩm quyền;

d) Phối hợp với các cơ quan giải quyết tranh chấp, khiếu nại về môi trường phát sinh từ KCN.

Điều 9. Quản lý Nhà nước về doanh nghiệp và thương mại

1. Trách nhiệm của Ban Quản lý:

a) Chủ trì, phối hợp với các ngành chức năng thường xuyên tổ chức đối thoại với các doanh nghiệp nhằm ghi nhận, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc cho các doanh nghiệp, nhà đầu tư trong hoạt động sản xuất;

b) Phối hợp với Sở Công Thương xây dựng và thực hiện chương trình, kế hoạch, đề án xúc tiến thương mại hàng năm;

c) Phối hợp với Sở Công Thương thực hiện việc cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa cho hàng hóa sản xuất tại KKT, KCN theo ủy quyền của Bộ Công Thương.

2. Trách nhiệm của Sở Kế hoạch và Đầu tư:

Phối hợp cung cấp thông tin đăng ký doanh nghiệp, chi nhánh doanh nghiệp có liên quan đến hoạt động đầu tư, sản xuất kinh doanh tại KKT, KCN khi có yêu cầu của Ban Quản lý.

3. Trách nhiệm của Sở Công Thương:

a) Chủ trì, phối hợp xây dựng và thực hiện các chương trình, kế hoạch về khuyến công và xúc tiến thương mại;

b) Chủ trì, phối hợp kiểm tra thực hiện các quy định về tiêu chuẩn, quy chuẩn ngành Công Thương, định mức kinh tế kỹ thuật, quy định về an toàn công nghiệp, an toàn điện, an toàn thực phẩm, hóa chất, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả... và các loại giấy phép, giấy chứng nhận theo quy định của pháp luật.

4. Trách nhiệm của Cục Thuế tỉnh:

a) Chủ trì, phối hợp với Ban Quản lý tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn, giải quyết các vướng mắc cho doanh nghiệp về chính sách, pháp luật về thuế, phí, lệ phí và các khoản thu khác của ngân sách Nhà nước;

b) Thực hiện thanh tra kiểm tra, xử lý vi phạm việc kê khai nộp thuế và cung cấp thông tin theo đúng qui định của Luật Quản lý thuế và các văn bản pháp luật về thuế có liên quan.

Điều 10. Quản lý Nhà nước về lao động

1. Trách nhiệm của Ban Quản lý:

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật lao động; phối hợp giải quyết khó khăn, vướng mắc liên quan việc thực hiện chính sách, pháp luật lao động;

b) Chủ động nắm bắt và phối hợp với các đơn vị có liên quan xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh về tai nạn lao động, đình công;

c) Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, UBND cấp huyện và các cơ quan liên quan điều tra nhu cầu sử dụng lao động của các doanh nghiệp, nhà đầu tư; giới thiệu việc làm cho người lao động vào KKT, KCN;

d) Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Công an tỉnh, Sở Ngoại vụ và các cơ quan liên quan quản lý và thực hiện các thủ tục hành chính đối với người nước ngoài làm việc, cư trú trong KKT, KCN;

đ) Phối hợp với sở, ban, ngành, UBND cấp huyện và các cơ quan liên quan kịp thời giải quyết đơn thư, khiếu nại của người lao động và doanh nghiệp.

2. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội:

a) Chủ trì thực hiện và phối hợp với Ban Quản lý tham mưu, đề xuất UBND tỉnh và UBND cấp huyện trong việc ủy quyền cho Ban Quản lý về lĩnh vực lao động theo hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

b) Chủ trì, phối hợp với Ban Quản lý và các cơ quan liên quan hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra việc chấp hành pháp luật về lao động, bảo hiểm xã hội đối với người lao động, bảo vệ quyền lợi hợp pháp của người lao động và người sử dụng lao động, bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động;

c) Chủ trì, phối hợp với Ban Quản lý, Công an tỉnh và các cơ quan liên quan điều tra các vụ tai nạn lao động; hướng dẫn giải quyết tranh chấp lao động, đình công, lãn công trong KKT, KCN theo quy định của pháp luật;

d) Hằng năm phối hợp với Ban Quản lý, UBND cấp huyện và các cơ quan liên quan tổ chức khảo sát, tổng hợp nhu cầu đào tạo nghề, nhu cầu tuyển dụng lao động của các doanh nghiệp trong KKT, KCN để hỗ trợ doanh nghiệp và người lao động trong đào tạo nghề và giải quyết việc làm;

đ) Phối hợp thông tin các nội dung liên quan đến lĩnh vực quản lý Nhà nước về lao động của Trung ương và địa phương đến các tổ chức, cá nhân hoạt động tại KKT, KCN.

3. Trách nhiệm của Công an tỉnh:

a) Chủ trì, phối hợp với Ban Quản lý hướng dẫn doanh nghiệp thực hiện các quy định về xuất cảnh, nhập cảnh, cư trú, đi lại đối với người nước ngoài làm việc, lưu trú trong KKT, KCN;

b) Phối hợp với Ban Quản lý kiểm tra tình hình sử dụng lao động người nước ngoài của các doanh nghiệp trong KKT, KCN;

c) Chủ trì tổ chức kiểm tra việc thực hiện đăng ký tạm trú đối với người nước ngoài trong KKT, KCN;

d) Trao đổi thông tin về người lao động nước ngoài làm việc tại KKT, KCN đã thực hiện thủ tục xuất, nhập cảnh.

4. Trách nhiệm của Bảo hiểm xã hội tỉnh:

a) Chủ trì, phối hợp với Ban Quản lý và các cơ quan liên quan tổ chức, hướng dẫn thực hiện bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp đối với các doanh nghiệp trong KKT, KCN;

b) Chủ trì, phối hợp với Ban Quản lý thông báo tình hình thu, nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và các hành vi vi phạm pháp luật về bảo hiểm của các doanh nghiệp trong KKT, KCN.

5. Trách nhiệm của UBND cấp huyện:

a) Phối hợp với Ban Quản lý, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Công an tỉnh, công đoàn các cấp để giải quyết các tranh chấp lao động, đình công, ngưng việc tập thể không đúng quy định pháp luật lao động trên địa bàn KKT, KCN;

b) Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổ chức khảo sát, điều tra, thống kê về nguồn cung lao động; tuyên truyền, hỗ trợ giới thiệu việc làm cho người lao động vào làm việc tại các doanh nghiệp trong KKT, KCN.

Điều 11. Quản lý Nhà nước về khoa học và công nghệ

1. Trách nhiệm của Ban Quản lý:

Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức thẩm định công nghệ của dự án đầu tư, đánh giá trình độ và năng lực công nghệ của doanh nghiệp; kiểm tra, kiểm soát công nghệ và chuyển giao công nghệ trong dự án đầu tư, hoạt động nghiên cứu phát triển và ứng dụng công nghệ của doanh nghiệp.

2. Trách nhiệm của Sở Khoa học và Công nghệ:

a) Chủ trì phối hợp với Ban Quản lý thực hiện các nội dung liên quan đến thẩm định công nghệ, chuyển giao công nghệ đối với trường hợp dự án đầu tư vào KKT, KCN thuộc diện phải thẩm định theo quy định;

b) Chủ trì, phối hợp với Ban Quản lý và các cơ quan liên quan giải quyết các khó khăn vướng mắc trong lĩnh vực khoa học công nghệ của các dự án đầu tư vào KKT, KCN.

Điều 12. Quản lý Nhà nước về an ninh trật tự, phòng chống cháy nổ

1. Trách nhiệm của Ban Quản lý:

a) Phối hợp với các đơn vị công an và các cơ quan, đơn vị có thẩm quyền khác trong việc kiểm tra công tác đảm bảo an ninh công nhân, an ninh, trật tự; phòng chống cháy nổ, bảo vệ môi trường, đầu tư, xây dựng và đề xuất những biện pháp thực hiện công tác bảo đảm đảm bảo an ninh công nhân, an ninh, trật tự, tổ chức lực lượng bảo vệ, lực lượng phòng cháy, chữa cháy trong KKT, KCN;

b) Phối hợp, trao đổi với Công an tỉnh về tình hình có liên quan đến an ninh công nhân, an ninh, trật tự và các hoạt động đầu tư, sản xuất kinh doanh, xuất nhập khẩu; việc chấp hành pháp luật Việt Nam, các dấu hiệu hoạt động vi phạm pháp luật của các doanh nghiệp; tình hình lưu trú của người lao động nước ngoài trong KKT, KCN;

c) Phối hợp với Công an tỉnh hướng dẫn doanh nghiệp hoạt động trong KCN, KKT triển khai thực hiện phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc;

d) Phối hợp với Công an tỉnh kiểm tra định kỳ và kiểm tra đột xuất đối với các doanh nghiệp về công tác phòng cháy, chữa cháy; phối hợp thực hiện công tác chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ tại các doanh nghiệp khi có sự cố xảy ra; huy động các doanh nghiệp trong KCN, KKT tham gia hỗ trợ chữa cháy, cứu hộ, cứu nạn.

2. Trách nhiệm của Công an tỉnh:

a) Chủ trì xây dựng các phương án, kế hoạch bảo đảm an ninh công nhân, an ninh, trật tự đối với KKT, KCN; tăng cường công tác quản lý Nhà nước về an ninh trật tự, phối hợp thanh tra, kiểm tra, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật, nhất là quản lý xuất nhập cảnh, quản lý người nước ngoài, bảo vệ an ninh kinh tế, bảo vệ bí mật Nhà nước, bảo vệ môi trường, an toàn phòng cháy chữa cháy,... Chủ động nắm tình hình, đấu tranh ngăn chặn âm mưu hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, phản động, phần tử xấu lợi dụng đình công, khiếu kiện... địa bàn xung quanh;

b) Chủ trì, phối hợp với Ban Quản lý xây dựng, củng cố phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc tại KKT, KCN; chú trọng đào tạo, tập huấn nghiệp vụ cho lực lượng bảo vệ KCN và các doanh nghiệp trong KKT, KCN;

c) Chủ trì, phối hợp với Ban Quản lý và các doanh nghiệp tổ chức tuyên truyền, giáo dục, phổ biến kiến thức PCCC, huấn luyện nghiệp vụ PCCC và cứu nạn, cứu hộ cho nhân viên lao động và lực lượng PCCC cơ sở tại KKT, KCN;

Hướng dẫn các doanh nghiệp xây dựng, tổ chức thực tập phương án chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và hướng dẫn người đứng đầu doanh nghiệp tổ chức thực hiện công tác tự kiểm tra PCCC; tổ chức huấn luyện, kiểm tra nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ đối với doanh nghiệp và công nhân làm việc trong KKT, KCN;

Chủ trì, phối hợp với Ban Quản lý kiểm tra, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về PCCC đối với các tổ chức, cá nhân vi phạm quy định về an toàn PCCC theo quy định của pháp luật; tổ chức chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ khi có sự cố cháy, nổ xảy ra.

3. Trách nhiệm của UBND cấp huyện:

Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn phối hợp với Công an tỉnh, Ban Quản lý trong việc đảm bảo an ninh trật tự an toàn xã hội, phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội... trên địa bàn KKT, KCN.

Điều 13. Quản lý Nhà nước về công tác thanh tra, kiểm tra

1. Trách nhiệm của Ban Quản lý:

a) Thực hiện công tác kiểm tra theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý các hành vi vi phạm hành chính trong KKT, KCN trên các lĩnh vực thuộc chức năng quản lý Nhà nước trực tiếp của Ban Quản lý;

b) Phối hợp với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ thanh tra, kiểm tra theo quy định của pháp luật; xử lý chồng chéo trong hoạt động thanh tra, kiểm tra.

2. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện:

a) Thực hiện chức năng thanh tra, kiểm tra theo quy định của pháp luật đối với các tổ chức, cá nhân trong KKT, KCN; thông báo đến Ban Quản lý kết quả thanh tra, kiểm tra sau khi kết thúc để phối hợp quản lý, thực hiện;

b) Xử phạt vi phạm hành chính theo thẩm quyền hoặc kiến nghị người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật;

c) Phối hợp với Ban Quản lý xử lý chồng chéo trong hoạt động thanh tra, kiểm tra theo quy định của pháp luật, đảm bảo tránh trùng lặp về nội dung, thời gian thực hiện.

Điều 14. Một số lĩnh vực khác

1. Định kỳ hàng năm (hoặc khi cần thiết) Ban Quản lý chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và UBND cấp huyện tổ chức đối thoại với các doanh nghiệp trong KKT, KCN nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các doanh nghiệp; đồng thời tăng cường mối quan hệ phối hợp trong việc thực hiện cải cách hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư;

2. Ban Quản lý phối hợp với Sở Nội vụ tổ chức triển khai hưởng ứng các phong trào thi đua khen thưởng do tỉnh phát động đến các doanh nghiệp trong KKT, KCN;

3. Ban Quản lý phối hợp với Đảng ủy Khối cơ quan, doanh nghiệp tỉnh, Tỉnh đoàn, Liên đoàn Lao động tỉnh trong công tác xây dựng và phát triển tổ chức đảng,

đoàn thể tại các doanh nghiệp trong KKT, KCN; đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức đảng, đoàn thể của các doanh nghiệp trong KKT, KCN hoạt động tốt.

4. Sở Y tế chủ trì, phối hợp với Ban Quản lý hướng dẫn, nhắc nhở các doanh nghiệp tại KKT, KCN thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật đối với công tác đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm; hướng dẫn, chỉ đạo công tác khám sức khỏe và cấp giấy chứng nhận sức khỏe cho người nước ngoài làm việc trên địa bàn KKT, KCN theo quy định của Bộ Y tế; kịp thời phát hiện và tổ chức triển khai các biện pháp xử lý khi có dịch bệnh trong KKT, KCN.

Điều 15. Tổ chức thực hiện

1. Ban Quản lý là cơ quan đầu mối, có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra, đôn đốc và phối hợp các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện có liên quan tổ chức thực hiện Quy chế này. Những quy định khác có liên quan đến hoạt động quản lý Nhà nước tại KKT, các KCN không được quy định trong Quy chế này được thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành;

2. Trên cơ sở các nội dung phối hợp được quy định tại Quy chế này, nếu thấy cần thiết Ban Quản lý có thể xây dựng quy chế phối hợp riêng với từng sở, ngành và UBND cấp huyện để quản lý tốt hơn;

3. Trong quá trình thực hiện Quy chế này, nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện và các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Ban Quản lý để tổng hợp trình UBND tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 51/2023/QĐ-UBND

Phú Yên, ngày 04 tháng 10 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Quy định việc quản lý, vận hành công trình; quy trình bảo trì, mức chi phí bảo trì công trình đối với các dự án đầu tư xây dựng theo cơ chế đặc thù trong tổ chức thực hiện dự án đầu tư xây dựng quy mô nhỏ, kỹ thuật không phức tạp thuộc các Chương trình mục tiêu Quốc gia trên địa bàn tỉnh Phú Yên

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ về quy định về cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu Quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ về quy định về cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu Quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 287/NQ-UBND ngày 25/9/2023 của UBND tỉnh về việc thông qua các nội dung do Ban Quản lý Khu kinh tế, Sở Xây dựng và Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu, đề xuất;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng (tại Tờ trình số 58/TTr-SXD ngày 05 tháng 9 năm 2023).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định việc quản lý, vận hành công trình; quy trình bảo trì, mức chi phí bảo trì công trình đối với các dự án đầu tư xây dựng theo cơ chế đặc thù trong tổ chức thực hiện dự án đầu tư xây dựng quy mô nhỏ, kỹ thuật không phức tạp thuộc các Chương trình mục tiêu Quốc gia trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quyết định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia trong tổ chức thực hiện quản lý, vận hành, bảo trì công trình xây dựng theo cơ chế đặc thù dự án đầu tư xây dựng quy mô nhỏ, kỹ thuật không phức tạp thuộc các Chương trình mục tiêu Quốc gia trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

Điều 3. Nguyên tắc quản lý, vận hành và bảo trì công trình

1. Việc quản lý, vận hành và bảo trì công trình được thực hiện phải đảm bảo dân chủ, công khai, minh bạch, hiệu quả, tránh lãng phí;

2. Công tác bảo trì công trình là công việc phải được tiến hành thường xuyên, nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng, đảm bảo tuổi thọ và độ bền công trình. Việc thực hiện bảo trì phải bảo đảm an toàn đối với con người, tài sản và công trình.

Điều 4. Quản lý, vận hành công trình

1. Đối với những dự án đầu tư xây dựng công trình thủy lợi đã thuộc một số hệ thống công trình thủy lợi đã có sẵn, hiện đang được quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì theo các quy định hiện hành thì tiếp tục thực hiện việc quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì theo quy định của Luật Thủy lợi năm 2017 và các văn bản hướng dẫn;

2. Đối với những dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng, giao thông thì Ủy ban nhân dân cấp xã giao Ban quản lý xã hoặc Ban phát triển thôn trực tiếp quản lý, vận hành công trình phù hợp với công năng theo thiết kế đã được phê duyệt.

Điều 5. Quy trình bảo trì công trình

Các sở: Xây dựng, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng quy trình bảo trì mẫu theo loại công trình (dân dụng, giao thông, thủy lợi) thuộc chuyên ngành quản lý, trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy trình bảo trì mẫu để quản lý vận hành và bảo trì công trình đầu tư xây dựng theo cơ chế đặc thù.

Điều 6. Lập, phê duyệt kế hoạch bảo trì công trình

1. Ban quản lý xã xây dựng kế hoạch bảo trì hằng năm trên cơ sở quy trình bảo trì mẫu đã được Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành;

2. Kế hoạch bảo trì có thể sửa đổi, bổ sung trong quá trình thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 32 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

3. Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định kế hoạch bảo trì công trình và lựa chọn cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, tổ, nhóm thợ, hợp tác xã thực hiện bảo trì công trình xây dựng.

Điều 7. Chi phí bảo trì công trình xây dựng

Chi phí bảo trì công trình xây dựng được xác định bằng phương pháp lập dự toán theo quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng công trình phù hợp với nội dung chi phí bảo trì được quy định tại khoản 3 Điều 19 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại khoản 10 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ về quy định về cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu Quốc gia.

Điều 8. Trách nhiệm của các hộ dân hưởng lợi từ công trình

1. Mọi người dân trên địa bàn xã, thôn có trách nhiệm và nghĩa vụ tham gia bảo vệ công trình;

2. Khi phát hiện công trình bị phá hoại, xâm phạm, xảy ra sự cố hoặc có hiện tượng hư hỏng phải có trách nhiệm ngăn chặn, khắc phục (nếu có thể) hoặc báo ngay cho Ban quản lý xã, Ban phát triển thôn hoặc cơ quan có thẩm quyền để kịp thời ngăn chặn, khắc phục.

Điều 9. Tổ chức thực hiện

1. Các sở: Xây dựng, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Quyết định này đối với các công trình thuộc chuyên ngành quản lý;

2. Ban Dân tộc tỉnh có trách nhiệm thông tin, tuyên truyền, phổ biến Quyết định này cho đồng bào dân tộc thiểu số tại khu vực triển khai thực hiện dự án biết, thực hiện chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước;

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện:

a) Có trách nhiệm cử cán bộ chuyên môn hỗ trợ Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện công tác quản lý, vận hành, bảo trì công trình cho cán bộ cấp xã, cấp thôn và những người trực tiếp tham gia quản lý, vận hành, bảo trì công trình khi có đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp xã;

b) Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã hướng dẫn các thôn hưởng lợi từ công trình trong việc quản lý, vận hành, bảo trì theo Quyết định này;

c) Kiểm tra Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện Quyết định này.

4. Ủy ban nhân dân cấp xã:

- a) Tổ chức triển khai thực hiện, phổ biến Quyết định này đến Ban quản lý xã, Ban phát triển thôn biết, thực hiện theo đúng quy định;
- b) Ban hành quyết định bàn giao công trình cho Ban quản lý xã hoặc Ban phát triển thôn tiếp nhận để quản lý, vận hành, bảo trì công trình;
- c) Hỗ trợ Ban quản lý xã lập kế hoạch bảo trì công trình xây dựng;
- d) Kiểm tra Ban quản lý xã, Ban phát triển thôn thực hiện Quyết định này;
- e) Hằng năm, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố về tình hình thực hiện việc giao cho thôn quản lý, vận hành và bảo trì công trình trên địa bàn xã.

5. Ban quản lý xã, Ban phát triển thôn:

- a) Tổ chức thực hiện việc quản lý, vận hành, bảo trì công trình; chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân cấp xã về quản lý, vận hành, bảo trì công trình;
- b) Lập, lưu trữ hồ sơ liên quan đến công tác quản lý, vận hành, bảo trì công trình;
- c) Tổ chức thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa công trình khi phát hiện hư hỏng hoặc có biểu hiện xuống cấp;
- d) Hằng năm báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã tình hình quản lý, vận hành, bảo trì công trình được giao.

6. Trong quá trình thực hiện Quyết định này nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị có liên quan phản ảnh kịp thời về Sở Xây dựng để hướng dẫn giải quyết. Trường hợp vượt thẩm quyền, Sở Xây dựng tổng hợp, báo cáo, tham mưu đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Điều 10. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 16/10/2023;
2. Trường hợp các văn bản được viện dẫn để áp dụng tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo quy định của văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế;
3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, ban, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố; UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Tấn Hồ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số:1200 /QĐ-UBND

Phú Yên, ngày 12 tháng 9 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; được sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực bảo trợ xã hội, giáo dục nghề nghiệp, lao động-tiền lương, việc làm, phòng chống tệ nạn xã hội, người có công, lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam, an toàn- vệ sinh lao động thuộc thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, UBND cấp huyện, UBND cấp xã

CHỦ TỊCH UBND TỈNH PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ các quyết định công bố thủ tục hành chính của Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội: Quyết định số 547/QĐ-LĐTBXH ngày 21/5/2020; Quyết định số 1107/QĐ-LĐTBXH ngày 16/9/2020; Quyết định số 338/QĐ-LĐTBXH ngày 17/3/2021; Quyết định số 526/QĐ-LĐTBXH ngày 06/5/2021; Quyết định số 527/QĐ-LĐTBXH ngày 17/5/2021; Quyết định 635/QĐ-LĐTBXH ngày 03/6/2021; Quyết định số 844/QĐ-LĐTBXH ngày 23/7/2021; Quyết định số 1396/QĐ-LĐTBXH ngày 13/12/2021; Quyết định số 1511/QĐ-LĐTBXH ngày 31/12/2021; Quyết định số 108/QĐ-LĐTBXH ngày 15/02/2022; Quyết định 445/QĐ-LĐTBXH ngày 30/5/2022; Quyết định số 470/QĐ-LĐTBXH ngày 03/6/2022; Quyết định số 493/QĐ-LĐTBXH ngày 25/4/2023; Quyết định số 627/QĐ-LĐTBXH ngày 12/5/2023;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 78/TTr-SLĐTBXH ngày 04/8/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực bảo trợ xã hội, giáo dục nghề nghiệp, lao động-tiền lương, việc làm, phòng chống tệ nạn xã hội,

người có công, lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam, an toàn- vệ sinh lao động thuộc thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Phú Yên (*Kèm theo Danh mục*).

Điều 2.

- Sở Lao động-Thương binh và Xã hội có trách nhiệm cập nhật và công khai thủ tục hành chính tại Điều 1 Quyết định này vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính và tích hợp dữ liệu để công khai trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh theo đúng quy định (chậm nhất sau 03 ngày làm việc kể từ ngày ký ban hành).

- Sở Lao động-Thương binh và Xã hội, UBND cấp huyện, UBND cấp xã niêm yết, công khai các thủ tục hành chính này tại Bộ phận Một cửa và trên Trang thông tin điện tử của đơn vị; thực hiện giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền, theo đúng quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Bãi bỏ các thủ tục hành chính đã được Chủ tịch UBND tỉnh công bố thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Phú Yên (*Kèm theo Danh mục*).

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Lao động-Thương binh và Xã hội, Chủ tịch UBND cấp huyện, Chủ tịch UBND cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Đào Mỹ

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH, THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG VÀ BÃI BỎ THUỘC THẨM QUYỀN TIẾP NHẬN, GIẢI QUYẾT CỦA SỞ LAO ĐỘNG-TBXH, UBND CẤP HUYỆN, XÃ

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1200/QĐ-UBND ngày 12/9/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên)

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LIÊN THÔNG GIỮA UBND CẤP XÃ, UBND CẤP HUYỆN VÀ SỞ LAO ĐỘNG-THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
I Lĩnh vực Bảo trợ xã hội						
1	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội.	27 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ của đối tượng	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã	Không	Nghị định 20/2021/NĐ-CP của Chính phủ	Quyết định số 635/QĐ-LĐTBXH ngày 03/6/2021 của Bộ LĐTBXH

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN TIẾP NHẬN VÀ GIẢI QUYẾT CỦA SỞ LAO ĐỘNG-THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

Phần I. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
I Lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp						
1	Thủ tục thành lập phân hiệu của trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; cho phép thành lập phân hiệu của trường trung cấp tư thục trên địa bàn	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Trung tâm Phục vụ hành chính công hoặc gửi qua bưu chính công ích	Không	- Luật Giáo dục nghề nghiệp. - Nghị định số 143/2016/NĐ-CP ngày 14/10/2016, Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018, Nghị định số 24/2022/NĐ-CP ngày 06/4/2022 của Chính phủ.	Những nội dung còn lại thực hiện theo Quyết định số 1396/QĐ-LĐTBXH ngày 13/12/2021 của Bộ Lao động, TBXH
2	Thành lập hội đồng trường cao đẳng công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công hoặc gửi qua bưu chính công ích	Không	- Luật Giáo dục nghề nghiệp. - Thông tư số 15/2021/TT-BLĐTBXH ngày 21/10/2021 của Bộ trưởng Bộ LĐTBXH.	Những nội dung còn lại thực hiện theo Quyết định số 1396/QĐ-LĐTBXH ngày 13/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội
3	Thay thế chủ tịch, thư ký, thành viên hội đồng trường cao đẳng công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh		Không			
4	Miễn nhiệm, cách chức chủ tịch, thư ký, thành viên hội đồng trường cao đẳng công lập trực thuộc UBND tỉnh		Không			
5	Thành lập hội đồng trường trung cấp công lập	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	- Luật Giáo dục nghề nghiệp. - Thông tư số 14/2021/TT-BLĐTBXH ngày 21/10/2021 của Bộ	
6	Thay thế chủ tịch, thư ký, thành viên hội đồng trường trung cấp công lập			Không		

	cấp công lập		hoặc gửi qua bưu chính công ích (đối với trường trung cấp công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và trường trung cấp công lập thuộc Sở chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh); - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện (đối với trường trung cấp công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.	Không	Trường Bộ LĐTBXH	
7	Miễn nhiệm, cách chức chủ tịch, thư ký, thành viên hội đồng trường trung cấp công lập					
II Lĩnh vực Lao động, tiền lương						
1	Thành lập hội đồng thương lượng tập thể	20 ngày làm việc	Trung tâm		- Bộ Luật Lao động năm 2019; - Thông tư số 10/2020/TT-BLĐTBXH ngày 12/11/2020 của Bộ LĐTBXH	
2	Thay đổi Chủ tịch Hội đồng thương lượng tập thể, đại diện Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, chức năng, nhiệm vụ, kế hoạch, thời gian hoạt động của Hội đồng thương lượng tập thể.	07 ngày làm việc	Phục vụ hành chính công hoặc gửi qua bưu chính công ích	không		Quyết định số 338/QĐ-LĐTBXH ngày 17/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội
III Lĩnh vực việc làm						
1	Thu hồi Giấy phép hoạt động dịch vụ việc	03 ngày làm việc	Trung tâm	Không	Nghị định 23/2021/NĐ-CP ngày	Quyết định 572/QĐ-LĐTBXH

	làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm		Phục vụ hành chính công hoặc gửi qua bưu chính công ích		19/3/2021 của Chính phủ	ngày 17/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội
2	Rút tiền ký quỹ của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	07 ngày làm việc				
IV Lĩnh vực phòng, chống tệ nạn xã hội						
1	Cấp giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy tự nguyện	15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên hoặc gửi qua Bưu chính công ích	Không	Nghị định số 116/2021/NĐ-CP ngày 21/12/2021 của Chính phủ	Quyết định 470/QĐ-LĐTBXH ngày 03/6/2022 của Bộ LĐTBXH
2	Cấp lại giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy tự nguyện	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ				
3	Thu hồi giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy tự nguyện	02 ngày làm việc kể từ ngày nhận văn bản đề nghị; 05 ngày làm việc kể từ ngày phát hiện vi phạm.	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên hoặc gửi qua Bưu chính công ích		Nghị định số 116/2021/NĐ-CP ngày 21/12/2021 của Chính phủ	Quyết định 470/QĐ-LĐTBXH ngày 03/6/2022 của Bộ LĐTBXH
V Lĩnh vực Người có công						
1	Giải quyết chế độ mai táng phí đối với cựu chiến binh	25 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên hoặc gửi qua Bưu chính công ích	Không	- Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng; - Thông tư số 05/2013/TT-BLĐTBXH ngày 15/5/2013 của Bộ LĐTBXH. - Thông tư số 03/2020/TT-BLĐTBXH ngày 25/02/2020 của Bộ LĐTBXH.	Những nội dung còn lại của thủ tục hành chính thực hiện theo Quyết định số 547/QĐ-LĐTBXH ngày 21/5/2020 của Bộ LĐTBXH
2	Thủ tục giải quyết chế độ mai táng phí đối với thanh niên xung phong thời kỳ chống Pháp	Không quy định thời gian thực hiện	Trung tâm phục vụ hành chính	Không	- Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng, - Quyết định số 170/2008/QĐ-	

			công tỉnh Phú Yên hoặc gửi qua Bưu chính công ích		TTg ngày 18/12/2008 của Thủ tướng Chính phủ; - Thông tư số 24/2009/TT- BLĐTBXH ngày 10/7/2009 của Bộ LĐTBXH.	
3	Giải quyết chế độ trợ cấp ưu đãi đối với thân nhân liệt sĩ	- 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. - Trường hợp quy định tại các điểm d, đ khoản 1 Điều 26 Nghị định số 131/2021/NĐ- CP: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp thân nhân liệt sĩ đã được hưởng chế độ ưu đãi nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận thân nhân liệt sĩ: 12 ngày kể từ ngày nhận được đơn đề nghị.	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên hoặc gửi qua Bưu chính công ích	Không	- Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng năm 2020. - Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ.	Quyết định số 108/QĐ-LĐTBXH ngày 15/02/2022 của Bộ LĐTBXH
4	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với vợ hoặc chồng liệt sĩ lấy chồng hoặc vợ khác	- 12 ngày kể từ ngày nhận đủ giấy tờ đối với trường hợp Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nơi thường trú của cá nhân đồng thời là Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nơi quản lý hồ sơ gốc liệt sĩ. - 17 ngày kể từ ngày nhận đủ giấy tờ đối với trường hợp Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nơi thường trú của cá nhân không phải là Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nơi quản lý hồ sơ gốc liệt	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên hoặc gửi qua Bưu chính công ích	Không	- Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng năm 2020. - Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ.	Những nội dung còn lại của thủ tục hành chính thực hiện theo Quyết định số 108/QĐ- LĐTBXH ngày 15/02/2022 của Bộ LĐTBXH

		sĩ.				
5	Giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	24 ngày kể từ ngày nhận đủ giấy tờ	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên hoặc gửi qua Bưu chính công ích	Không	- Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng năm 2020. - Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của CP.	Quyết định số 108/QĐ-LĐTBXH ngày 15/02/2022 của Bộ LĐTBXH
6	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với trường hợp tặng hoặc truy tặng danh hiệu vinh dự nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”	24 ngày kể từ ngày nhận đủ giấy tờ	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên hoặc gửi qua Bưu chính công ích	Không	- Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng năm 2020. - Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ.	
7	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến hiện không công tác trong quân đội, công an	24 ngày kể từ ngày nhận đủ giấy tờ.				
8	Công nhận thương binh, người hưởng chính sách như thương binh	104 ngày kể từ ngày nhận đủ giấy tờ, hồ sơ.	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên hoặc gửi qua Bưu chính công ích	Không	- Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng năm 2020. - Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ.	Những nội dung còn lại của thủ tục hành chính thực hiện theo Quyết định số 108/QĐ-LĐTBXH ngày 15/02/2022 của Bộ LĐTBXH
9	Khám giám định lại tỷ lệ tổn thương cơ thể đối với trường hợp còn sót vết thương, còn sót mảnh kim khí hoặc có tỷ lệ tổn thương cơ thể tạm thời hoặc khám giám định bổ sung vết thương và điều chỉnh chế độ đối với trường hợp không tại ngũ, công tác trong quân đội, công an	84 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.				

10	Giải quyết hưởng thêm một chế độ trợ cấp đối với thương binh đồng thời là bệnh binh	17 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.				
11	Giải quyết chế độ đối với thương binh đang hưởng chế độ mất sức lao động	24 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.				
12	Công nhận đối với người bị thương trong chiến tranh không thuộc quân đội, công an	<p>- Đối với người bị thương thường trú tại địa phương nơi bị thương, do Ủy ban nhân dân huyện cấp Giấy chứng nhận bị thương: 204 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.</p> <p>- Đối với người bị thương thường trú tại địa phương khác, do Ủy ban nhân dân huyện cấp Giấy chứng nhận bị thương: 207 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.</p> <p>- Đối với người bị thương thường trú tại địa phương khác, không do Ủy ban nhân dân huyện cấp Giấy chứng nhận bị thương: Trên 207 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.</p>	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên hoặc gửi qua Bưu chính công ích	Không	<p>- Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng năm 2020.</p> <p>- Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ.</p>	Những nội dung còn lại của thủ tục hành chính thực hiện theo Quyết định số 108/QĐ-LĐTBXH ngày 15/02/2022 của Bộ LĐTBXH
13	Lập sổ theo dõi, cấp phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình, phương tiện, thiết bị phục hồi chức năng đối với trường hợp đang sống tại gia đình hoặc đang được nuôi dưỡng tập trung tại các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng do địa phương quản lý	42 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên hoặc gửi qua Bưu chính	Không	<p>- Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng năm 2020.</p> <p>- Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ.</p>	Quyết định số 108/QĐ-LĐTBXH ngày 15/02/2022 của Bộ LĐTBXH

14	Tiếp nhận người có công vào cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do tinh quản lý	17 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	công ích			
15	Đưa người có công đối với trường hợp đang được nuôi dưỡng tại cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do tinh quản lý về nuôi dưỡng tại gia đình	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên hoặc gửi qua Bưu chính công ích			
16	Cấp bổ sung hoặc cấp lại giấy chứng nhận người có công do ngành Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý và giấy chứng nhận thân nhân liệt sĩ	17 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.		Không	- Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng năm 2020. - Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ.	Những nội dung còn lại của thủ tục hành chính thực hiện theo Quyết định số 108/QĐ-LĐTBXH ngày 15/02/2022 của Bộ LĐTBXH
17	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động cách mạng	37 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.				
18	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	- Trường hợp người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học: 84 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ. - Trường hợp người hoạt động kháng chiến có con đẻ bị dị dạng, dị tật đã được hưởng chế độ ưu đãi mà bố (mẹ) chưa được hưởng: 89 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ. - Trường hợp có vợ hoặc có chồng nhưng không có con đẻ: 31 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên hoặc gửi qua Bưu chính công ích	Không	- Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng năm 2020. - Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ.	Những nội dung còn lại của thủ tục hành chính thực hiện theo Quyết định số 108/QĐ-LĐTBXH ngày 15/02/2022 của Bộ LĐTBXH
19	Công nhận và giải quyết chế độ con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	96 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Trung tâm phục vụ hành chính công	Không	- Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng năm 2020. - Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của	Quyết định số 108/QĐ-LĐTBXH ngày 15/02/2022 của Bộ LĐTBXH

20	Công nhận và giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng, kháng chiến, bảo vệ tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế bị địch bắt tù, đày	24 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	tỉnh Phú Yên hoặc gửi qua Bưu chính công ích		Chính phủ.	
21	Giải quyết chế độ người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế	24 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.				
22	Giải quyết chế độ người có công giúp đỡ cách mạng	24 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Trung tâm			
23	Giải quyết chế độ hỗ trợ đề theo học đến trình độ đại học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	- 24 ngày đối với trường hợp hồ sơ người có công đang do quân đội, công an quản lý. - 15 ngày làm việc đối với trường hợp hồ sơ người có công không do quân đội, công an quản lý.	phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên hoặc gửi qua Bưu chính công ích	Không	- Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng năm 2020. - Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ.	Những nội dung còn lại của thủ tục hành chính thực hiện theo Quyết định số 108/QĐ-LĐTBXH ngày 15/02/2022 của Bộ LĐTBXH
24	Giải quyết phụ cấp đặc biệt hàng tháng đối với thương binh có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên, bệnh binh có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên	12 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên hoặc	Không	- Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng năm 2020. - Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ.	Quyết định số 108/QĐ-LĐTBXH ngày 15/02/2022 của Bộ LĐTBXH
25	Hưởng lại chế độ ưu đãi	12 ngày kể từ ngày nhận được đơn theo quy định.	gửi qua Bưu chính công ích			
26	Hưởng trợ cấp khi người có công đang hưởng trợ cấp ưu đãi tử trần	- Đối với trợ cấp một lần và mai táng: 24 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định - Đối với trợ cấp tuất hàng tháng, trợ cấp tuất nuôi dưỡng hằng	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên hoặc gửi qua	Không	- Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng năm 2020. - Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ.	Những nội dung còn lại của thủ tục hành chính thực hiện theo Quyết định số 108/QĐ-LĐTBXH ngày 15/02/2022 của Bộ LĐTBXH

		tháng: + 31 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đối với trường hợp đủ điều kiện. + 43 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đối với trường hợp con từ đủ 18 tuổi trở lên bị khuyết tật nặng, khuyết tật đặc biệt nặng.	Bưu chính công ích			
27	Bổ sung tình hình thân nhân trong hồ sơ liệt sĩ.	24 ngày kể từ ngày nhận đủ giấy tờ theo quy định.				
28	Sửa đổi, bổ sung thông tin cá nhân trong hồ sơ người có công.	24 ngày kể từ ngày nhận đủ giấy tờ.				
29	Di chuyển hồ sơ khi người hưởng trợ cấp ưu đãi thay đổi nơi thường trú	24 ngày kể từ ngày nhận đủ giấy tờ.				
30	Cấp trích lục hoặc sao hồ sơ người có công với cách mạng	12 ngày kể từ ngày nhận đủ giấy tờ theo quy định.				
31	Di chuyển hài cốt liệt sĩ đang an táng tại nghĩa trang liệt sĩ đi nơi khác theo nguyện vọng của đại diện thân nhân hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	- 10 ngày làm việc từ ngày tiếp nhận đủ giấy tờ.		Không	- Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng năm 2020. - Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ.	Những nội dung còn lại của thủ tục hành chính thực hiện theo Quyết định số 108/QĐ-LĐTBXH ngày 15/02/2022 của Bộ LĐTBXH
32	Di chuyển hài cốt liệt sĩ đang an táng ngoài nghĩa trang liệt sĩ về an táng tại nghĩa trang liệt sĩ theo nguyện vọng của đại diện thân nhân hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	09 ngày làm việc từ ngày tiếp nhận đủ giấy tờ theo quy định.				
33	Cấp giấy xác nhận thông tin về nơi liệt sĩ hy sinh	15 ngày kể từ ngày nhận được đơn.				

VI Lĩnh vực Giáo dục nghề nghiệp						
1	Thủ tục chấm dứt hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài của trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và doanh nghiệp	10 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên hoặc gửi qua Bưu chính công ích	Không	- Luật Giáo dục nghề nghiệp. - Nghị định số 15/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019 của Chính phủ. - Nghị định số 24/2022/NĐ-CP ngày 06/4/2022 của Chính phủ.	Quyết định số 445/QĐ-LĐTBXH ngày 30/5/2022 của Bộ LĐTBXH
2	Công nhận hội đồng quản trị trường trung cấp tư thực	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên hoặc gửi qua Bưu chính công ích	Không	- Luật Giáo dục nghề nghiệp. - Thông tư số 14/2021/TT-BLĐTBXH ngày 21/10/2021 của Bộ LĐTBXH.	Những nội dung còn lại của thủ tục hành chính thực hiện theo Quyết định số 1396/QĐ-LĐTBXH ngày 13/12/2021
3	Thay thế chủ tịch, thư ký, thành viên hội đồng quản trị trường trung cấp tư thực; chấm dứt hoạt động hội đồng quản trị					
4	Công nhận hiệu trưởng trường trung cấp tư thực					
5	Thôi công nhận hiệu trưởng trường trung cấp tư thực					
VII Lĩnh vực Lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam						
1	Gia hạn giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên hoặc gửi qua bưu chính công ích	Theo Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính	- Bộ luật Lao động 2019; - Nghị định số 152/2020/NĐ-CP ngày 30/12/2020 của Chính phủ.	Quyết định 526/QĐ-LĐTBXH ngày 06/5/2021 của Bộ LĐTBXH
2	Nhận lại tiền ký quỹ của doanh nghiệp đưa người lao động đi đào tạo, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề ở nước ngoài	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên hoặc gửi qua Bưu	Không	- Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng ngày 13/11/2020; - Nghị định số 112/2021/NĐ-CP ngày 10/12/2021 của Chính phủ.	Quyết định số 1511/QĐ-LĐTBXH ngày 31/12/2021

			chính công ích			
VIII	Lĩnh vực an toàn, vệ sinh lao động					
1	Thủ tục giải quyết chế độ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp của người lao động giao kết hợp đồng lao động với nhiều người sử dụng lao động, gồm: Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp; khám bệnh, chữa bệnh nghề nghiệp; phục hồi chức năng lao động; huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên hoặc gửi qua Bưu chính công ích	Không	- Luật An toàn, vệ sinh lao động ngày 25/6/2015. - Nghị định số 88/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ.	Quyết định số 1107/QĐ-LĐTBXH ngày 16/9/2020 của Bộ LĐTBXH
2	Thủ tục hỗ trợ chi phí khám, chữa bệnh nghề nghiệp cho người lao động phát hiện bị bệnh nghề nghiệp khi đã nghỉ hưu hoặc không còn làm việc trong các nghề, công việc có nguy cơ bị bệnh nghề nghiệp	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên hoặc gửi qua Bưu chính công ích		- Luật An toàn, vệ sinh lao động ngày 25/6/2015. - Nghị định số 88/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ.	Quyết định số 1107/QĐ-LĐTBXH ngày 16/9/2020 của Bộ LĐTBXH

Phần II. Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
I	Lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp					
1	Thủ tục thành lập trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thực trên địa bàn tỉnh	16 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công hoặc gửi qua bưu chính công ích	Không	- Luật Giáo dục nghề nghiệp. - Nghị định số 143/2016/NĐ-CP ngày 14/10/2016 của Chính phủ. - Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ. - Nghị định số 24/2022/NĐ-CP ngày 06/4/2022 của Chính phủ.	Những nội dung còn lại của thủ tục hành chính thực hiện theo Quyết định số 445/QĐ-LĐTBXH ngày 30/5/2022 của Bộ LĐTBXH
2	Thủ tục chia, tách, sáp nhập trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường	10 ngày làm việc				

	trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp thực trên địa bàn tỉnh					
3	Thủ tục giải thể trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp thực trên địa bàn tỉnh	15 ngày làm việc				- Luật Giáo dục nghề nghiệp. - Nghị định số 143/2016/NĐ-CP ngày 14/10/2016 của Chính phủ - Nghị định số 24/2022/NĐ-CP ngày 06/4/2022 của Chính phủ.
4	Thủ tục chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và phân hiệu của trường trung cấp thực trên địa bàn tỉnh.	15 ngày làm việc				
5	Thủ tục đổi tên trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp thực trên địa bàn tỉnh.	03 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công hoặc	Không		- Luật Giáo dục nghề nghiệp. - Nghị định số 143/2016/NĐ-CP ngày 14/10/2016 của Chính phủ - Nghị định số 24/2022/NĐ-CP ngày 06/4/2022 của Chính phủ.
6	Thủ tục cho phép thành lập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động không vì lợi nhuận	16 ngày làm việc	gửi qua bưu chính công ích			- Luật Giáo dục nghề nghiệp. - Nghị định số 143/2016/NĐ-CP ngày 14/10/2016 của Chính phủ. - Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ. - Nghị định số 15/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019 của Chính phủ.
7	Thủ tục chia, tách, sáp nhập trường	10 ngày làm việc				Những nội dung còn lại của thủ tục hành chính thực hiện theo Quyết định số 445/QĐ-LĐTBXH ngày 30/5/2022 của Bộ LĐTBXH

	trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài				- Nghị định số 24/2022/NĐ-CP ngày 06/4/2022 của Chính phủ.	
8	Thủ tục cho phép thành lập phân hiệu của trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài	7 ngày làm việc				
9	Thủ tục giải thể trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài	15 ngày làm việc			- Luật Giáo dục nghề nghiệp. - Nghị định số 15/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019 của Chính phủ. - Nghị định số 24/2022/NĐ-CP ngày 06/4/2022 của Chính phủ	
10	Thủ tục đổi tên trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	03 ngày làm việc				
11	Thủ tục cho phép thành lập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thực hoạt động không vì lợi nhuận	16 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công hoặc	Không	- Luật Giáo dục nghề nghiệp. - Nghị định số 143/2016/NĐ-CP ngày 14/10/2016 của Chính phủ. - Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ. - Nghị định số 15/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019 của Chính phủ. - Nghị định số 24/2022/NĐ-CP ngày 06/4/2022 của Chính phủ.	Những nội dung còn lại của thủ tục hành chính thực hiện theo Quyết định số 445/QĐ-LĐTĐ ngày 30/5/2022 của Bộ LĐTĐ
12	Thủ tục công nhận trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thực; trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển sang hoạt động không vì lợi nhuận	20 ngày làm việc	gửi qua bưu chính công ích	Không		
II Lĩnh vực Việc làm						
1	Cấp giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính	Không	Nghị định 23/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021 của Chính phủ	Quyết định 572/QĐ-LĐTĐ ngày 17/5/2021 của Bộ LĐTĐ
2	Gia hạn giấy phép	05 ngày làm việc, kể	chính			

	hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	công hoặc gửi qua bưu chính công ích			
3	Cấp lại giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		Không	Nghị định 23/2021/NĐ- CP ngày 19/3/2021 của Chính phủ	
III Lĩnh vực Bảo trợ xã hội						
1	Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh	Tiếp nhận ngay và thủ tục, hồ sơ phải hoàn thiện trong 10 ngày làm việc	Trung tâm nuôi dưỡng người có công và công tác xã hội	Không	Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội	Quyết định số 635/QĐ-LĐTBXH ngày 03/6/2021 của Bộ LĐTBXH
2	Dừng trợ giúp xã hội tại cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh	07 ngày làm việc, kể từ khi nhận được đơn				
IV Lĩnh vực người có công						
1	Thủ tục Giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào, Cam-pu-chi-a	25 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên hoặc gửi qua Bưu chính công ích		- Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng; - Thông tư liên tịch số 17/2014/TTLT-BLĐTBXH-BTC - Quyết định số 57/2013/QĐ-TTg ngày 14/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ. - Quyết định số 62/2015/QĐ-TTg ngày 04/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ.	Quyết định số 547/QĐ-LĐTBXH ngày 21/5/2020 của Bộ LĐTBXH
2	Sửa đổi, bổ sung thông tin cá nhân trong hồ sơ người có công	24 ngày kể từ ngày nhận đủ giấy tờ.			- Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng năm 2020. - Nghị định 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ. - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ.	Quyết định số 627/QĐ-LĐTBXH ngày 12/5/2023 của Bộ LĐTBXH
V Lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp						
1	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục	10 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên	Không	- Luật Giáo dục nghề nghiệp. - Nghị định số 143/2016/NĐ-CP ngày 14/10/2016 của Chính phủ. - Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ.	Những nội dung còn lại của thủ tục hành chính thực hiện theo Quyết định số 445/QĐ-LĐTBXH ngày 30/5/2022 của Bộ LĐTBXH

	thường xuyên và doanh nghiệp		hoặc gửi qua Bưu chính công ích		- Nghị định số 15/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019 của Chính phủ. - Nghị định số 24/2022/NĐ-CP ngày 06/4/2022 của Chính phủ.	
2	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và doanh nghiệp	- 10 ngày làm việc đối với các trường hợp quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều 8 Nghị định số 143/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 24/2022/NĐ-CP); - 03 ngày làm việc đối với trường hợp đổi tên doanh nghiệp.				
3	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài đối với trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và doanh nghiệp	10 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên hoặc gửi qua Bưu chính công ích	Không	- Luật Giáo dục nghề nghiệp. - Nghị định số 15/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019 của Chính phủ. - Nghị định số 24/2022/NĐ-CP ngày 06/4/2022 của Chính phủ.	Quyết định số 445/QĐ-LĐTĐ ngày 30/5/2022 của Bộ LĐTĐ
VI	Lĩnh vực An toàn, vệ sinh lao động					
1	Hỗ trợ kinh phí huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên hoặc gửi qua Bưu chính công ích	Không	- Luật An toàn, vệ sinh lao động ngày 25/6/2015. - Nghị định số 88/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ.	Quyết định số 1107/QĐ-LĐTĐ ngày 16/9/2020
VII	Lĩnh vực lao động tiền lương					
1	Đăng ký nội quy lao động của doanh nghiệp	04 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên	Không	Bộ luật Lao động 2019	Những nội dung còn lại của thủ tục hành chính thực hiện theo Quyết định số 338/QĐ-LĐTĐ ngày 17/3/2021 của Bộ LĐTĐ
2	Cấp Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động	27 ngày làm việc			Nghị định 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ	
3	Gia hạn Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động	22 ngày làm việc				

4	Cấp lại Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động	- 22 ngày làm việc (kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ). - Đối với trường hợp doanh nghiệp thay đổi địa chỉ trụ sở chính sang địa bàn cấp tỉnh khác so với nơi đã được cấp giấy phép: 27 ngày làm việc	Yên hoặc gửi qua Bưu chính công ích		Nghị định 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ	
5	Thu hồi Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động	17 ngày làm việc (kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ) của doanh nghiệp).	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên hoặc gửi qua Bưu chính công ích		Nghị định 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ	
6	Rút tiền ký quỹ của doanh nghiệp cho thuê lại lao động	10 ngày làm việc (kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ)		Không	Nghị định 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ	Quyết định số 338/QĐ-LĐTBXH ngày 17/3/2021 của Bộ LĐTBXH
VIII Lĩnh vực Lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam						
1	Báo cáo giải trình nhu cầu, thay đổi nhu cầu sử dụng lao động nước ngoài	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên hoặc gửi qua Bưu chính công ích	Không	Nghị định số 152/2020/NĐ-CP ngày 30/12/2020 của Chính phủ	
2	Cấp giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		600.000 đồng	Nghị định số 152/2020/NĐ-CP ngày 30/12/2020 của Chính phủ	Những nội dung còn lại của thủ tục hành chính thực hiện theo Quyết định 526/QĐ-LĐTBXH ngày 06/5/2021 của Bộ LĐTBXH
3	Cấp lại giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		450.000 đồng	Phí, lệ phí quy định tại Nghị quyết 27/2017/NQ-HĐND ngày 21/9/2017 của HĐND tỉnh Phú Yên	
4	Xác nhận người lao động không thuộc diện cấp giấy phép lao động	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		Không	Nghị định số 152/2020/NĐ-CP ngày 30/12/2020 của Chính phủ	
5	Đề nghị tuyển người lao động Việt Nam vào các vị trí công việc dự kiến tuyển người lao động nước ngoài	02 tháng kể từ ngày nhận được đề nghị tuyển từ 500 người lao động Việt Nam trở lên và tối đa 01 tháng kể từ ngày nhận được đề nghị tuyển từ 100 đến dưới 500 người lao động	Trung tâm phục vụ hành chính công	Không	Nghị định số 152/2020/NĐ-CP ngày 30/12/2020 của Chính phủ	Quyết định 526/QĐ-LĐTBXH ngày 06/5/2021 của Bộ LĐTBXH

	Việt Nam và 15 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị tuyển dưới 100 người lao động Việt Nam kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.	tỉnh Phú Yên hoặc gửi qua Bưu chính công ích			
--	--	--	--	--	--

Phần III. Danh mục thủ tục hành chính bãi bỏ

STT	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ	Quyết định được công bố
I Lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp			
1	Thành lập hội đồng trường, bổ nhiệm chủ tịch và các thành viên hội đồng trường cao đẳng công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Thông tư số 15/2021/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội	Quyết định số 1480/QĐ-UBND ngày 01/7/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh
2	Công nhận hiệu trưởng trường trung cấp thực		
II Lĩnh vực phòng, chống tệ nạn xã hội			
1	Nghỉ chịu tang của học viên tại Cơ sở cai nghiện ma túy và trợ giúp xã hội	Nghị định số 116/2021/NĐ-CP ngày 21/12/2021 của Chính phủ	Quyết định số 1480/QĐ-UBND ngày 01/7/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh
III Lĩnh vực người có công			
1	Thủ tục giải quyết chế độ đối với thương binh đồng thời là người hưởng chế độ mất sức lao động	Nghị định 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ	Quyết định số 1480/QĐ-UBND ngày 01/7/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh
2	Thủ tục hưởng mai táng phí, trợ cấp một lần khi người có công với cách mạng từ trần		
3	Thủ tục giải quyết trợ cấp tiền tuất hàng tháng cho thân nhân khi người có công với cách mạng từ trần		
4	Thủ tục hưởng lại chế độ ưu đãi đối với người có công hoặc thân nhân trong các trường hợp: - Bị tạm đình chỉ chế độ do bị kết án tù đã chấp hành xong hình phạt tù; - Bị tạm đình chỉ do xuất cảnh trái phép nay trở về nước cư trú; - Đã đi khỏi địa phương nhưng không làm thủ tục di chuyển hồ sơ nay quay lại đề nghị tiếp tục hưởng chế độ; - Bị tạm đình chỉ chế độ chờ xác minh của cơ quan điều tra		
5	Thủ tục giải quyết chế độ đối với thân nhân liệt sĩ		
6	Thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp đối với vợ hoặc chồng liệt sĩ đi lấy chồng hoặc vợ khác		
7	Thủ tục giải quyết chế độ đối với Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến		
8	Thủ tục giải quyết chế độ đối với thương binh, người hưởng chính sách như thương binh	Nghị định 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ	Quyết định số 1480/QĐ-UBND ngày 01/7/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh
9	Thủ tục giám định vết thương còn sót		
10	Thủ tục giải quyết chế độ đối với thương binh đồng thời là bệnh binh		

11	Thủ tục giải quyết hưởng chế độ ưu đãi người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học		
12	Thủ tục giải quyết hưởng chế độ ưu đãi đối với con đẻ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học		
13	Thủ tục giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng hoặc hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù, đày		
14	Thủ tục giải quyết chế độ người HĐKC giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế		
15	Thủ tục giải quyết chế độ người có công giúp đỡ cách mạng		
16	Thủ tục sửa đổi thông tin cá nhân trong hồ sơ người có công		
17	Thủ tục di chuyển hồ sơ người có công với cách mạng		
18	Thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ		
19	Thủ tục giải quyết chế độ ưu đãi đối với Bà mẹ Việt Nam anh hùng		
20	Thủ tục giám định lại thương tật do vết thương cũ tái phát và điều chỉnh chế độ	Nghị định 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ	Quyết định số 1480/QĐ-UBND ngày 01/7/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh
21	Thủ tục xác nhận thương binh, người hưởng chính sách như thương binh đối với người bị thương không thuộc lực lượng công an, quân đội trong chiến tranh từ ngày 31/12/1991 trở về trước không còn giấy tờ		
22	Thủ tục bổ sung tình hình thân nhân trong hồ sơ liệt sĩ		
23	Thủ tục đính chính thông tin trên bia mộ liệt sĩ		
24	Thủ tục lập Sổ theo dõi và cấp phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình		
25	Thủ tục thực hiện chế độ ưu đãi trong giáo dục đào tạo đối với người có công với cách mạng và con của họ		
26	Thủ tục hỗ trợ, di chuyển hài cốt liệt sĩ		
IV Thực hiện chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động bị ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19			
1	Hỗ trợ hộ kinh doanh gặp khó khăn do đại dịch Covid-19	Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07/7/2021 của TTCP	Quyết định số 493/QĐ-LĐTBXH ngày 25/4/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh
2	Hỗ trợ người lao động bị chấm dứt hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc do đại dịch covid-19 nhưng không đủ điều kiện hưởng trợ cấp thất nghiệp		
3	Hỗ trợ người sử dụng lao động đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động do đại dịch Covid-19		
4	Hỗ trợ người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động hoặc nghỉ việc không hưởng lương do đại dịch Covid-19	Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07/7/2021 của TTCP	Quyết định số 493/QĐ-LĐTBXH ngày 25/4/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh
5	Hỗ trợ người sử dụng lao động vay vốn để trả lương ngừng việc, trả lương phục hồi sản xuất do đại dịch Covid-19		

6	Hỗ trợ người lao động ngừng việc do đại dịch Covid-19		
V Lĩnh vực An toàn, vệ sinh lao động			
1	Hỗ trợ kinh phí đào tạo chuyển đổi nghề nghiệp; khám bệnh nghề nghiệp; chữa bệnh nghề nghiệp; phục hồi chức năng lao động cho người lao động bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp	Nghị định 37/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ	Quyết định số 1073/QĐ-UBND ngày 30/5/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh
2	Đăng ký công bố hợp quy đối với sản phẩm, hàng hóa	Thông tư số 26/2018/TT-BLĐTBXH ngày 25/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.	Quyết định số 1480/QĐ-UBND ngày 01/7/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh
VI Lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp			
1	Thành lập hội đồng trường, bổ nhiệm chủ tịch, thành viên hội đồng trường trung cấp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở, Ủy ban nhân dân cấp huyện	Thông tư số 14/2021/TT-BLĐTBXH ngày 21/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.	Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 23/4/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh
2	Thành lập hội đồng quản trị trường trung cấp tư thục		
VII Lĩnh vực Lao động – Tiền lương			
1	Gửi Thỏa ước lao động tập thể doanh nghiệp	Bộ Luật Lao động năm 2019	Quyết định số 1480/QĐ-UBND ngày 01/7/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh

C. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP HUYỆN

Phần I. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
I Lĩnh vực phòng, chống tệ nạn xã hội						
1	Công bố tổ chức, cá nhân đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích	Không	Nghị định số 116/2021/NĐ-CP ngày 21/12/2021 của Chính phủ	Những nội dung còn lại của thủ tục hành chính thực hiện theo Quyết định số 470/QĐ-LĐTBXH ngày 03/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội
2	Công bố lại tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ				
3	Công bố cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện, cơ sở đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng.	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ				
II Lĩnh vực người có công						
1	Thăm viếng mộ liệt sĩ	06 ngày làm việc từ ngày tiếp nhận đủ giấy tờ theo quy định.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích	Không	- Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng năm 2020. - Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ	Quyết định số 108/QĐ-LĐTBXH ngày 15/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội

Phần II. Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi bổ sung

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải	Địa điểm thực	Phí, lệ	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
-----	------------------------	---------------	---------------	---------	----------------	---------

		quyết	hiện	phí		
I	Lĩnh vực Bảo trợ xã hội					
1	Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện	Tiếp nhận ngay và thủ tục, hồ sơ phải hoàn thiện trong 10 ngày làm việc	Cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện			
2	Dừng trợ giúp xã hội tại cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện			Những nội dung còn lại của thủ tục hành chính thực hiện theo Quyết định số 635/QĐ-LĐTBXH ngày 03/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội
3	Thực hiện, điều chỉnh, thời hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích	Không	Nghị định 20/2021/NĐ-CP của Chính phủ	
4	Chi trả trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú trong cùng địa bàn quận, huyện	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ				
5	Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ				
6	Quyết định trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú giữa các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ				
7	Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ chi phí điều trị người bị thương nặng ngoài nơi cư trú mà không có người thân thích chăm sóc	02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích	Không	Nghị định 20/2021/NĐ-CP của Chính phủ	Những nội dung còn lại của thủ tục hành chính thực hiện theo Quyết định số 635/QĐ-LĐTBXH ngày 03/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội
8	Nhận chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ				
9	Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ chi phí mai táng	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ				

Phần III. Danh mục thủ tục hành chính bãi bỏ

STT	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ	Quyết định được công bố
I	Lĩnh vực người có công		
1	Mua bảo hiểm y tế đối với người có công và thân nhân	Thông tư số 30/2019/TT-BLĐTBXH ngày 26/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội	Quyết định số 1479/QĐ-UBND ngày 01/7/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh
2	Thủ tục cấp giấy giới thiệu đi thăm viếng mộ liệt sĩ và hỗ trợ thăm viếng mộ liệt sĩ	Nghị định số 131/2021/NĐ-CP của Chính phủ	Quyết định số 1479/QĐ-UBND ngày 01/7/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh

3	Thủ tục hỗ trợ người có công đi làm phương tiện, dụng cụ trợ giúp chỉnh hình; đi điều trị phục hồi chức năng	Nghị định số 131/2021/NĐ-CP của Chính phủ	Quyết định số 1479/QĐ-UBND ngày 01/7/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh
II Lĩnh vực Lao động – Tiền lương			
1	Thủ tục gửi thang lương, bảng lương, định mức lao động của doanh nghiệp	Bộ Luật Lao động năm 2019	Quyết định số 1479/QĐ-UBND ngày 01/7/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh

D. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND

CẤP XÃ

I. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
I Lĩnh vực phòng, chống tệ nạn xã hội						
1	Đăng ký cai nghiện ma túy tự nguyện	03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp xã	Không	Nghị định số 116/2021/NĐ-CP của Chính phủ	Những nội dung còn lại của thủ tục hành chính thực hiện theo Quyết định số 470/QĐ-LĐTBXH ngày 03/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội
II Lĩnh vực người có công						
1	Cấp giấy xác nhận thân nhân của người có công	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích	Không	- Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng năm 2020. - Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ	Những nội dung còn lại của thủ tục hành chính thực hiện theo Quyết định số 108/QĐ-LĐTBXH ngày 15/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội

Phần II. Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi bổ sung

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
I Lĩnh vực Bảo trợ xã hội						
1	Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ làm nhà ở, sửa chữa nhà ở	02 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị của Trưởng thôn	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp xã	Không	Nghị định số 20/2021/NĐ-CP của Chính phủ	Những nội dung còn lại của thủ tục hành chính thực hiện theo Quyết định số 635/QĐ-LĐTBXH ngày 03/6/2021 của Bộ LĐTBXH
II Lĩnh vực người có công						
1	Cấp giấy xác nhận thân nhân của người có công	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hoặc qua dịch vụ bưu chính.		- Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng năm 2020. - Nghị định số 131/2021/NĐ-	Những nội dung còn lại của thủ tục hành chính thực hiện theo Quyết định số 627/QĐ-LĐTBXH ngày

					CP của Chính phủ - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP của Chính phủ	12/5/2023 của Bộ LĐTĐ
--	--	--	--	--	---	-----------------------

Phần III. Danh mục thủ tục hành chính bãi bỏ

STT	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ	Quyết định được công bố
I Lĩnh vực Phòng chống tệ nạn xã hội			
1	Quyết định cai nghiện ma túy tự nguyện tại cộng đồng	Nghị định 116/2021/NĐ-CP ngày 21/12/2021 của Chính phủ	Quyết định số 1478/QĐ-UBND ngày 01/7/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh
II Lĩnh vực người có công			
1	Thủ tục xác nhận vào đơn đề nghị di chuyển hài cốt liệt sĩ; đơn đề nghị thăm viếng mộ liệt sĩ	Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ	Quyết định số 1478/QĐ-UBND ngày 01/7/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh
2	Thủ tục ủy quyền hưởng trợ cấp, phụ cấp ưu đãi		

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1206 /QĐ-UBND

Phú Yên, ngày 13 tháng 9 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực thành lập hoạt động hộ kinh doanh thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh Phú Yên

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 1323/QĐ-BKHĐT ngày 26/7/2023 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực thành lập và hoạt động hộ kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 54/TTr-SKHĐT ngày 03/8/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực thành lập và hoạt động hộ kinh doanh thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh Phú Yên (Danh mục thủ tục hành chính theo phụ lục kèm theo).

Điều 2.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm cập nhật và công khai thủ tục hành chính tại Điều 1 Quyết định này vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính và tích hợp dữ liệu để công khai trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh theo đúng quy định (chậm nhất sau 03 ngày làm việc kể từ ngày ký ban hành).

- UBND cấp huyện niêm yết, công khai các thủ tục hành chính này tại Bộ phận Một cửa và trên Trang thông tin điện tử của đơn vị; thực hiện giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền, theo đúng quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế nội dung danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực thành lập và hoạt động hộ kinh doanh ban hành kèm theo Quyết định số 1191/QĐ-UBND ngày 08/9/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Tấn Hồ

Phụ lục
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘ KINH DOANH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP HUYỆN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH PHÚ YÊN
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1206 /QĐ-UBND ngày 13 /9/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên)

1. Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức, địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
1	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh (Mã số hồ sơ 1.001612)	03 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận một cửa của UBND cấp huyện. - Nộp trực tuyến qua hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên. (http://dichvu.cong.phuyen.gov.vn)	30.000 đồng/lần	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16/3/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp; - Thông tư số 02/2023/TT-BKHĐT ngày 18/4/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16/3/2021; - Nghị quyết 70/2016/NQ-HĐND ngày 16/12/2016 của HĐND tỉnh Phú Yên.	
2	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh (Mã số hồ sơ 2.000720)			20.000 đồng/lần		
3	Tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo của hộ kinh doanh (Mã số hồ sơ 1.001570)			Không có		
4	Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh (Mã số hồ sơ 1.001266)	Không có				
5	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh (Mã số hồ sơ 2.000575)	03 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Qua dịch vụ Bưu chính công ích. - Đăng ký qua mạng điện tử thông qua Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. (http://dangky.kinhdoanh.gov.vn)	30.000 đồng/lần		

Nội dung còn lại ban hành kèm theo Quyết định số 1323/QĐ-BKHĐT ngày 26/7/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 1233 /QĐ-UBND

Phú Yên, ngày 15 tháng 9 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực
Quản lý công sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài chính**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 1613/QĐ-BTC ngày 31/7/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về công bố thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực Quản lý công sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 2574/TTr-STC ngày 08/9/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 07 thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực Quản lý công sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài chính đã được công bố tại Quyết định số 1787/QĐ-UBND ngày 05/11/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên (chi tiết tại Phụ lục đính kèm).

Điều 2. Sở Tài chính có trách nhiệm cập nhập, không công khai Danh mục của thủ tục hành chính nêu tại Điều 1 Quyết định này trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh, Trang thông tin điện tử của Sở (chậm nhất sau 03 ngày làm việc kể từ ngày ký ban hành Quyết định).

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hồ Thị Nguyên Thảo

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ TRONG LĨNH VỰC QUẢN LÝ
CÔNG SẢN THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ TÀI CHÍNH**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1233 /QĐ-UBND ngày 15 tháng 9 năm 2023
của UBND tỉnh Phú Yên)*

Số TT	Mã số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Căn cứ pháp lý quy định việc bãi bỏ, hủy bỏ TTHC	Ghi chú
I. Lĩnh vực Quản lý Công sản				
1	1.005416.000.00.00.H45	Thủ tục Quyết định mua sắm tài sản công phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị trong trường hợp không phải lập thành dự án đầu tư	Quyết định số 1075/QĐ-BTC ngày 29/5/2023 của Bộ Tài chính về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính.	<i>Được công bố tại Quyết định số 1787/QĐ-UBND ngày 05/11/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh</i>
2	1.005417.000.00.00.H45	Thủ tục Quyết định thuê tài sản phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị		
3	1.005422.000.00.00.H45	Thủ tục Quyết định điều chuyển tài sản công		
4	1.005426.000.00.00.H45	Thủ tục Quyết định thanh lý tài sản công		
5	1.005423.000.00.00.H45	Thủ tục Quyết định bán tài sản công		
6	1.005427.000.00.00.H45	Thủ tục Quyết định tiêu hủy tài sản công		
7	1.005428.000.00.00.H45	Thủ tục Quyết định xử lý tài sản công trường hợp bị mất, bị hủy hoại		

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1242 /QĐ-UBND

Phú Yên, ngày 18 tháng 9 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố Danh mục và Quy trình nội bộ giải quyết
thủ tục hành chính trong lĩnh vực giám định y khoa
thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 3178/QĐ-BYT ngày 11/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính quy định tại Thông tư liên tịch số 34/2012/TTLT-BYT-BLĐTBXH ngày 28/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chi tiết về việc xác định mức độ khuyết tật do Hội đồng Giám định y khoa thực hiện;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tại Tờ trình số 70/TTr-SYT ngày 24/8/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục và Quy trình nội bộ giải quyết 03 thủ tục hành chính trong lĩnh vực giám định y khoa thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế được quy định tại Thông tư liên tịch số 34/2012/TTLT-BYT-BLĐTBXH ngày 28/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chi tiết về việc xác định mức độ khuyết tật do Hội đồng Giám định Y khoa thực hiện. (Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Sở Y tế có trách nhiệm cập nhật và công khai thủ tục hành chính tại Điều 1 Quyết định này vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính và tích hợp dữ liệu để công khai trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính theo đúng quy định (chậm nhất sau 03 ngày làm việc kể từ ngày ký ban hành); niêm yết,

công khai các thủ tục hành chính này tại đơn vị và trên Trang thông tin điện tử của Sở; thực hiện giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền, theo đúng quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. 06 thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định số 447/QĐ-UBND ngày 05/3/2018 của UBND tỉnh Phú Yên hết hiệu lực.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Y tế và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Đào Mỹ

PHỤ LỤC
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC GIÁM ĐỊNH
Y KHOA THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ Y TẾ
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1242 /QĐ-UBND ngày 18 tháng 9 năm 2023
của UBND tỉnh Phú Yên)

I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC tại Quyết định số 447/QĐ-UBND ngày 05/3/2018 của UBND tỉnh Phú Yên	Tên TTHC mới thay thế TTHC tại Quyết định số 447/QĐ-UBND ngày 05/3/2018 của UBND tỉnh Phú Yên	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	1.000278	Khám giám định mức độ khuyết tật đối với trường hợp người khuyết tật không đồng ý với kết luận của Hội đồng xác định mức độ khuyết tật	Khám giám định mức độ khuyết tật đối với trường hợp người khuyết tật hoặc đại diện hợp pháp của người khuyết tật (bao gồm cá nhân, cơ quan, tổ chức) không đồng ý với kết luận của Hội đồng xác định mức độ khuyết tật	65 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Hội đồng Giám định Y khoa tỉnh Phú Yên (Số 72, Phan Đình Phùng, Phường 1, TP Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên). - Qua dịch vụ bưu chính công ích.	Phí khám giám định thông thường: 1.150.000 đồng và phí làm các cận lâm sàng (nếu có)	- Luật Người khuyết tật số 51/2010/QH12n ngày 17/6/2010. - Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10/4/2012 của Chính phủ. - Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ. - Thông tư Liên tịch số 34/2012/TTLT-BYT-BLĐTBXH ngày 28/12/2012 của Bộ Y tế, Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội. - Thông
2	1.000276	Khám giám định mức độ khuyết tật đối với trường hợp đại diện hợp pháp của người khuyết tật không đồng ý với kết luận của Hội đồng xác định mức độ khuyết tật	Khám giám định mức độ khuyết tật	65 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ			
3	1.000272	Khám giám định đối với trường hợp người khuyết tật có bằng chứng xác thực về việc xác định mức độ khuyết tật của Hội đồng xác định mức độ khuyết tật không khách quan, không chính xác	Khám giám định đối với trường hợp người khuyết tật hoặc đại diện hợp pháp của người khuyết tật (cá nhân, cơ quan, tổ chức) có bằng chứng xác thực về việc xác định mức độ khuyết tật của Hội đồng xác định mức độ khuyết tật không khách quan, không chính xác				
4	1.000269	Khám giám định đối với trường hợp đại diện hợp pháp của người khuyết tật có bằng chứng xác thực về việc xác định mức độ khuyết tật của Hội đồng xác định mức độ khuyết tật không					

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC tại Quyết định số 447/QĐ-UBND ngày 05/3/2018 của UBND tỉnh Phú Yên	Tên TTHC mới thay thế TTHC tại Quyết định số 447/QĐ-UBND ngày 05/3/2018 của UBND tỉnh Phú Yên	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		khách quan, không chính xác					tư số 243/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính.
5	1.000262	Khám giám định phúc quyết mức độ khuyết tật đối với trường hợp người khuyết tật không đồng ý với kết luận của Hội đồng giám định y khoa đã ban hành biên bản khám giám định	Khám giám định phúc quyết mức độ khuyết tật đối với trường hợp người khuyết tật hoặc đại diện người khuyết tật (cá nhân, cơ quan, tổ chức) không đồng ý với kết luận của Hội đồng giám định y khoa đã ban hành biên bản khám giám định	95 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ		Phí khám giám định phúc quyết: 1.368.000 đồng và phí làm các cận lâm sàng (nếu có)	- Thông tư số 01/2023/TT-BYT ngày 01/02/2023 của Bộ Y tế.
6	1.000101	Khám giám định phúc quyết mức độ khuyết tật đối với trường hợp đại diện hợp pháp của người khuyết tật không đồng ý với kết luận của Hội đồng giám định y khoa đã ban hành biên bản khám giám định					

II. QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT TTHC LĨNH VỰC GIÁM ĐỊNH Y KHOA THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ Y TẾ

1. Khám giám định mức độ khuyết tật đối với trường hợp người khuyết tật hoặc đại diện hợp pháp của người khuyết tật (bao gồm cá nhân, cơ quan, tổ chức) không đồng ý với kết luận của Hội đồng xác định mức độ khuyết tật (Mã TTHC: 1.011798)

- Thời gian giải quyết: 65 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.
- Quy trình nội bộ:

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian thực hiện
Bước 1	Kiểm tra và tiếp nhận hồ sơ: - Nếu chưa hợp lệ thì hướng dẫn bổ sung. - Nếu hợp lệ thì tiếp nhận và gửi phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả. - Chuyển hồ sơ cho Lãnh đạo Trung tâm GDYK để phân công xử lý.	Viên chức tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ Trung tâm GDYK	01 ngày làm việc
Bước 2	Phân công Bác sĩ thụ lý hồ sơ	Giám đốc Trung tâm GDYK	01 ngày làm việc
Bước 3	Nhận hồ sơ và giải quyết: - Thực hiện việc khám giám định cho đối tượng: Khám tổng quát, chỉ định khám chuyên khoa (lâm sàng và cận lâm sàng). - Dự kiến kết quả giám định y khoa và tỷ lệ tổn thương cơ thể (nếu có).	Bác sĩ thụ lý hồ sơ của Trung tâm	49 ngày làm việc
Bước 4	Tổ chức Hội chẩn chuyên môn trước	Giám đốc Trung tâm GDYK	01 ngày làm

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian thực hiện
	khí Hội đồng GDYK họp		việc
Bước 5	Tổ chức họp Hội đồng GDYK: - Nếu hồ sơ phù hợp, được Hội đồng thống nhất kết luận thì chuyển sang Bước 6 thực hiện tiếp. - Nếu hồ sơ chưa phù hợp thì Hội đồng cho dừng hồ sơ quay lại thực hiện từ Bước 3 để khám bổ sung hoặc yêu cầu đối tượng bổ sung hồ sơ (nếu có).	Chủ tịch Hội đồng GDYK - Giám đốc Sở Y tế chủ trì, hoặc ủy quyền bằng văn bản cho Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng - Giám đốc Trung tâm chủ trì	01 ngày làm việc
Bước 6	Hoàn thành Biên bản giám định y khoa	Viên chức Trung tâm GDYK	08 ngày làm việc
Bước 7	Trình lãnh đạo ký Biên bản giám định y khoa	Chủ tịch Hội đồng GDYK - Giám đốc Sở Y tế hoặc Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng - Giám đốc Trung tâm khi được ủy quyền	01 ngày làm việc
Bước 8	- Làm thủ tục, đóng dấu, vào sổ, ban hành Biên bản giám định y khoa. - Chuyển kết quả đến Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả Trung tâm GDYK.	Văn thư Trung tâm GDYK	02 ngày làm việc
Bước 9	Trả kết quả cho cá nhân/tổ chức và thu phí giám định y khoa.	Viên chức tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả Trung tâm GDYK	01 ngày làm việc
Tổng thời gian giải quyết:			65 ngày làm việc

2. Khám giám định đối với trường hợp người khuyết tật hoặc đại diện hợp pháp của người khuyết tật (cá nhân, cơ quan, tổ chức) có bằng chứng xác thực về việc xác định mức độ khuyết tật của Hội đồng xác định mức độ khuyết tật không khách quan, không chính xác(Mã TTHC: 1.011799)

- Thời gian giải quyết: **65** ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.
- Quy trình nội bộ:

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian thực hiện
Bước 1	Kiểm tra và tiếp nhận hồ sơ: - Nếu chưa hợp lệ thì hướng dẫn bổ sung. - Nếu hợp lệ thì tiếp nhận và gửi phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả. - Chuyển hồ sơ cho Lãnh đạo Trung tâm GDYK để phân công xử lý.	Viên chức tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ Trung tâm GDYK	01 ngày làm việc
Bước 2	Phân công Bác sĩ thụ lý hồ sơ	Giám đốc Trung tâm GDYK	01 ngày làm việc
Bước 3	Nhận hồ sơ và giải quyết: - Thực hiện việc khám giám định cho đối tượng: Khám tổng quát, chỉ định khám chuyên khoa (lâm sàng và cận lâm sàng). - Dự kiến kết quả giám định y khoa và tỷ lệ tổn thương cơ thể (nếu có).	Bác sĩ thụ lý hồ sơ của Trung tâm	49 ngày làm việc
Bước 4	Tổ chức Hội đồng chẩn chuyên môn trước khi Hội đồng GDYK họp	Giám đốc Trung tâm GDYK	01 ngày làm việc
Bước 5	Tổ chức họp Hội đồng GDYK: - Nếu hồ sơ phù hợp, được Hội đồng thống nhất kết luận thì chuyển sang Bước 6 thực hiện tiếp. - Nếu hồ sơ chưa phù hợp thì Hội đồng cho dừng hồ sơ quay lại thực hiện từ Bước 3 để khám bổ sung hoặc yêu cầu	Chủ tịch Hội đồng GDYK - Giám đốc Sở Y tế chủ trì, hoặc ủy quyền bằng văn bản cho Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng - Giám đốc Trung tâm chủ trì	01 ngày làm việc

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian thực hiện
	đối tượng bổ sung hồ sơ (nếu có).		
Bước 6	Hoàn thành Biên bản giám định y khoa	Viên chức Trung tâm GĐYK	08 ngày làm việc
Bước 7	Trình lãnh đạo ký Biên bản giám định y khoa	Chủ tịch Hội đồng GĐYK - Giám đốc Sở Y tế hoặc Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng - Giám đốc Trung tâm khi được ủy quyền	01 ngày làm việc
Bước 8	- Làm thủ tục, đóng dấu, vào sổ, ban hành Biên bản giám định y khoa. - Chuyển kết quả đến Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả Trung tâm GĐYK.	Văn thư Trung tâm GĐYK	02 ngày làm việc
Bước 9	Trả kết quả cho cá nhân/tổ chức và thu phí giám định y khoa.	Viên chức tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả Trung tâm GĐYK	01 ngày làm việc
Tổng thời gian giải quyết:			65 ngày làm việc

3. Khám giám định phúc quyết mức độ khuyết tật đối với trường hợp người khuyết tật hoặc đại diện người khuyết tật (cá nhân, cơ quan, tổ chức) không đồng ý với kết luận của Hội đồng giám định y khoa đã ban hành biên bản khám giám định(Mã TTHC: 1.011800)

- Thời gian giải quyết: **95** ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Trong đó: **35** ngày làm việc do Hội đồng GĐYK cấp tỉnh giải quyết (**15** ngày giải quyết lần 02; **20** ngày hoàn chỉnh hồ sơ giám định theo quy định và gửi đến Hội đồng GĐYK Trung ương để giải quyết (nếu trường hợp người khuyết tật hoặc đại diện hợp pháp của người khuyết tật (cá nhân, cơ quan, tổ chức) vẫn không đồng ý với kết quả giải quyết lần 02)); **60** ngày làm việc do Hội đồng GĐYK cấp Trung ương giải quyết.

- Quy trình nội bộ được chia làm 2 trường hợp:

a) Trường hợp người khuyết tật hoặc đại diện hợp pháp của người khuyết tật (cá nhân, cơ quan, tổ chức) không đồng ý với kết luận của Hội đồng GĐYK đã ban hành Biên bản giám định lần 01.

- Thời hạn giải quyết: **15** ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Hội đồng GĐYK có trách nhiệm giải quyết lần 02 và ban hành Biên bản giám định lần 02.

- Quy trình nội bộ:

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian thực hiện
Bước 1	Kiểm tra và tiếp nhận hồ sơ: - Nếu chưa hợp lệ thì hướng dẫn bổ sung. - Nếu hợp lệ thì tiếp nhận và gửi phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả. - Chuyển hồ sơ cho Lãnh đạo Trung tâm GĐYK để phân công xử lý.	Viên chức tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ Trung tâm GĐYK	01 ngày làm việc
Bước 2	Phân công Bác sĩ thụ lý hồ sơ	Giám đốc Trung tâm GĐYK	01 ngày làm việc
Bước 3	Nhận hồ sơ và giải quyết: - Thực hiện việc khám giám định cho đối tượng: Khám tổng quát, chỉ định khám chuyên khoa (lâm sàng và cận lâm sàng). - Dự kiến kết quả giám định y khoa và tỷ lệ tổn thương cơ thể (nếu có).	Bác sĩ thụ lý hồ sơ của Trung tâm	04 ngày làm việc
Bước 4	Tổ chức Hội chẩn chuyên môn trước khi Hội đồng GĐYK họp	Giám đốc Trung tâm GĐYK	01 ngày làm việc
Bước 5	Tổ chức họp Hội đồng GĐYK: - Nếu hồ sơ phù hợp, được Hội đồng thống nhất kết luận thì chuyển sang Bước 6 thực hiện tiếp. - Nếu hồ sơ chưa phù hợp thì Hội đồng cho dừng hồ sơ quay lại thực hiện từ	Chủ tịch Hội đồng GĐYK - Giám đốc Sở Y tế chủ trì, hoặc ủy quyền bằng văn bản cho Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng - Giám đốc Trung tâm chủ trì	01 ngày làm việc

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian thực hiện
	Bước 3 để khám bổ sung hoặc yêu cầu đối tượng bổ sung hồ sơ (nếu có).		
Bước 6	Hoàn thành Biên bản giám định y khoa	Viên chức Trung tâm GĐYK	04 ngày làm việc
Bước 7	Trình lãnh đạo ký Biên bản giám định y khoa	Chủ tịch Hội đồng GĐYK - Giám đốc Sở Y tế hoặc Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng - Giám đốc Trung tâm khi được ủy quyền	01 ngày làm việc
Bước 8	- Làm thủ tục, đóng dấu, vào sổ, ban hành Biên bản giám định y khoa. - Chuyển kết quả đến Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả Trung tâm GĐYK.	Văn thư Trung tâm GĐYK	01 ngày làm việc
Bước 9	- Trả kết quả cho cá nhân/tổ chức và thu phí giám định y khoa.	Viên chức tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả Trung tâm GĐYK	01 ngày làm việc
Tổng thời gian giải quyết:			15 ngày làm việc

b) Trường hợp người khuyết tật hoặc đại diện hợp pháp của người khuyết tật (cá nhân, cơ quan, tổ chức) vẫn không đồng ý với kết quả giải quyết lần 02 của Hội đồng GĐYK đã ban hành Biên bản giám định lần 02.

- Thời hạn giải quyết: 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Hội đồng GĐYK có trách nhiệm hoàn chỉnh hồ sơ giám định theo quy định và gửi đến Hội đồng GĐYK Trung ương để giải quyết.

- Quy trình nội bộ:

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian thực hiện
Bước 1	- Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận đơn kiến nghị đề nghị khám giám định phúc quyết của người khuyết tật hoặc đại diện hợp pháp của người khuyết tật (cá nhân, cơ quan, tổ chức). - Chuyển hồ sơ cho Lãnh đạo Trung tâm GĐYK để xử lý.	Viên chức tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ Trung tâm GĐYK	01 ngày làm việc
Bước 2	- Nhận hồ sơ và giải quyết. - Hoàn chỉnh hồ sơ giám định theo quy định để gửi đến Hội đồng GĐYK Trung ương giải quyết.	Phó Chủ tịch thường trực Hội đồng Giám định Y khoa - Giám đốc Trung tâm GĐYK	13 ngày làm việc
Bước 3	Làm thủ tục gửi hồ sơ (qua đường bưu chính công ích) đến Hội đồng GĐYK Trung ương để giải quyết.	Văn thư Trung tâm	05 ngày làm việc
Bước 4	- Thông báo việc giải quyết TTHC cho cá nhân/tổ chức được biết và chờ cho đến khi Hội đồng GĐYK Trung ương mời đến khám giám định phúc quyết theo quy định.	Viên chức tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ Trung tâm GĐYK	01 ngày làm việc
Tổng thời gian giải quyết:			20 ngày làm việc

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1244/QĐ-UBND

Phú Yên, ngày 18 tháng 9 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung
trong lĩnh vực quản lý chất lượng công trình xây dựng
thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Xây dựng**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính
phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8
năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan
đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ
trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục
hành chính;*

*Căn cứ Quyết định số 707/QĐ-BXD ngày 07 tháng 7 năm 2023 của Bộ Xây
dựng về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực quản
lý chất lượng công trình xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của
Bộ Xây dựng;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 55/TTr-SXD ngày
17/8/2023.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục 01 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực quản lý chất lượng công trình xây dựng thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Xây dựng đã được công bố tại Quyết định số 1611/QĐ-UBND ngày 20/11/2021 của UBND tỉnh Phú Yên.

Chi tiết danh mục thủ tục hành chính và quy trình giải quyết nội bộ có các phụ lục kèm theo.

Điều 2. Sở Xây dựng có trách nhiệm cập nhật và công khai thủ tục hành chính tại Điều 1 Quyết định này vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính và tích hợp dữ liệu để công khai trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính theo đúng quy định (chậm nhất sau 03 ngày làm việc kể từ ngày ký ban hành).

Các Sở: Xây dựng, Giao thông Vận tải, Nông nghiệp phát triển nông thôn, Công Thương, Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Yên và Ban Quản lý Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Phú Yên thực hiện nghiêm yết, công khai các thủ tục hành

chính này tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công và trên Trang thông tin điện tử của đơn vị; thực hiện giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền, theo đúng quy định.

Điều 3.Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4.Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Xây dựng, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công thương, Trưởng Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Yên, Trưởng Ban Quản lý Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh Phú Yên và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Tấn Hồ

PHỤ LỤC I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA SỞ XÂY DỰNG
(Kèm theo Quyết số: 1244 /QĐ-UBND ngày 18/ 9 / 2023 của UBND tỉnh Phú Yên)

I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC được sửa đổi, bổ sung	Tên TTHC sửa đổi, bổ sung	Thời hạn giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Cơ quan thực hiện
I								
Lĩnh vực quản lý chất lượng công trình xây dựng								
1	1.009794	Kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình (đối với các công trình trên địa bàn thuộc trách nhiệm quản lý của Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, trừ các công trình thuộc thẩm quyền kiểm tra của Hội đồng kiểm tra nhà nước về công tác nghiệm thu công trình xây dựng và cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Bộ Xây dựng, Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành)	Kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình của cơ quan chuyên môn về xây dựng tại địa phương	20 ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ đề nghị kiểm tra công tác nghiệm thu	- Trung tâm Phục vụ hành chính công, 206A Trần Hưng Đạo, phường 4, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên - Qua dịch vụ bưu chính công ích - Cổng dịch vụ công trực tuyến tỉnh Phú Yên tại địa chỉ http://dichvucong.puyen.gov.vn	Không	- Luật Xây dựng năm 2014. - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020. - Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng. - Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/06/2023 của Chính phủ Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng	Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công thương, Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Yên, Ban Quản lý Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Phú Yên.

PHỤ LỤC II
QUY TRÌNH NỘI BỘ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC QUẢN LÝ
CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ XÂY DỰNG
(Kèm theo Quyết số: 1244/QĐ-UBND ngày 18/9/2023
của UBND tỉnh Phú Yên)

1. Thủ tục Kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình của cơ quan chuyên môn về xây dựng tại địa phương – Thời hạn giải quyết: 20 ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ đề nghị kiểm tra công tác nghiệm thu

TT	Nội dung	Trách nhiệm xử lý	Thời gian thực hiện
Bước 1	Kiểm tra và tiếp nhận hồ sơ. Chuyển hồ sơ cho phòng chuyên môn.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	1/2 ngày
Bước 2	Xử lý hồ sơ thủ tục hành chính. Gồm các nội dung:	Phòng chuyên môn phụ trách giải quyết TTHC	
	- Chuyển chuyên viên xử lý	Lãnh đạo phòng	1/2 ngày
	- Xem xét giải quyết theo nhiệm vụ được giao. Dự thảo kết quả xử lý trình lãnh đạo phòng	Chuyên viên	17 ngày
	- Đồng ý với kết quả xử lý của chuyên viên thì trình lãnh đạo cơ quan - Không đồng ý với kết quả xử lý của chuyên viên thì yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung	Lãnh đạo phòng	1/2 ngày
Bước 3	- Đồng ý kết quả xử lý của phòng chuyên môn thì ký duyệt, chuyển bộ phận Văn thư phát hành. - Không đồng ý với kết quả xử lý thì chuyển lại phòng chuyên môn chỉnh sửa, bổ sung.	Lãnh đạo cơ quan	1/2 ngày
Bước 4	Cho số, vào sổ, phát hành văn bản. Chuyển kết quả đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	Văn thư	1/2 ngày
Bước 5	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả trả kết quả, thu lệ phí (nếu có).	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	1/2 ngày

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1259 /QĐ-UBND

Phú Yên, ngày 20 tháng 9 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung
trong lĩnh vực đường thủy nội địa thuộc thẩm quyền giải quyết
của Sở Giao thông vận tải**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính
phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng
8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên
quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ
trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục
hành chính;*

*Căn cứ Quyết định số 995/QĐ-BGTVT ngày 10/8/2023 của Bộ trưởng Bộ
Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong
lĩnh vực đường thủy nội địa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông
vận tải;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 99/TTr-
SGTVT ngày 22 /8/2023.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 02 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực đường thủy nội địa thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải (kèm theo Danh mục).

Điều 2: Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm cập nhật, công khai thủ tục hành chính tại Điều 1 Quyết định này vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính và tích hợp dữ liệu để công khai trên Cổng Dịch vụ công trực tuyến tỉnh theo đúng quy định (*chậm nhất sau 03 ngày làm việc kể từ ngày ký ban hành*); niêm yết, công khai các thủ tục hành chính này tại đơn vị và trên Trang thông tin điện tử của Sở; thực hiện giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền, theo đúng quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2023.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Giao thông vận tải và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Tấn Hồ

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG
LĨNH VỰC ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT
CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số:1259 /QĐ-UBND ngày 20 tháng 9 năm 2023
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên)*

TT	Số hồ sơ TTHC	Thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Cách thức thực hiện	Lệ phí (nếu có)	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
1	1.004261	Cấp Giấy phép vận tải qua biên giới	- 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ.	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên tại địa chỉ: 206A Trần Hung Đạo, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.	Không	Thông tư số 13/2023/ TT- BGTVT ngày 30/6/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư hướng dẫn thực hiện một số điều của Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Hoàng gia Campuchi a về vận tải đường thủy	Những nội dung còn lại của thủ tục hành chính thực hiện theo Quyết định số 995/QĐ - BGTVT ngày 10/8/20 23 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải
2	1.004259	Cấp lại Giấy phép vận tải qua biên giới	- 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ.	- Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích. - Nộp qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh tại địa chỉ https:// dichvucon g.phuyen. gov.vn	Không		

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:1260 /QĐ-UBND

Phú Yên, ngày 20 tháng 9 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực lâm nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 374/QĐ-BNN-TCLN ngày 19/01/2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bãi bỏ lĩnh vực Lâm nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và PTNT;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 156 /TTr-SNN ngày 28/8/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; sửa đổi, bổ sung; bãi bỏ lĩnh vực lâm nghiệp và Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính mới ban hành; sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh Phú Yên (có Phụ lục I kèm theo).

Điều 2.

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm cập nhật và công khai thủ tục hành chính tại Điều 1 Quyết định này vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính và tích hợp dữ liệu để công khai trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính theo đúng quy định (chậm nhất sau 03 ngày làm việc kể từ ngày ký ban hành).

UBND các huyện, thị xã, thành phố thực hiện niêm yết, công khai các thủ tục hành chính này tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả và trên Trang thông tin điện tử

của đơn vị; thực hiện giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền, theo đúng quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Tấn Hồ

PHỤ LỤC
DANH MỤC VÀ QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH;
SỬA ĐỔI, BỔ SUNG; BỊ BÃI BỎ TRONG LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP THUỘC THẨM QUYỀN
GIẢI QUYẾT CỦA UBND CÁC HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1260/QĐ-UBND ngày 20/9/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên)

I. DANH MỤC THỦ TỤC

1. Thủ tục hành chính công bố mới ban hành

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức, địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
1	Phê duyệt Phương án khai thác thực vật rừng loài thông thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện	10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Nộp hồ sơ qua Bưu chính công ích hoặc qua môi trường điện tử (https://dichvucong.phuyen.gov.vn) hoặc nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện	Không	Điều 6 Thông tư số 26/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT	Thực hiện theo Quyết định số 374/QĐ-BNN-TCLN ngày 19/01/2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT

2. Thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung

ST T	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
1	1.000045	Xác nhận bảng kê lâm sản	07 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Nộp hồ sơ qua Bưu chính công ích hoặc qua môi trường điện tử (https://dichvucong.phuyen.gov.vn) hoặc nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	Không	Điều 5 Thông tư số 26/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT	Thực hiện theo Quyết định số 374/QĐ-BNN-TCLN ngày 19/01/2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT

3. Thủ tục hành chính bị bãi bỏ

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Văn bản QPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính
TTHC được công bố tại Quyết định số 241/QĐ-UBND ngày 06/3/2023 của UBND tỉnh			

01	1.000037	Xác nhận bằng kê lâm sản	Thông tư số 26/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
----	----------	--------------------------	---

II. QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Tên thủ tục công bố mới: Phê duyệt Phương án khai thác thực vật rừng loài thông thường thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện

- Thời hạn giải quyết: **10 ngày làm việc** kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
- Quy trình nội bộ

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian thực hiện
Bước 1	Nộp hồ sơ. Chủ rừng hoặc tổ chức, cá nhân được chủ rừng ủy quyền có nhu cầu khai thác đối với trường hợp quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 6 Thông tư số 26/2022/TT-BNNPTNT do cá nhân, hộ gia đình, cộng đồng dân cư tự đầu tư; khai thác tận dụng, tận thu gỗ rừng sản xuất là rừng tự nhiên do cá nhân, hộ gia đình, cộng đồng dân cư quản lý nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường điện tử 01 bộ hồ sơ đến Ủy ban nhân dân cấp huyện. Trường hợp nộp hồ sơ qua môi trường điện tử thực hiện theo quy định tại Nghị định số 45/2020/NĐ-CP.	Công chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện	Trong giờ hành chính
Bước 2	Tiếp nhận hồ sơ. - Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp: Ủy ban nhân dân cấp huyện kiểm tra thành phần hồ sơ và trả lời ngay tính hợp lệ của thành phần hồ sơ cho chủ rừng hoặc tổ chức, cá nhân được chủ rừng ủy quyền. - Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường điện tử: Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét tính hợp lệ của thành phần hồ sơ; trường hợp hồ sơ không hợp lệ, thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.	Ủy ban nhân dân cấp huyện kiểm tra thành phần hồ sơ	01 ngày làm việc
Bước 3	Thẩm định: Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt Phương án khai thác lâm sản và trả kết quả cho chủ rừng hoặc tổ chức, cá nhân được chủ rừng ủy quyền; trường hợp không phê duyệt thì thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.	Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt	09 ngày làm việc
Bước 4	Trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện	Trong giờ hành chính
Tổng thời gian giải quyết			10 ngày làm việc

2. Tên thủ tục được sửa đổi, bổ sung: Xác nhận bằng kê lâm sản

- Thời hạn giải quyết: **07 ngày làm việc**, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.
- Quy trình nội bộ:

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian thực hiện
Bước 1	- Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho tổ chức/cá nhân. - Quét (Scan) hồ sơ và chuyển hồ sơ trên Cổng dịch vụ công trực tuyến và hồ sơ giấy cho Hạt Kiểm lâm cấp huyện (Cơ quan Kiểm lâm sở tại) xử lý.	Công chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	½ ngày làm việc

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian thực hiện
Bước 2	- Kiểm tra hồ sơ và Bảng kê lâm sản; - Soạn thảo văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân biết đối với trường hợp không xác nhận và nêu rõ lý do; thông báo cho chủ lâm sản biết đối với trường hợp xác minh nguồn gốc lâm sản.	Công chức Hạt Kiểm lâm cấp huyện (Cơ quan Kiểm lâm sở tại)	01 ngày làm việc
Bước 3	Trường hợp cần xác minh nguồn gốc lâm sản: Soạn thảo văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân biết về việc xác minh. Tiến hành xác minh nguồn gốc lâm sản.	Công chức và Lãnh đạo Hạt Kiểm lâm cấp huyện (Cơ quan Kiểm lâm sở tại)	04 ngày làm việc
Bước 4	Ký xác nhận Bảng kê lâm sản; xác nhận lâm sản tồn trong Sổ theo dõi nhập, xuất lâm sản đối với trường hợp tổ chức, hộ kinh doanh hoặc ký văn bản thông báo việc không xác nhận Bảng kê lâm sản và nêu rõ lý do.	Lãnh đạo Hạt Kiểm lâm cấp huyện (Cơ quan Kiểm lâm sở tại)	½ ngày làm việc
Bước 5	Làm thủ tục phát hành văn bản, chuyển kết quả đến: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	Công chức Hạt Kiểm lâm cấp huyện (Cơ quan Kiểm lâm sở tại)	½ ngày làm việc
Bước 6	- Xác nhận trên cổng dịch vụ công trực tuyến; - Trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức/cá nhân	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện (Cơ quan Kiểm lâm sở tại)	½ ngày làm việc
Tổng thời gian giải quyết			07 ngày làm việc

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 1261 /QĐ-UBND

Phú Yên, ngày 20 tháng 8 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục và Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực thủy lợi thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 về kiểm soát thủ tục hành chính; số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 Sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính và số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 3216/QĐ-BNN-TL ngày 07/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực thủy lợi thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và PTNT;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT tại Tờ trình số 156/TTr-SNN ngày 28/8/2023.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục và Quy trình nội bộ giải quyết 12 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực thủy lợi thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và PTNT (chi tiết tại Danh mục kèm theo).

Điều 2. Sở Nông nghiệp và PTNT có trách nhiệm Cập nhật và công khai thủ tục hành chính tại Điều 1 Quyết định này vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính và tích hợp dữ liệu để công khai trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính theo đúng quy định (chậm nhất sau 03 ngày làm việc kể từ ngày ký ban hành); niêm yết, công khai các thủ tục hành chính này tại đơn vị và trên Trang thông tin điện tử của Sở; thực hiện giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền, theo đúng quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Tấn Hồ

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LĨNH VỰC THỦY LỢI
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH PHÚ YÊN**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1261 /QĐ-UBND ngày 20 /9/2023
của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên)*

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung	Tên thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
LĨNH VỰC THỦY LỢI								
1	1.004427	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phương tiện; Khoan, đào khảo sát địa chất, thăm dò, khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, khai thác nước dưới đất; Xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phương tiện; Khoan, đào khảo sát địa chất, thăm dò, khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, khai thác nước dưới đất; Xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	25 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. - Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh tại địa chỉ http://dichvucong.phuyen.gov.vn . - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không	- Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017; - Điều 13, 17, 21 Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ; - Khoản 8, 9 Điều 1 Nghị định số 40/2023/NĐ-CP ngày 27/6/2023 của Chính phủ.	Thực hiện theo Quyết định số 3216/QĐ-BNN-TL ngày 07/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT
2	2.001796	Cấp giấy	Cấp giấy	15	- Nộp trực	Không	- Luật Thủy	Thực

		phép hoạt động du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi đối với hoạt động du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.	tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. - Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh tại địa chỉ http://dichvucong.phuyen.gov.vn . - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.		lợi ngày 19/6/2017; - Điều 13, 17, 21 Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ; - Khoản 9, Điều 1 Nghị định số 40/2023/NĐ-CP ngày 27/6/2023 của Chính phủ.	hiện theo Quyết định số 3216/QĐ-BNN-TL ngày 07/8/2023 của Bộ Nông nghiệp và PTNT
3	2.001795	Cấp giấy phép nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	Cấp giấy phép nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.	15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.		Không		
4	2.001793	Cấp giấy phép hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ của	Cấp giấy phép hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ trong	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. - Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh tại địa chỉ http://dichvucong.phuyen.gov.vn . - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không	- Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017; - Điều 13, 21 Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ; - Khoản 8, 9, Điều 1 Nghị định số 40/2023/NĐ-CP ngày 27/6/2023 của Chính phủ.	Thực hiện theo Quyết định số 3216/QĐ-BNN-TL ngày 07/8/2023 của Bộ Nông nghiệp và PTNT

		UBND tỉnh	phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi của UBND tỉnh					
5	1.004385	Cấp giấy phép cho các hoạt động trồng cây lâu năm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	Cấp giấy phép cho các hoạt động trồng cây lâu năm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. - Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh tại địa chỉ http://dichvucong.phuyen.gov.vn . - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không	- Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017; - Điều 13, 17, 21 Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ; - Khoản 8, 9, Điều 1 Nghị định số 40/2023/NĐ-CP ngày 27/6/2023 của Chính phủ.	Thực hiện theo Quyết định số 3216/QĐ-BNN-TL ngày 07/8/2023 của Bộ Nông nghiệp và PTNT
6	2.001791	Cấp giấy phép nuôi trồng thủy sản thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	Cấp giấy phép nuôi trồng thủy sản trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.	15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.		Không		
7	1.003880	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hoạt động: Du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi đối với hoạt động: du lịch, thể	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. - Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh tại địa chỉ http://dichvucong.phuyen.gov.vn . - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không	- Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017; - Khoản 1, 2, Điều 29, Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ; - Khoản 10, điểm c, khoản 11, Điều 1 Nghị định số 40/2023/NĐ-CP ngày 27/6/2023 của Chính phủ.	Thực hiện theo Quyết định số 3216/QĐ-BNN-TL ngày 07/8/2023 của Bộ Nông nghiệp và PTNT

		cấp phép của UBND tỉnh	thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.					
8	1.003870	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hoạt động: Nuôi trồng thủy sản; Nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Nuôi trồng thủy sản; Nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. - Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh tại địa chỉ http://dichvucong.phuyen.gov.vn . - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không	- Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017; - Điều 13, 17, khoản 1, 2, Điều 29, Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ; - Khoản 10, 11, Điều 1 Nghị định số 40/2023/NĐ-CP ngày 27/6/2023 của Chính phủ.	Thực hiện theo Quyết định số 3216/QĐ -BNN-TL ngày 07/8/2023 của Bộ Nông nghiệp và PTNT
9	2.001426	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phương tiện; Khoan,	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phương tiện;	15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. - Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh tại địa chỉ http://dichvucong.phuyen.gov.vn . - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không		Thực hiện theo Quyết định số 3216/QĐ -BNN-TL ngày 07/8/2023 của Bộ Nông nghiệp và PTNT

		đào khảo sát địa chất, thăm dò, khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, khai thác nước dưới đất; Xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	Khoan, đào khảo sát địa chất, thăm dò, khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, khai thác nước dưới đất; Xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.					
10	2.001401	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép: Trồng cây lâu năm; Hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Trồng cây lâu năm; Hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. - Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh tại địa chỉ http://dichvucong.phuyen.gov.vn . - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không	- Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017; - Điều 13, 17, khoản 1, 2, Điều 29, Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ; - Khoản 10, 11, Điều 1 Nghị định số 40/2023/NĐ-CP ngày 27/6/2023 của Chính phủ.	Thực hiện theo Quyết định số 3216/QĐ -BNN-TL ngày 07/8/2023 của Bộ Nông nghiệp và PTNT

11	1.003921	Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp bị mất, bị rách, hư hỏng thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.	Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp bị mất, bị rách, hư hỏng thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. - Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh tại địa chỉ http://dichvucong.phuyen.gov.vn . - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không	- Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017; - Điều 17, Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ; - Khoản 8, 12, Điều 1 Nghị định số 40/2023/NĐ-CP ngày 27/6/2023 của Chính phủ.	Thực hiện theo Quyết định số 3216/QĐ-BNN-TL ngày 07/8/2023 của Bộ Nông nghiệp và PTNT
12	1.003893	Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp tên chủ giấy phép đã được cấp bị thay đổi do chuyển nhượng, sáp nhập, chia tách, cơ cấu lại tổ chức thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.	Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp tên chủ giấy phép đã được cấp bị thay đổi do chuyển nhượng, sáp nhập, chia tách, cơ cấu lại tổ chức thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. - Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh tại địa chỉ http://dichvucong.phuyen.gov.vn . - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không	- Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017; - Điều 17, Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ; - Khoản 8, 12, Điều 1 Nghị định số 40/2023/NĐ-CP ngày 27/6/2023 của Chính phủ.	Thực hiện theo Quyết định số 3216/QĐ-BNN-TL ngày 07/8/2023 của Bộ Nông nghiệp và PTNT

QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LĨNH VỰC THỦY LỢI THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH PHÚ YÊN

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1261 /QĐ-UBND ngày 20 /9/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên)

1. Thủ tục: Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phương tiện; Khoan, đào khảo sát địa chất, thăm dò, khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, khai thác nước dưới đất; Xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh:

- Thời hạn giải quyết: 25 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.
- Quy trình nội bộ:

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian thực hiện
Bước 1	- Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho cá nhân/tổ chức; - Quét (scan) hồ sơ và chuyển hồ sơ trên Cổng dịch vụ công trực tuyến và hồ sơ giấy cho Sở Nông nghiệp và PTNT.	Công chức của Sở Nông nghiệp và PTNT được cử tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	½ ngày làm việc
Bước 2	- Nhận hồ sơ và giải quyết; - Xem xét, thẩm tra, xử lý hồ sơ và dự thảo kết quả giải quyết.	- Chuyên viên và Lãnh đạo phòng chuyên môn Chi cục Thủy lợi. - Lãnh đạo Chi cục Thủy lợi	19 ngày làm việc
Bước 3	Thẩm định, xem xét, xác nhận dự thảo kết quả giải quyết trước khi trình UBND tỉnh ký phê duyệt kết quả.	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và PTNT	2 ngày làm việc
Bước 4	Ký phê duyệt kết quả TTHC	Lãnh đạo UBND tỉnh	2 ngày làm việc
Bước 5	Làm thủ tục phát hành văn bản, chuyển kết quả đến Sở Nông nghiệp và PTNT	Văn thư Văn phòng UBND tỉnh	½ ngày làm việc
Bước 6	Chuyển kết quả từ Sở Nông nghiệp và PTNT đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Văn thư Sở Nông nghiệp và PTNT	½ ngày làm việc
Bước 7	- Xác nhận trên Cổng dịch vụ công trực tuyến; - Trả kết quả giải quyết TTHC cho cá nhân/tổ chức	Công chức của Sở Nông nghiệp và PTNT được cử tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	½ ngày làm việc
Tổng thời gian giải quyết			25 ngày làm việc

2. Thủ tục: Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi đối với hoạt động du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh:

- Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.
- Quy trình nội bộ:

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian thực hiện
Bước 1	- Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho cá nhân/tổ chức; - Quét (scan) hồ sơ và chuyển hồ sơ trên Cổng dịch vụ công trực tuyến và hồ sơ giấy cho Sở Nông nghiệp và PTNT.	Công chức của Sở Nông nghiệp và PTNT được cử tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	½ ngày làm việc
Bước 2	- Nhận hồ sơ và giải quyết; - Xem xét, thẩm tra, xử lý hồ sơ và dự thảo kết quả giải quyết.	- Chuyên viên và Lãnh đạo phòng chuyên môn Chi cục Thủy lợi. - Lãnh đạo Chi cục Thủy lợi	10 ngày làm việc
Bước 3	Thẩm định, xem xét, xác nhận dự thảo kết quả giải quyết trước khi trình UBND tỉnh ký phê duyệt kết quả.	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và PTNT	1,5 ngày làm việc
Bước 4	Ký phê duyệt kết quả TTHC	Lãnh đạo UBND tỉnh	1,5 ngày làm việc
Bước 5	Làm thủ tục phát hành văn bản, chuyển kết quả đến Sở Nông nghiệp và PTNT	Văn thư Văn phòng UBND tỉnh	½ ngày làm việc
Bước 6	Chuyển kết quả từ Sở Nông nghiệp và PTNT đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Văn thư Sở Nông nghiệp và PTNT	½ ngày làm việc
Bước 7	- Xác nhận trên Cổng dịch vụ công trực tuyến;	Công chức của Sở Nông nghiệp và PTNT được cử tiếp nhận hồ sơ	½ ngày làm việc

- Trả kết quả giải quyết TTHC cho cá nhân/tổ chức	tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	
Tổng thời gian giải quyết		15 ngày làm việc

3. Thủ tục: Cấp giấy phép nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh:

- Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.
- Quy trình nội bộ:

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian thực hiện
Bước 1	- Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho cá nhân/tổ chức; - Quét (scan) hồ sơ và chuyển hồ sơ trên Cổng dịch vụ công trực tuyến và hồ sơ giấy cho Sở Nông nghiệp và PTNT.	Công chức của Sở Nông nghiệp và PTNT được cử tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	½ ngày làm việc
Bước 2	- Nhận hồ sơ và giải quyết; - Xem xét, thẩm tra, xử lý hồ sơ và dự thảo kết quả giải quyết.	- Chuyên viên và Lãnh đạo phòng chuyên môn Chi cục Thủy lợi. - Lãnh đạo Chi cục Thủy lợi	10 ngày làm việc
Bước 3	Thẩm định, xem xét, xác nhận dự thảo kết quả giải quyết trước khi trình UBND tỉnh ký phê duyệt kết quả.	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và PTNT	02 ngày làm việc
Bước 4	Ký phê duyệt kết quả TTHC	Lãnh đạo UBND tỉnh	01 ngày làm việc
Bước 5	Làm thủ tục phát hành văn bản, chuyển kết quả đến Sở Nông nghiệp và PTNT	Văn thư Văn phòng UBND tỉnh	½ ngày làm việc
Bước 6	Chuyển kết quả từ Sở Nông nghiệp và PTNT đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Văn thư Sở Nông nghiệp và PTNT	½ ngày làm việc
Bước 7	- Xác nhận trên Cổng dịch vụ công trực tuyến; - Trả kết quả giải quyết TTHC cho cá nhân/tổ chức	Công chức của Sở Nông nghiệp và PTNT được cử tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	½ ngày làm việc
Tổng thời gian giải quyết			15 ngày làm việc

4. Thủ tục: Cấp giấy phép hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi của UBND tỉnh:

- Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.
- Quy trình nội bộ:

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian thực hiện
Bước 1	- Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho cá nhân/tổ chức; - Quét (scan) hồ sơ và chuyển hồ sơ trên Cổng dịch vụ công trực tuyến và hồ sơ giấy cho Sở Nông nghiệp và PTNT.	Công chức của Sở Nông nghiệp và PTNT được cử tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	½ ngày làm việc
Bước 2	- Nhận hồ sơ và giải quyết; - Xem xét, thẩm tra, xử lý hồ sơ và dự thảo kết quả giải quyết.	- Chuyên viên và Lãnh đạo phòng chuyên môn Chi cục Thủy lợi. - Lãnh đạo Chi cục Thủy lợi	2,5 ngày làm việc
Bước 3	Thẩm định, xem xét, xác nhận dự thảo kết quả giải quyết trước khi trình UBND tỉnh ký phê duyệt kết quả.	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và PTNT	2 ngày làm việc
Bước 4	Ký phê duyệt kết quả TTHC	Lãnh đạo UBND tỉnh	½ ngày làm việc
Bước 5	Làm thủ tục phát hành văn bản, chuyển kết quả đến Sở Nông nghiệp và PTNT	Văn thư Văn phòng UBND tỉnh	½ ngày làm việc
Bước 6	Chuyển kết quả từ Sở Nông nghiệp và PTNT đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Văn thư Sở Nông nghiệp và PTNT	½ ngày làm việc
Bước 7	- Xác nhận trên Cổng dịch vụ công trực tuyến; - Trả kết quả giải quyết TTHC cho cá nhân/tổ chức	Công chức của Sở Nông nghiệp và PTNT được cử tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	½ ngày làm việc
Tổng thời gian giải quyết			07 ngày làm việc

5. Thủ tục: Cấp giấy phép cho các hoạt động trồng cây lâu năm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh:

- Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.
- Quy trình nội bộ:

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian thực hiện
Bước 1	- Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho cá nhân/tổ chức; - Quét (scan) hồ sơ và chuyển hồ sơ trên Cổng dịch vụ công trực tuyến và hồ sơ giấy cho Sở Nông nghiệp và PTNT.	Công chức của Sở Nông nghiệp và PTNT được cử tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	½ ngày làm việc
Bước 2	- Nhận hồ sơ và giải quyết; - Xem xét, thẩm tra, xử lý hồ sơ và dự thảo kết quả giải quyết.	- Chuyên viên và Lãnh đạo phòng chuyên môn Chi cục Thủy lợi. - Lãnh đạo Chi cục Thủy lợi	4,5 ngày làm việc
Bước 3	Thẩm định, xem xét, xác nhận dự thảo kết quả giải quyết trước khi trình UBND tỉnh ký phê duyệt kết quả.	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và PTNT	02 ngày làm việc
Bước 4	Ký phê duyệt kết quả TTHC	Lãnh đạo UBND tỉnh	1 ngày làm việc
Bước 5	Làm thủ tục phát hành văn bản, chuyển kết quả đến Sở Nông nghiệp và PTNT	Văn thư Văn phòng UBND tỉnh	1 ngày làm việc
Bước 6	Chuyển kết quả từ Sở Nông nghiệp và PTNT đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Văn thư Sở Nông nghiệp và PTNT	½ ngày làm việc
Bước 7	- Xác nhận trên Cổng dịch vụ công trực tuyến; - Trả kết quả giải quyết TTHC cho cá nhân/tổ chức	Công chức của Sở Nông nghiệp và PTNT được cử tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	½ ngày làm việc
Tổng thời gian giải quyết			10 ngày làm việc

6. Thủ tục: Cấp giấy phép nuôi trồng thủy sản trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh:

- Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.
- Quy trình nội bộ:

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian thực hiện
Bước 1	- Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho cá nhân/tổ chức; - Quét (scan) hồ sơ và chuyển hồ sơ trên Cổng dịch vụ công trực tuyến và hồ sơ giấy cho Sở Nông nghiệp và PTNT.	Công chức của Sở Nông nghiệp và PTNT được cử tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	½ ngày làm việc
Bước 2	- Nhận hồ sơ và giải quyết; - Xem xét, thẩm tra, xử lý hồ sơ và dự thảo kết quả giải quyết.	- Chuyên viên và Lãnh đạo phòng chuyên môn Chi cục Thủy lợi. - Lãnh đạo Chi cục Thủy lợi	10 ngày làm việc
Bước 3	Thẩm định, xem xét, xác nhận dự thảo kết quả giải quyết trước khi trình UBND tỉnh ký phê duyệt kết quả.	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và PTNT	02 ngày làm việc
Bước 4	Ký phê duyệt kết quả TTHC	Lãnh đạo UBND tỉnh	01 ngày làm việc
Bước 5	Làm thủ tục phát hành văn bản, chuyển kết quả đến Sở Nông nghiệp và PTNT	Văn thư Văn phòng UBND tỉnh	½ ngày làm việc
Bước 6	Chuyển kết quả từ Sở Nông nghiệp và PTNT đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Văn thư Sở Nông nghiệp và PTNT	½ ngày làm việc
Bước 7	- Xác nhận trên Cổng dịch vụ công trực tuyến; - Trả kết quả giải quyết TTHC cho cá nhân/tổ chức	Công chức của Sở Nông nghiệp và PTNT được cử tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	½ ngày làm việc
Tổng thời gian giải quyết			15 ngày làm việc

7. Thủ tục: Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi đối với hoạt động: du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh:

- Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.
- Quy trình nội bộ:

Thứ tự	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý	Thời gian
--------	--------------------	-------------------	-----------

công việc		công việc	thực hiện
Bước 1	- Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho cá nhân/tổ chức; - Quét (scan) hồ sơ và chuyển hồ sơ trên Cổng dịch vụ công trực tuyến và hồ sơ giấy cho Sở Nông nghiệp và PTNT.	Công chức của Sở Nông nghiệp và PTNT được cử tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	½ ngày làm việc
Bước 2	- Nhận hồ sơ và giải quyết; - Xem xét, thẩm tra, xử lý hồ sơ và dự thảo kết quả giải quyết.	- Chuyên viên và Lãnh đạo phòng chuyên môn Chi cục Thủy lợi. - Lãnh đạo Chi cục Thủy lợi	6 ngày làm việc
Bước 3	Thẩm định, xem xét, xác nhận dự thảo kết quả giải quyết trước khi trình UBND tỉnh ký phê duyệt kết quả.	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và PTNT	1 ngày làm việc
Bước 4	Ký phê duyệt kết quả TTHC	Lãnh đạo UBND tỉnh	1 ngày làm việc
Bước 5	Làm thủ tục phát hành văn bản, chuyển kết quả đến Sở Nông nghiệp và PTNT	Văn thư Văn phòng UBND tỉnh	½ ngày làm việc
Bước 6	Chuyển kết quả từ Sở Nông nghiệp và PTNT đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Văn thư Sở Nông nghiệp và PTNT	½ ngày làm việc
Bước 7	- Xác nhận trên Cổng dịch vụ công trực tuyến; - Trả kết quả giải quyết TTHC cho cá nhân/tổ chức	Công chức của Sở Nông nghiệp và PTNT được cử tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	½ ngày làm việc
Tổng thời gian giải quyết			10 ngày làm việc

8. Thủ tục: Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Nuôi trồng thủy sản; nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh:

- Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.
- Quy trình nội bộ:

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian thực hiện
Bước 1	- Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho cá nhân/tổ chức; - Quét (scan) hồ sơ và chuyển hồ sơ trên Cổng dịch vụ công trực tuyến và hồ sơ giấy cho Sở Nông nghiệp và PTNT.	Công chức của Sở Nông nghiệp và PTNT được cử tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	½ ngày làm việc
Bước 2	- Nhận hồ sơ và giải quyết; - Xem xét, thẩm tra, xử lý hồ sơ và dự thảo kết quả giải quyết.	- Chuyên viên và Lãnh đạo phòng chuyên môn Chi cục Thủy lợi. - Lãnh đạo Chi cục Thủy lợi	6 ngày làm việc
Bước 3	Thẩm định, xem xét, xác nhận dự thảo kết quả giải quyết trước khi trình UBND tỉnh ký phê duyệt kết quả.	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và PTNT	1 ngày làm việc
Bước 4	Ký phê duyệt kết quả TTHC	Lãnh đạo UBND tỉnh	1 ngày làm việc
Bước 5	Làm thủ tục phát hành văn bản, chuyển kết quả đến Sở Nông nghiệp và PTNT	Văn thư Văn phòng UBND tỉnh	½ ngày làm việc
Bước 6	Chuyển kết quả từ Sở Nông nghiệp và PTNT đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Văn thư Sở Nông nghiệp và PTNT	½ ngày làm việc
Bước 7	- Xác nhận trên Cổng dịch vụ công trực tuyến; - Trả kết quả giải quyết TTHC cho cá nhân/tổ chức	Công chức của Sở Nông nghiệp và PTNT được cử tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	½ ngày làm việc
Tổng thời gian giải quyết			10 ngày làm việc

9. Thủ tục: Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, phương tiện; Khoan, đào khảo sát địa chất, thăm dò, khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, khai thác nước dưới đất; Xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh:

- Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.
- Quy trình nội bộ:

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian thực hiện
-------------------------	---------------------------	------------------------------------	----------------------------

Bước 1	- Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho cá nhân/tổ chức; - Quét (scan) hồ sơ và chuyển hồ sơ trên Cổng dịch vụ công trực tuyến và hồ sơ giấy cho Sở Nông nghiệp và PTNT.	Công chức của Sở Nông nghiệp và PTNT được cử tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	½ ngày làm việc
Bước 2	- Nhận hồ sơ và giải quyết; - Xem xét, thẩm tra, xử lý hồ sơ và dự thảo kết quả giải quyết.	- Chuyên viên và Lãnh đạo phòng chuyên môn Chi cục Thủy lợi. - Lãnh đạo Chi cục Thủy lợi	10 ngày làm việc
Bước 3	Thẩm định, xem xét, xác nhận dự thảo kết quả giải quyết trước khi trình UBND tỉnh ký phê duyệt kết quả.	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và PTNT	2 ngày làm việc
Bước 4	Ký phê duyệt kết quả TTHC	Lãnh đạo UBND tỉnh	1 ngày làm việc
Bước 5	Làm thủ tục phát hành văn bản, chuyển kết quả đến Sở Nông nghiệp và PTNT	Văn thư Văn phòng UBND tỉnh	½ ngày làm việc
Bước 6	Chuyển kết quả từ Sở Nông nghiệp và PTNT đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Văn thư Sở Nông nghiệp và PTNT	½ ngày làm việc
Bước 7	- Xác nhận trên Cổng dịch vụ công trực tuyến; - Trả kết quả giải quyết TTHC cho cá nhân/tổ chức	Công chức của Sở Nông nghiệp và PTNT được cử tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	½ ngày làm việc
Tổng thời gian giải quyết			15 ngày làm việc

10. Thủ tục: Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Trồng cây lâu năm; Hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh:

- Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.
- Quy trình nội bộ:

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian thực hiện
Bước 1	- Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho cá nhân/tổ chức; - Quét (scan) hồ sơ và chuyển hồ sơ trên Cổng dịch vụ công trực tuyến và hồ sơ giấy cho Sở Nông nghiệp và PTNT.	Công chức của Sở Nông nghiệp và PTNT được cử tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	½ ngày làm việc
Bước 2	- Nhận hồ sơ và giải quyết; - Xem xét, thẩm tra, xử lý hồ sơ và dự thảo kết quả giải quyết.	- Chuyên viên và Lãnh đạo phòng chuyên môn Chi cục Thủy lợi. - Lãnh đạo Chi cục Thủy lợi	2,5 ngày làm việc
Bước 3	Thẩm định, xem xét, xác nhận dự thảo kết quả giải quyết trước khi trình UBND tỉnh ký phê duyệt kết quả.	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và PTNT	01 ngày làm việc
Bước 4	Ký phê duyệt kết quả TTHC	Lãnh đạo UBND tỉnh	¼ ngày làm việc
Bước 5	Làm thủ tục phát hành văn bản, chuyển kết quả đến Sở Nông nghiệp và PTNT	Văn thư Văn phòng UBND tỉnh	¼ ngày làm việc
Bước 6	Chuyển kết quả từ Sở Nông nghiệp và PTNT đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Văn thư Sở Nông nghiệp và PTNT	¼ ngày làm việc
Bước 7	- Xác nhận trên Cổng dịch vụ công trực tuyến; - Trả kết quả giải quyết TTHC cho cá nhân/tổ chức	Công chức của Sở Nông nghiệp và PTNT được cử tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	¼ ngày làm việc
Tổng thời gian giải quyết			05 ngày làm việc

11. Thủ tục: Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp bị mất, bị rách, hư hỏng thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh:

- Thời hạn giải quyết: 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.
- Quy trình nội bộ:

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian thực hiện
Bước 1	- Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho cá nhân/tổ chức; - Quét (scan) hồ sơ và chuyển hồ sơ trên	Công chức của Sở Nông nghiệp và PTNT được cử tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành	½ ngày làm việc

	Công dịch vụ công trực tuyến và hồ sơ giấy cho Sở Nông nghiệp và PTNT.	chính công tỉnh	
Bước 2	- Nhận hồ sơ và giải quyết; - Xem xét, thẩm tra, xử lý hồ sơ và dự thảo kết quả giải quyết.	- Chuyên viên và Lãnh đạo phòng chuyên môn Chi cục Thủy lợi. - Lãnh đạo Chi cục Thủy lợi	01 ngày làm việc
Bước 3	Thẩm định, xem xét, xác nhận dự thảo kết quả giải quyết trước khi trình UBND tỉnh ký phê duyệt kết quả.	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và PTNT	½ ngày làm việc
Bước 4	Ký phê duyệt kết quả TTHC	Lãnh đạo UBND tỉnh Phú Yên	¼ ngày làm việc
Bước 5	Làm thủ tục phát hành văn bản, chuyển kết quả đến Sở Nông nghiệp và PTNT	Văn thư Văn phòng UBND tỉnh	¼ ngày làm việc
Bước 6	Chuyển kết quả từ Sở Nông nghiệp và PTNT đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Văn thư Sở Nông nghiệp và PTNT	¼ ngày làm việc
Bước 7	- Xác nhận trên Công dịch vụ công trực tuyến; - Trả kết quả giải quyết TTHC cho cá nhân/tổ chức	Công chức của Sở Nông nghiệp và PTNT được cử tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	¼ ngày làm việc
Tổng thời gian giải quyết			03 ngày làm việc

12. Thủ tục: Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp tên chủ giấy phép đã được cấp bị thay đổi do chuyển nhượng, sáp nhập, chia tách, cơ cấu lại tổ chức thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh:

- Thời hạn giải quyết: 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.
- Quy trình nội bộ:

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian thực hiện
Bước 1	- Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho cá nhân/tổ chức; - Quét (scan) hồ sơ và chuyển hồ sơ trên Công dịch vụ công trực tuyến và hồ sơ giấy cho Sở Nông nghiệp và PTNT.	Công chức của Sở Nông nghiệp và PTNT được cử tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	½ ngày làm việc
Bước 2	- Nhận hồ sơ và giải quyết; - Xem xét, thẩm tra, xử lý hồ sơ và dự thảo kết quả giải quyết.	- Chuyên viên và Lãnh đạo phòng chuyên môn Chi cục Thủy lợi. - Lãnh đạo Chi cục Thủy lợi	01 ngày làm việc
Bước 3	Thẩm định, xem xét, xác nhận dự thảo kết quả giải quyết trước khi trình UBND tỉnh ký phê duyệt kết quả.	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và PTNT	½ ngày làm việc
Bước 4	Ký phê duyệt kết quả TTHC	Lãnh đạo UBND tỉnh	¼ ngày làm việc
Bước 5	Làm thủ tục phát hành văn bản, chuyển kết quả đến Sở Nông nghiệp và PTNT	Văn thư Văn phòng UBND tỉnh	¼ ngày làm việc
Bước 6	Chuyển kết quả từ Sở Nông nghiệp và PTNT đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Văn thư Sở Nông nghiệp và PTNT	¼ ngày làm việc
Bước 7	- Xác nhận trên Công dịch vụ công trực tuyến; - Trả kết quả giải quyết TTHC cho cá nhân/tổ chức	Công chức của Sở Nông nghiệp và PTNT được cử tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	¼ ngày làm việc
Tổng thời gian giải quyết			03 ngày làm việc

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:1264 /QĐ-UBND

Phú Yên, ngày 20 tháng 9 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đường sắt thuộc phạm vi quản lý của Sở Giao thông vận tải

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 994/QĐ-BGTVT ngày 10/8/2023 của Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đường sắt nội địa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 101/TTr-SGTVT ngày 25/8/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 02 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực đường sắt thuộc phạm vi quản lý của Sở Giao thông vận tải (kèm theo Danh mục).

Điều 2: Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm:

- Cập nhật, công khai thủ tục hành chính tại Điều 1 Quyết định này vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính và tích hợp dữ liệu để công khai trên Cổng Dịch vụ công trực tuyến tỉnh theo đúng quy định (chậm nhất sau 03 ngày làm việc kể từ ngày ký ban hành); niêm yết, công khai các thủ tục hành chính này tại Trung tâm Phục vụ hành chính công và trên Trang thông tin điện tử của Sở; thực hiện giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền, theo đúng quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Giao thông vận tải và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Tấn Hồ

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC ĐƯỜNG SẮT THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1264 /QĐ-UBND ngày 20 tháng 9 năm 2023 của UBND tỉnh Phú Yên)

TT	Số hồ sơ TTHC	Thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Cách thức thực hiện	Lệ phí (nếu có)	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
1	1.00469 1	Chấp thuận chủ trương kết nối các tuyến đường sắt	- 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên	Không	Thông tư số 11/2023/TT-BGTVT ngày 28/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 26/2018/TT-BGTVT ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định điều kiện, trình tự, thủ tục thực hiện kết nối ray đường sắt đô thị, đường sắt chuyên dùng với đường sắt quốc gia; việc kết nối ray các tuyến đường sắt đô thị.	Những nội dung còn lại của thủ tục hành chính thực hiện theo Quyết định số 994/QĐ-BGTVT ngày 10/8/2023 của Bộ Giao thông vận tải
2	1.00029 4	Cấp Giấy phép kết nối các tuyến đường sắt	- 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	tại địa chỉ: 206A Trần Hưng Đạo, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.	Không		
3	1.00468 1	Gia hạn giấy phép kết nối, bãi bỏ kết nối các tuyến đường sắt	- 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	- Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không		

**QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ
CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1264 /QĐ-UBND ngày 20 tháng 9 năm 2023 của UBND tỉnh Phú Yên)

1. Thủ tục: Chấp thuận chủ trương kết nối các tuyến đường sắt

- Thời hạn giải quyết: **10** ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định
- Quy trình nội bộ:

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian thực hiện
Bước 1	- Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, gửi giấy hẹn tiếp nhận hồ sơ trả kết quả cho tổ chức, cá nhân; - Quét (scan) hồ sơ Chuyển hồ sơ trên Cổng dịch vụ công trực tuyến và hồ sơ giấy cho Phòng Quản lý kết cấu hạ tầng giao thông xử lý hồ sơ. Gửi bưu điện chuyển	Công chức của Sở Giao thông vận tải được cử tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.	½ ngày làm việc
Bước 2	- Nhận hồ sơ và giải quyết; - Xem xét, thẩm tra, xử lý hồ sơ, dự thảo báo cáo thẩm định trình UBND tỉnh.	Chuyên viên Phòng Quản lý kết cấu hạ tầng giao thông	4,5 ngày làm việc
Bước 3	Kiểm tra hồ sơ, xác nhận dự thảo văn bản trước khi trình Lãnh đạo Sở ký văn bản trình UBND tỉnh phê duyệt kết quả.	Lãnh đạo Phòng Quản lý kết cấu hạ tầng giao thông	½ ngày làm việc
Bước 4	Ký văn bản trình UBND tỉnh phê duyệt kết quả TTHC	Lãnh đạo Sở	¼ ngày làm việc
Bước 5	Vào sổ văn bản, đóng dấu, chuyển hồ sơ trình UBND tỉnh.	Văn thư Sở	¼ ngày làm việc
Bước 6	Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho Sở Giao thông vận tải; chuyển hồ sơ đến Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh phân công xử lý	Công chức tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ Văn phòng UBND tỉnh	¼ ngày làm việc
Bước 7	Phân công phòng chuyên môn thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh	½ ngày làm việc
Bước 8	Phòng chuyên môn kiểm tra, xử lý hồ sơ, lập Phiếu trình xử lý công việc; lấy ý kiến các đơn vị liên quan (nếu có); trình Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh	Phòng chuyên môn	2 ngày làm việc
Bước 9	Kiểm tra hồ sơ, ký trình Lãnh đạo UBND tỉnh	Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh	½ ngày làm việc
Bước 10	Kiểm tra và ký duyệt văn bản	Lãnh đạo UBND tỉnh	½ ngày làm việc
Bước 11	Làm thủ tục phát hành văn bản, chuyển kết quả hồ sơ TTHC cho Sở Giao thông vận tải.	Văn thư Văn phòng UBND tỉnh	¼ ngày làm việc
Bước 12	Chuyển kết quả từ Sở Giao thông vận tải đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh.	Bưu điện	¼ ngày làm việc
Bước 13	- Xác nhận trên Cổng dịch vụ công trực tuyến; - Trả kết quả giải quyết TTHC cho cá nhân/tổ chức và thu phí, lệ phí (nếu có).	Công chức của Sở Giao thông vận tải được cử tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh.	¼ ngày làm việc
Tổng thời gian giải quyết:			10 ngày làm việc

2. Thủ tục: Cấp Giấy phép kết nối các tuyến đường sắt

- Thời hạn giải quyết: **10** ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định
- Quy trình nội bộ:

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian thực hiện
Bước 1	- Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ,	Công chức của Sở Giao thông	½ ngày làm việc

	gửi giấy hẹn tiếp nhận hồ sơ trả kết quả cho tổ chức, cá nhân; - Quét (scan) hồ sơ Chuyển hồ sơ trên Cổng dịch vụ công trực tuyến và hồ sơ giấy cho Phòng Quản lý kết cấu hạ tầng giao thông xử lý hồ sơ. Gửi bưu điện chuyên	vận tải được cử tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.	
Bước 2	- Nhận hồ sơ và giải quyết; - Xem xét, thẩm tra, xử lý hồ sơ, dự thảo báo cáo thẩm định trình UBND tỉnh.	Chuyên viên Phòng Quản lý kết cấu hạ tầng giao thông	4,5 ngày làm việc
Bước 3	Kiểm tra hồ sơ, xác nhận dự thảo văn bản trước khi trình Lãnh đạo Sở ký văn bản trình UBND tỉnh phê duyệt kết quả.	Lãnh đạo Phòng Quản lý kết cấu hạ tầng giao thông	½ ngày làm việc
Bước 4	Ký văn bản trình UBND tỉnh phê duyệt kết quả TTHC	Lãnh đạo Sở	¼ ngày làm việc
Bước 5	Vào sổ văn bản, đóng dấu, chuyển hồ sơ trình UBND tỉnh.	Văn thư Sở	¼ ngày làm việc
Bước 6	Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho Sở Giao thông vận tải; chuyển hồ sơ đến Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh phân công xử lý	Công chức tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ Văn phòng UBND tỉnh	¼ ngày làm việc
Bước 7	Phân công phòng chuyên môn thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh	½ ngày làm việc
Bước 8	Phòng chuyên môn kiểm tra, xử lý hồ sơ, lập Phiếu trình xử lý công việc; lấy ý kiến các đơn vị liên quan (nếu có); trình Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh	Phòng chuyên môn	2 ngày làm việc
Bước 9	Kiểm tra hồ sơ, ký trình Lãnh đạo UBND tỉnh	Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh	½ ngày làm việc
Bước 10	Kiểm tra và ký duyệt văn bản	Lãnh đạo UBND tỉnh	½ ngày làm việc
Bước 11	Làm thủ tục phát hành văn bản, chuyển kết quả hồ sơ TTHC cho Sở Giao thông vận tải.	Văn thư Văn phòng UBND tỉnh	¼ ngày làm việc
Bước 12	Chuyển kết quả từ Sở Giao thông vận tải đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh.	Bưu điện	¼ ngày làm việc
Bước 13	- Xác nhận trên Cổng dịch vụ công trực tuyến; - Trả kết quả giải quyết TTHC cho cá nhân/tổ chức và thu phí, lệ phí (nếu có).	Công chức của Sở Giao thông vận tải được cử tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh.	¼ ngày làm việc
Tổng thời gian giải quyết:			10 ngày làm việc

3. Thủ tục: Gia hạn giấy phép kết nối, bãi bỏ kết nối các tuyến đường sắt

- Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định
- Quy trình nội bộ:

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian thực hiện
Bước 1	- Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, gửi giấy hẹn tiếp nhận hồ sơ trả kết quả cho tổ chức, cá nhân; - Quét (scan) hồ sơ Chuyển hồ sơ trên Cổng dịch vụ công trực tuyến và hồ sơ giấy cho Phòng Quản lý kết cấu hạ tầng giao thông xử lý hồ sơ. Gửi bưu điện chuyên	Công chức của Sở Giao thông vận tải được cử tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.	½ ngày làm việc
Bước 2	- Nhận hồ sơ và giải quyết; - Xem xét, thẩm tra, xử lý hồ sơ, dự thảo báo cáo thẩm định trình UBND tỉnh.	Chuyên viên Phòng Quản lý kết cấu hạ tầng giao thông	1 ngày làm việc
Bước 3	Kiểm tra hồ sơ, xác nhận dự thảo văn bản trước khi trình Lãnh đạo Sở ký văn bản	Lãnh đạo Phòng Quản lý kết cấu hạ tầng giao thông	½ ngày làm việc

	trình UBND tỉnh phê duyệt kết quả.		
Bước 4	Ký văn bản trình UBND tỉnh phê duyệt kết quả TTHC.	Lãnh đạo Sở	¼ ngày làm việc
Bước 5	Vào sổ văn bản, đóng dấu, chuyển hồ sơ trình UBND tỉnh.	Văn thư Sở	¼ ngày làm việc
Bước 6	Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho Sở Giao thông vận tải; chuyển hồ sơ đến Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh phân công xử lý.	Công chức tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ Văn phòng UBND tỉnh.	¼ ngày làm việc
Bước 7	Phân công phòng chuyên môn thụ lý hồ sơ.	Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh.	½ ngày làm việc
Bước 8	Phòng chuyên môn kiểm tra, xử lý hồ sơ, lập Phiếu trình xử lý công việc; lấy ý kiến các đơn vị liên quan (nếu có); trình Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh.	Phòng chuyên môn.	½ ngày làm việc
Bước 9	Kiểm tra hồ sơ, ký trình Lãnh đạo UBND tỉnh.	Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh.	½ ngày làm việc
Bước 10	Kiểm tra và ký duyệt văn bản.	Lãnh đạo UBND tỉnh.	½ ngày làm việc
Bước 11	Làm thủ tục phát hành văn bản, chuyển kết quả hồ sơ TTHC cho Sở Giao thông vận tải.	Văn thư Văn phòng UBND tỉnh.	¼ ngày làm việc
Bước 12	Chuyển kết quả từ Sở Giao thông vận tải đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh.	Bưu điện.	¼ ngày làm việc
Bước 13	- Xác nhận trên Cổng dịch vụ công trực tuyến; - Trả kết quả giải quyết TTHC cho cá nhân/tổ chức và thu phí, lệ phí (nếu có).	Công chức của Sở Giao thông vận tải được cử tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh.	¼ ngày làm việc
Tổng thời gian giải quyết:			05 ngày làm việc

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1327 /QĐ-UBND

Phú Yên, ngày 05 tháng 10 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực quản lý chất lượng công trình xây dựng thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp huyện trên địa bàn tỉnh Phú Yên

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính, Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 707/QĐ-BXD ngày 07/7/2023 của Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực quản lý chất lượng công trình xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 31/2021/QĐ-UBND, ngày 25/8/2021 của UBND tỉnh Ban hành quy định phân cấp, ủy quyền và phân công nhiệm vụ trong quản lý đầu tư xây dựng đối với các dự án do tỉnh Phú Yên quản lý;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 64/TTr-SXD ngày 02/10/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục 01 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực quản lý chất lượng công trình xây dựng đã được công bố tại Quyết định số 1545/QĐ-UBND ngày 28/10/2021 của UBND Tỉnh thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp huyện trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

Chi tiết danh mục thủ tục hành chính và quy trình giải quyết nội bộ có các phụ lục kèm theo.

Điều 2. Sở Xây dựng có trách nhiệm cập nhật và công khai thủ tục hành chính tại Điều 1 Quyết định này vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính và tích hợp dữ liệu để công khai trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính theo

đúng quy định (chậm nhất sau 03 ngày làm việc kể từ ngày ký ban hành).

Điều 3. UBND các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm:

1. Niêm yết, công khai theo quy định thủ tục hành chính được ban hành kèm theo Quyết định này.

2. Triển khai thực hiện giải quyết thủ tục hành chính liên quan theo hướng dẫn của Bộ Xây dựng trên Cổng dịch vụ công quốc gia và Hệ thống thông tin thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên theo quy định.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Xây dựng, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Tấn Hồ

PHỤ LỤC I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC
QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG THUỘC THẨM QUYỀN
GIẢI QUYẾT CỦA CẤP HUYỆN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH PHÚ YÊN

(Kèm theo Quyết số:1327/QĐ-UBND ngày 05/10/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên)

I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC được sửa đổi, bổ sung	Tên TTHC sửa đổi, bổ sung	Thời hạn giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung
I							
Lĩnh vực quản lý chất lượng công trình xây dựng							
1	1.010981	Kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình (đối với các công trình trên địa bàn thuộc trách nhiệm quản lý của UBND cấp huyện, trừ các công trình thuộc thẩm quyền kiểm tra của Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành	Kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình của cơ quan chuyên môn về xây dựng tại địa phương	20 ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ đề nghị kiểm tra công tác nghiệm thu	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện - Qua dịch vụ bưu chính công ích - Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh tại địa chỉ http://dichvucong.phuyen.gov.vn	Không	- Luật Xây dựng năm 2014. - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020. - Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC được sửa đổi, bổ sung	Tên TTHC sửa đổi, bổ sung	Thời hạn giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung
		tỉnh Phú Yên, Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Yên và Ban Quản lý khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (Phú Yên)					công trình xây dựng. - Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/06/2023 của Chính phủ Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng

PHỤ LỤC II
DANH MỤC QUY TRÌNH NỘI BỘ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CẤP HUYỆN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH PHÚ YÊN

(Kèm theo Quyết số:1327 /QĐ-UBND ngày 04 /10/ 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên)

1. Thủ tục Kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình của cơ quan chuyên môn về xây dựng tại địa phương – Thời hạn giải quyết: 20 ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ đề nghị kiểm tra công tác nghiệm thu

TT	Nội dung	Trách nhiệm xử lý	Thời gian thực hiện
Bước 1	Kiểm tra và tiếp nhận hồ sơ. Chuyển hồ sơ cho Cơ quan được giao quản lý xây dựng thuộc UBND cấp huyện.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	1/2 ngày
Bước 2	Xử lý hồ sơ thủ tục hành chính. Gồm các nội dung:	Cơ quan được giao quản lý xây dựng thuộc UBND cấp huyện	
	- Chuyển chuyên viên xử lý	Lãnh đạo cơ quan	1/2 ngày
	- Xem xét giải quyết theo nhiệm vụ được giao. Dự thảo kết quả xử lý trình lãnh đạo cơ quan	Chuyên viên	17,5 ngày
Bước 3	- Đồng ý với kết quả xử lý của chuyên viên thì ký duyệt, chuyển bộ phận Văn thư phát hành. - Không đồng ý với kết quả xử lý của chuyên viên thì yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung.	Lãnh đạo cơ quan	1/2 ngày
Bước 4	Cho số, vào sổ, phát hành văn bản. Chuyển kết quả đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	Văn thư	1/2 ngày
Bước 5	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả trả kết quả, thu lệ phí (nếu có).	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	1/2 ngày

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1330 /QĐ-UBND

Phú Yên, ngày 05 tháng 10 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Khoa học và Công nghệ

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 1085/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước giai đoạn 2022-2025;

Căn cứ Kế hoạch số 207/KH-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2022 của UBND tỉnh về việc rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Phú Yên;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 62/TTr-SKH-CN ngày 28 tháng 9 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này 06 thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Phú Yên.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Đào Mỹ

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ GIỮA CÁC CƠ QUAN
HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT
CỦA SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1330 /QĐ-UBND
ngày 05 tháng 10 năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên)*

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ

STT	Tên thủ tục hành chính
	Lĩnh vực khoa học và công nghệ
1.	Phê duyệt danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh
2.	Điều chỉnh danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh
3.	Phê duyệt danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở
4.	Điều chỉnh danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở
5.	Xếp hạng kết quả xây dựng, áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 của các cơ quan cấp tỉnh; UBND cấp huyện
6.	Đánh giá nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

I. Thủ tục phê duyệt danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh

1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Thông báo đề nghị đề xuất đặt hàng đến các cá nhân, tổ chức (*tháng 1 năm lập kế hoạch*);

- Bước 2: Tổng hợp và xử lý đề xuất đặt hàng; chuyển đề xuất về các sở, ban, ngành, địa phương các đề xuất thuộc trách nhiệm tham mưu quản lý ngành, lĩnh vực (*tháng 4 năm lập kế hoạch*);

- Bước 3: Tổng hợp đề xuất đặt hàng đủ điều kiện (Phiếu đề xuất đặt hàng, Biên bản cuộc họp; ý kiến chuyên gia);

- Bước 4: Tổ chức các hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh; Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh;

- Bước 5: Sở Khoa học và Công nghệ rà soát trình tự, thủ tục làm việc và xem xét ý kiến của hội đồng tư vấn. Trong trường hợp cần thiết, đề xuất lấy ý kiến tư vấn của chuyên gia độc lập, thành lập hội đồng tư vấn xác định lại nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh. Thời gian rà soát: Không quá 07 ngày làm việc (*sau khi tiếp nhận đủ hồ sơ các hội đồng tư vấn*).

- Bước 6: Trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt danh mục nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh; thời gian xem xét: Không quá 05 ngày làm việc.

2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc trực tuyến qua Hệ thống quản lý văn bản điều hành.

3. Thành phần hồ sơ:

+ Tờ trình của Sở Khoa học và Công nghệ về phê duyệt danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh;

+ Quyết định thành lập Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh;

+ Biên bản cuộc họp (01 bản); tổng hợp kiến nghị của hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh;

+ Phiếu đề xuất đặt hàng nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh;

+ Danh mục các nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh đính kèm (01 bản).

+ Các tài liệu liên quan, minh chứng, báo cáo tình hình xác định nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh; ý kiến chuyên gia, ý kiến các sở, ban, ngành, địa phương có liên quan.

4. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

5. Thời hạn giải quyết: 12 ngày làm việc.

6. Đối tượng thực hiện TTHC: Các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh.

7. Cơ quan giải quyết TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Khoa học và Công nghệ Phú Yên

- Cơ quan phối hợp thực hiện: Các sở, ban, ngành, các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan khác có liên quan.

8. Kết quả thực hiện TTHC: Thông báo/Quyết định chấp thuận, phê duyệt danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh.

9. Phí, lệ phí: Không quy định.

10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định

11. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Đảm bảo đủ hồ sơ theo quy định.

12. Căn cứ pháp lý của TTHC

- Quyết định số 62/2015/QĐ-UBND ngày 22/12/2015 của UBND tỉnh của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên về Quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh sử dụng NSNN trên địa bàn tỉnh Phú Yên;

- Quyết định số 51/2018/QĐ-UBND ngày 31/10 /2018 của UBND tỉnh Quy định sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số điều Quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước ban hành kèm theo Quyết định số 62/2015/QĐ-UBND ngày 22/12/2015.

II. Thủ tục điều chỉnh danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh

1. Trình tự thực hiện:

a) Điều chỉnh danh mục:

- Bước 1: Tổng hợp các đề xuất, kiến nghị của các Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao thực hiện nhiệm vụ KH&CN điều chỉnh (*không thực hiện nhiệm vụ danh mục nhiệm vụ KH&CN đã được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt*), kết quả mở hồ sơ tuyển chọn, giao thực hiện;

- Bước 2: Sở Khoa học và Công nghệ báo cáo giải trình lý do không thực hiện, đề xuất điều chỉnh nhiệm vụ.

Trong trường hợp cần thiết, lấy ý kiến chuyên gia hoặc thành lập hội đồng tư vấn xác định lại nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh.

- Bước 3: Trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh danh mục nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh; thời gian xem xét: Không quá 05 ngày làm việc.

b) Bổ sung danh mục nhiệm vụ KH&CN.

Thực hiện theo trình tự như Thủ tục Phê duyệt danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh.

Sau khi tổng hợp các đề xuất, kiến nghị tại mục a), b), Sở Khoa học và Công nghệ rà soát trình tự, thủ tục làm việc và xem xét ý kiến của hội đồng tư vấn. Thời gian rà soát: Không quá 07 ngày làm việc (sau khi tiếp nhận đủ hồ sơ các hội đồng tư vấn).

- Trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh danh mục nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh; thời gian xem xét: Không quá 05 ngày làm việc.

2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc trực tuyến qua Hệ thống quản lý văn bản điều hành.

3. Thành phần hồ sơ:

+ Tờ trình của Sở Khoa học và Công nghệ về Phê duyệt bổ sung danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh năm. Nếu dừng thực hiện nhiệm vụ trong danh mục, kèm báo cáo giải trình;

+ Quyết định thành lập Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh;

+ Biên bản cuộc họp (01 bản); tổng hợp kiến nghị của hội đồng tư vấn nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh;

+ Phiếu đề xuất đặt hàng nhiệm vụ KH&CN (bổ sung);

+ Danh mục các nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh điều chỉnh, bổ sung đính kèm (01 bản).

4. Số lượng hồ sơ: 01 bộ

5. Thời hạn giải quyết: 12 ngày làm việc

6. Đối tượng thực hiện TTHC: Các cơ quan nhà nước, tổ chức, doanh nghiệp

7. Cơ quan giải quyết TTHC:

- *Cơ quan có thẩm quyền quyết định:* Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

- *Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC:* Sở Khoa học và Công nghệ.

- *Cơ quan phối hợp thực hiện TTHC:* Sở, ban, ngành, các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan khác có liên quan.

8. Kết quả thực hiện TTHC: Quyết định/Thông báo phê duyệt, chấp thuận danh mục được điều chỉnh, bổ sung để thực hiện trên địa bàn tỉnh Phú Yên của Chủ tịch UBND tỉnh.

9. Phí, lệ phí (nếu có): Không.

10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

11. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Đảm bảo đủ hồ sơ theo quy định.

12. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Quyết định số 62/2015/QĐ-UBND ngày 22/12/2015 của UBND tỉnh của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên về Quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh sử dụng NSNN trên địa bàn tỉnh Phú Yên;

- Quyết định số 51/2018/QĐ-UBND ngày 31/10 /2018 của UBND tỉnh Quy định sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số điều Quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh sử dụng NSNN ban hành kèm theo Quyết định số 62/2015/QĐ-UBND ngày 22/12/2015.

III. Thủ tục phê duyệt danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở

1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Thông báo đề nghị đề xuất đặt hàng đến các cá nhân, tổ chức;

- Bước 2: Sở Khoa học và Công nghệ rà soát, tổng hợp đề xuất đặt hàng nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở. Thời gian: Trước ngày 30/5 năm lập kế hoạch.

- Bước 3: Thành lập hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở; Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở;

- Bước 4: Sở Khoa học và Công nghệ rà soát trình tự, thủ tục làm việc và xem xét ý kiến của hội đồng tư vấn cấp cơ sở. Trong trường hợp cần thiết, đề xuất Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ lấy ý kiến tư vấn của chuyên gia độc lập. Thời gian rà soát: không quá 12 ngày làm việc.

- Bước 5: Trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt danh mục nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở;

2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc trực tuyến qua Hệ thống quản lý văn bản điều hành.

3. Thành phần hồ sơ:

- + Torr trình của Sở Khoa học và Công nghệ về Phê duyệt danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở.
- + Quyết định thành lập Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở;
- + Biên bản cuộc họp (01 bản); tổng hợp kiến nghị của hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở;
- + Danh mục các nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở đính kèm (01 bản);
- + Phiếu đề xuất đăng hàng nhiệm vụ cấp cơ sở;
- + Các tài liệu liên quan, báo cáo tình hình xác định nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở.

4. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.**5. Thời hạn giải quyết:** 12 ngày làm việc.**6. Đối tượng thực hiện TTHC:** Các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh.**7. Cơ quan giải quyết TTHC:**

- *Cơ quan có thẩm quyền quyết định:* Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên hoặc ủy quyền Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ Phú Yên.
- *Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC:* Sở Khoa học và Công nghệ Phú Yên
- *Cơ quan phối hợp thực hiện:* Các sở, ban, ngành, các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan khác có liên quan.

8. Kết quả thực hiện TTHC: Thông báo/Quyết định chấp thuận, phê duyệt danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở.

9. Phí, lệ phí: Không quy định.**10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không quy định**11. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:** Đảm bảo đủ hồ sơ theo quy định.**12. Căn cứ pháp lý của TTHC**

Quyết định số 02/2016/QĐ-UBND ngày 01/02/2016 của UBND tỉnh Quy định thực hiện và quản lý đề tài, dự án cấp cơ sở tại Phú Yên (cấp huyện, ngành).

IV. Thủ tục phê duyệt điều chỉnh danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở**1. Trình tự thực hiện:****a) Đối với điều chỉnh danh mục nhiệm vụ:**

Trên cơ sở tổng hợp các đề xuất, kiến nghị của các Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao thực hiện nhiệm vụ KH&CN điều chỉnh, kết quả mở hồ sơ tuyển chọn, giao thực hiện; Sở Khoa học và Công nghệ báo cáo giải trình lý do không thực hiện, đề xuất điều chỉnh nhiệm vụ.

Trong trường hợp cần thiết, lấy ý kiến chuyên gia hoặc thành lập hội đồng tư vấn xác định lại nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở.

b) Đối với đề xuất bổ sung nhiệm vụ KH&CN (sau thời điểm đã phê duyệt danh mục):

Thực hiện theo trình tự như Thủ tục phê duyệt danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở.

Sau khi tổng hợp các đề xuất, kiến nghị tại mục a), b), Sở Khoa học và Công nghệ rà soát trình tự, thủ tục làm việc và xem xét ý kiến của hội đồng tư vấn. Thời

gian rà soát: Không quá 07 ngày làm việc (sau khi tiếp nhận đủ hồ sơ các hội đồng tư vấn).

- Trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh danh mục nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh; thời gian xem xét: Không quá 05 ngày làm việc.

2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc trực tuyến qua Hệ thống quản lý văn bản điều hành.

3. Thành phần hồ sơ:

+ Tờ trình của Sở Khoa học và Công nghệ về Phê duyệt bổ sung danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở; báo cáo giải trình dừng thực hiện nhiệm vụ KH&CN đã phê duyệt (nếu có);

+ Quyết định thành lập Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở;

+ Biên bản cuộc họp (01 bản); tổng hợp kiến nghị của hội đồng tư vấn nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở;

+ Danh mục các nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở điều chỉnh, bổ sung đính kèm (01 bản).

4. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

5. Thời hạn giải quyết: 12 ngày làm việc.

6. Đối tượng thực hiện TTHC: Các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh.

7. Cơ quan giải quyết TTHC:

- *Cơ quan có thẩm quyền quyết định:* Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên hoặc ủy quyền Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ Phú Yên.

- *Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC:* Sở Khoa học và Công nghệ Phú Yên

- *Cơ quan phối hợp thực hiện:* Các sở, ban, ngành, các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan khác có liên quan.

8. Kết quả thực hiện TTHC: Quyết định/Thông báo phê duyệt, chấp thuận danh mục được điều chỉnh, bổ sung để thực hiện trên địa bàn tỉnh Phú Yên của Chủ tịch UBND tỉnh.

9. Phí, lệ phí: Không quy định.

10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định

11. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Đảm bảo đủ hồ sơ theo quy định.

12. Căn cứ pháp lý của TTHC

Quyết định số 02/2016/QĐ-UBND ngày 01/02/2016 của UBND tỉnh Quy định thực hiện và quản lý đề tài, dự án cấp cơ sở tại Phú Yên (cấp huyện, ngành).

V. Thủ tục xếp hạng kết quả xây dựng, áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 của các cơ quan cấp tỉnh; UBND cấp huyện.

1. Trình tự thực hiện:

Các cơ quan cấp tỉnh, đơn vị trực thuộc cơ quan cấp tỉnh, UBND cấp huyện (các đơn vị đã xây dựng và áp dụng ISO), **tháng 11 hàng năm** gửi hồ sơ xếp hạng kết quả xây dựng, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001 đến Sở Khoa học và Công nghệ (qua Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng).

2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc trực tuyến qua Hệ thống quản lý văn bản điều hành.

3. Thành phần hồ sơ:

- Báo cáo tự kiểm tra, đánh giá Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 (theo mẫu đề cương).

- Quyết định thành lập ban chỉ đạo ISO.

- Quyết định kiện toàn BCD ISO khi có sự thay đổi nhân sự.

- Chính sách chất lượng.

- Mục tiêu chất lượng năm của cơ quan.

- Kế hoạch duy trì, cải tiến HTQLCL theo TCVN ISO 9001:2015.

- Báo cáo đánh giá nội bộ (**nếu đã tổ chức đánh giá**)/kế hoạch đánh giá năm và báo cáo năm (**nếu chưa đến kỳ đánh giá - trong vòng 12 tháng**).

- Biên bản họp có nội dung xem xét của lãnh đạo về HTQLCL năm hoặc biên bản năm nếu chưa đến kỳ họp (**trong vòng 12 tháng**).

- Các báo cáo hành động khắc phục (nếu có).

- Quyết định công bố sự phù hợp HTQLCL; sửa đổi bổ sung quy trình ISO và công bố lại.

4. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

5. Thời hạn giải quyết: Không quy định.

6. Đối tượng thực hiện TTHC: Các cơ quan cấp tỉnh, đơn vị trực thuộc cơ quan cấp tỉnh, UBND cấp huyện đã xây dựng và áp dụng ISO.

7. Cơ quan giải quyết TTHC:

Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tỉnh Phú Yên

8. Kết quả thực hiện TTHC: Giấy xác nhận kết quả xây dựng, áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001.

9. Phí, lệ phí: Không quy định.

10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu đề cương Báo cáo tự kiểm tra, đánh giá Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015.

11. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Đảm bảo đủ hồ sơ theo quy định.

12. Căn cứ pháp lý của TTHC

- Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước.

- Thông tư số 26/2014/TT-BKHCN ngày 10/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết thi hành Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước.

- Quyết định số 4109/QĐ-BKHCN ngày 31/12/2015 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001:2015; Công văn số 3003/BKHCN-TĐC ngày 25/9/2018 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn áp dụng tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015;

- Quyết định 101/QĐ-BKHCN ngày 21/01/2019 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố Mô hình khung hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 cho các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước tại địa phương;

- Công văn số 8869/VPCP-KSTT ngày 04/12/2021 của Văn phòng Chính phủ về việc triển khai thực hiện hiệu quả Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg.

VI. Thủ tục Đánh giá nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước

1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ nghiệm thu; xem xét, thẩm tra tính hợp lệ hồ sơ; xử lý hồ sơ.

- Bước 2: Ban hành Quyết định thành lập Hội đồng/Tổ chức họp Hội đồng KH&CN nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở.

- Bước 3:

+ Nếu kết quả nghiệm thu xếp loại “Đạt” trở lên, Cơ quan chủ trì hoàn thiện hồ sơ theo kết luận của Chủ tịch Hội đồng, thực hiện các thủ tục đề nghị Cơ quan quản lý công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở.

+ Nếu kết quả nghiệm thu xếp loại “Không đạt”, cơ quan quản lý nhiệm vụ KH&CN chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan xác định số kinh phí phải hoàn trả ngân sách nhà nước theo quy định hiện hành.

- Bước 4: Cơ quan quản lý ban hành Quyết định công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở.

2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc trực tuyến qua Hệ thống quản lý văn bản điều hành

3. Thành phần hồ sơ:

a) Đánh giá nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở

- Công văn đề nghị đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ cấp cơ sở của Tổ chức chủ trì (mẫu CSNT1-denghiNT).

- Báo cáo Tổng hợp và báo cáo tóm tắt kết quả thực hiện đề tài (theo biểu mẫu CSNT2b- baocaoKQduan).

- Báo cáo về sản phẩm khoa học và công nghệ của đề tài (theo mẫu CSNT2-BCThamDinhSP).

- Bản sao hợp đồng, phụ lục hợp đồng và thuyết minh đề tài.

- Các văn bản xác nhận và tài liệu liên quan đến việc công bố, xuất bản, đào tạo, tiếp nhận và sử dụng kết quả nghiên cứu (nếu có).

- Các báo cáo, biên bản kiểm tra định kỳ, hình ảnh minh họa....

- Các số liệu (điều tra, khảo sát, phân tích,...), sổ nhật ký của đề tài.

- Báo cáo tình hình sử dụng kinh phí của đề tài.

- Biên bản nghiệm thu các sản phẩm (chi tiết từng loại sản phẩm và Quyết định thành lập Hội đồng nghiệm thu cấp cơ sở).

- Báo cáo tự đánh giá kết quả thực hiện đề tài (theo mẫu CSNT3-tudanhgia).

- Bản điện tử về các file báo cáo (dạng PDF, không cài mật khẩu).

- Các văn bản có liên quan khác (nếu có).

b) Đăng ký, lưu giữ, công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở.

- Biên bản họp Hội đồng đánh giá, nghiệm thu.
- Báo cáo khoa học tổng hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (đã hoàn thiện sau khi nghiệm thu chính thức).
- Báo cáo về việc hoàn hiện Hồ sơ đánh giá, nghiệm thu (theo mẫu CSNT10-BCHoanthienHS)
- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước

4. Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ gốc và 01 bản điện tử (dạng PDF, không cài bảo mật)

5. Thời hạn giải quyết: 45 ngày làm việc

- Thời gian thực hiện đánh giá nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở: 30 ngày làm việc
- Thời gian đăng ký, lưu giữ, công nhận kết quả: 15 ngày làm việc

6. Đối tượng thực hiện TTHC: Các tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở.

7. Cơ quan giải quyết TTHC:

- + *Cơ quan có thẩm quyền quyết định:* Sở Khoa học và Công nghệ
- + *Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC:* Sở Khoa học và Công nghệ
- + *Cơ quan phối hợp thực hiện TTHC:* Các cơ quan, tổ chức có liên quan, các chuyên gia, nhà khoa học.

8. Kết quả thực hiện TTHC: Quyết định công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở.

9. Phí, lệ phí: Không quy định.**10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Công văn đề nghị đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ cấp cơ sở của Tổ chức chủ trì (mẫu CSNT1-denghiNT).

- Báo cáo Tổng hợp và báo cáo tóm tắt kết quả thực hiện đề tài (theo biểu mẫu CSNT2b- baocaoKQduan).

- Báo cáo về sản phẩm khoa học và công nghệ của đề tài (theo mẫu CSNT2-BCThamDinhSP).

- Báo cáo tự đánh giá kết quả thực hiện đề tài (theo mẫu CSNT3-tudanhgia).

- Báo cáo về việc hoàn hiện Hồ sơ đánh giá, nghiệm thu (theo mẫu CSNT10-BCHoanthienHS)

11. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

- Công văn đề nghị đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ cấp cơ sở của Tổ chức chủ trì.

- Biên bản đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở.

- Phiếu đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước.

12. Căn cứ pháp lý của TTHC

- Quyết định số 02/2016/QĐ-UBND ngày 01/02/2016 của UBND tỉnh Phú Yên Ban hành quy định về việc thực hiện và quản lý các đề tài, dự án khoa học và công nghệ cấp cơ sở tại tỉnh Phú Yên.

- Thông tư 14/2014/TT-BKHCN ngày 11/6/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định về thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:1364 /QĐ-UBND

Phú Yên, ngày 10 tháng 10 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục và Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đất đai thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 1085/QĐ-BTNMT ngày 28/4/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường công bố thủ tục hành chính được sửa đổi bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý Nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 535/TTr-STNMT-VPĐK ngày 28/8/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục và Quy trình nội bộ giải quyết 08 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đất đai thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Điều 2. Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND cấp huyện có trách nhiệm:

1. Sở Tài nguyên và Môi trường:

- Cập nhật thủ tục hành chính tại Điều 1 Quyết định này vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính và tích hợp dữ liệu để công khai trên Hệ thống

thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh theo đúng quy định (chậm nhất sau 03 ngày làm việc kể từ ngày ký ban hành);

- Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và UBND cấp huyện rà soát, thiết lập quy trình điện tử trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh (địa chỉ: *dichvucong.phuyen.gov.vn*) theo Danh mục thủ tục hành chính tại Điều 1 (chậm nhất sau 10 ngày làm việc kể từ ngày ký ban hành).

- Chỉ đạo Văn phòng Đăng ký đất đai giao Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai có trách nhiệm cập nhật hồ sơ vào Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh, phần mềm Cơ sở dữ liệu đất đai đối với tất cả hồ sơ thủ tục hành chính đã tiếp nhận.

2. UBND cấp huyện:

- Chỉ đạo niêm yết, công khai các thủ tục hành chính tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả và trên Trang thông tin điện tử của đơn vị (chậm nhất sau 03 ngày làm việc kể từ ngày ký ban hành).

- Chỉ đạo UBND cấp xã, các phòng chuyên môn phối hợp với Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai cập nhật hồ sơ vào Cơ sở dữ liệu đất đai, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh đối với tất cả hồ sơ thủ tục hành chính đã tiếp nhận.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

Danh mục các thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định này thay thế các thủ tục hành chính tương ứng đã được công bố tại Quyết định số 627/QĐ-UBND ngày 10/05/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên về việc công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi bổ sung, thay thế trong lĩnh vực đất đai thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hồ Thị Nguyễn Thảo

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG VÀ QUY TRÌNH NỘI BỘ TRONG LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1364/QĐ-UBND ngày 10 tháng 10 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên)

PHẦN I. DANH MỤC CÁC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

Số TT	Tên thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung	<p>Thời hạn giải quyết (Không tính thời gian các ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật; không tính thời gian tiếp nhận hồ sơ tại xã, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; không tính thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định. Kết quả giải quyết thủ tục hành chính phải trả cho người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả giải quyết)</p>	Cách thức thực hiện	Phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
1	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp	<p>Không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày làm việc.</p>	<p>Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện hoặc Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã nếu có nhu cầu. hoặc trên môi trường điện tử.</p>	<p>- Lệ phí địa chính (Mức thu do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định). - Phí thẩm định cấp quyền sử dụng đất (mức thu do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định).</p>	<p>(1) Luật số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013 (2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 (3) Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023 (4) Thông tư số 24/2014/T-T-BTNMT</p>	<p>Những nội dung còn lại của thủ tục hành chính được thực hiện theo Quyết định số 1805/QĐ-BTNMT ngày 28/04/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Về việc</p>

					ngày 19/5/2014 (5) Thông tư số 23/2014/T T- BTNMT ngày 19/5/2014 (6) Thông tư số 85/2019/T T- BTNMT ngày 29/11/201 9 (7) Nghị định số 01/2017/ NĐ-CP ngày 06/01/201 7	công bố thủ tục hành chính được sửa đổi bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi quản lý chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường
2	Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện	Không quy định.	Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện hoặc <i>trên môi trường điện tử.</i>	Thực hiện theo quy định của Luật Phí, lệ phí.	(1) Luật số 45/2013/ QH13 ngày 29/11/201 3 (2) Nghị định số 43/2014/ NĐ-CP ngày 15/5/2014 (3) Nghị định số 01/2017/ NĐ-CP ngày 06/01/201 7 (4) Nghị định số 148/2020/ NĐ-CP ngày 18/12/202 0 (5) Nghị định số	

					<p>10/2023/ NĐ-CP ngày 03/4/2023 (6) Thông tư số 24/2014/T T- BTNMT ngày 19/5/2014 (7) Thông tư số 23/2014/T T- BTNMT ngày 19/5/2014</p>
3	<p>Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu</p>	<p>Không quá 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày làm việc.</p>	<p>Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã hoặc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện hoặc (nếu có nhu cầu) hoặc <i>trên môi trường điện tử.</i></p>	<p>- Lệ phí địa chính (Mức thu do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định) - Phí thẩm định cấp quyền sử dụng đất (mức thu do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định)</p>	<p>1) Luật đất đai năm 2013 (2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 (3) Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 (4) Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 (5) Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023 (6) Thông tư số 85/2019/T T- BTNMT</p>

					<p>ngày 29/11/201 9 (7) Thông tư số 23/2014/T T- BTNMT ngày 19/5/2014 (8) Thông tư số 24/2014/T T- BTNMT ngày 19/5/2014 (9) Thông tư số 02/2015/T T- BTNMT ngày 27/01/201 5 (10) Thông tư số 33/2017/T T- BTNMT ngày 29/9/2017</p>
4	<p>Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người đã đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu</p>	<p>Không quá 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ theo quy định. Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày làm việc.</p>	<p>Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã hoặc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện hoặc (nếu có nhu cầu) hoặc <i>trên môi trường điện tử.</i></p>	<p>- Lệ phí địa chính (Mức thu do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định) - Phí thẩm định cấp quyền sử dụng đất (mức thu do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định)</p>	<p>(1) Luật đất đai năm 2013 (2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 (3) Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 (4) Nghị định số 148/2020/</p>

					<p>NĐ-CP ngày 18/12/2020 (5) Nghị định số 10/2023/N Đ-CP ngày 03/4/2023 (6) Thông tư số 85/2019/T T- BTNMT ngày 29/11/2019 (7) Thông tư số 23/2014/T T- BTNMT ngày 19/5/2014 (8) Thông tư số 24/2014/T T- BTNMT ngày 19/5/2014 (9) Thông tư số 02/2015/T T- BTNMT ngày 27/01/2015 (10) Thông tư số 33/2017/T T- BTNMT ngày 29/9/2017</p>
5	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền	Không quá 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ theo quy	Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết	- Lệ phí địa chính (Mức thu	(1) Luật đất đai năm 2013

<p>sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu đối với tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu không đồng thời là người sử dụng đất</p>	<p>định. Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày làm việc.</p>	<p>quả cấp xã hoặc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện hoặc (nếu có nhu cầu) hoặc <i>trên môi trường điện tử.</i></p>	<p>do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định) - Phí thẩm định cấp quyền sử dụng đất (mức thu do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định)</p>	<p>(2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 (3) Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 (4) Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 (5) Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023 (6) Thông tư số 85/2019/TT-BTNMT ngày 29/11/2019 (7) Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 (8) Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 (9) Thông tư số 02/2015/T</p>	
---	--	--	---	--	--

					T- BTNMT ngày 27/01/201 5
6	Bán hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm	Không quá 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ theo quy định. Trong đó, 10 ngày làm việc cho thủ tục đăng ký biến động về mua, góp vốn tài sản và 20 ngày làm việc cho thủ tục thuê đất. Đối với các xã miền núi , hải đảo , vùng sâu , vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều ki ện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày làm việc.	Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện hoặc Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã nếu có nhu cầu. hoặc <i>trên môi trường điện tử.</i>	- Lệ phí địa chính (Mức thu do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định). - Phí thẩm định cấp quyền sử dụng đất (Mức thu do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định).	(1) Luật số 45/2013/ QH13 ngày 29/11/201 3 (2) Nghị định số 43/2014/ NĐ-CP ngày 15/5/2014 (3) Nghị định số 01/2017/ NĐ-CP ngày 06/01/201 7 (4) Nghị định số 10/2023/ NĐ-CP ngày 03/4/2023 (5) Thông tư số 85/2019/T T- BTNMT ngày 29/11/201 9 (6) Thông tư số 24/2014/T T- BTNMT ngày 19/5/2014 (7) Thông tư số 23/2014/T T- BTNMT ngày

					19/5/2014
7	<p>Đăng ký biến động đối với trường hợp chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê hoặc từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất hoặc từ thuê đất có thu tiền sử dụng đất</p>	<p>Không quá 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ theo quy định.</p> <p>Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày làm việc.</p>	<p>Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã hoặc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện hoặc (nếu có nhu cầu) hoặc <i>trên môi trường điện tử.</i></p>	<p>- Lệ phí địa chính (mức thu do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định);</p> <p>- Phí thẩm định cấp quyền sử dụng đất (mức thu do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định);</p>	<p>(1) Luật đất đai năm 2013</p> <p>(2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014</p> <p>(3) Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017</p> <p>(4) Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023</p> <p>(5) Thông tư số 85/2019/T-T-BTNMT ngày 29/11/2019</p> <p>(6) Thông tư số 23/2014/T-T-BTNMT ngày 19/5/2014</p> <p>(7) Thông tư số 24/2014/T-T-BTNMT ngày 19/5/2014</p> <p>(8) Thông tư</p>

					<p>số 09/2021/T T- BTNMT ngày 30/6/2021</p>
8	<p>Chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân để thực hiện “đón điền đổi thửa” (đồng loạt)</p>	<p>Không quá 50 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ theo quy định. Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày làm việc.</p>	<p>Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã hoặc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện hoặc (nếu có nhu cầu) hoặc <i>trên môi trường điện tử.</i></p>	<p>- Lệ phí địa chính (Mức thu do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định) - Phí thẩm định cấp quyền sử dụng đất (mức thu do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định)</p>	<p>(1) Luật đất đai năm 2013 (2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 (3) Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 (4) Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 (5) Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023 (6) Thông tư số 24/2014/T T- BTNMT ngày 19/5/2014 (7) Thông tư số 33/2017/T T- BTNMT ngày 29/9/2017 (8) Thông tư số 09/2021/T</p>

					T- BTNMT ngày 30/6/2021	
--	--	--	--	--	----------------------------------	--

PHẦN II. NỘI DUNG QUY TRÌNH NỘI BỘ CÁC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Thủ tục: Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp

1.1. Thời gian giải quyết: 10 ngày làm việc, thời gian được tính kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ và không tính thời gian gồm: các ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật, thời gian tiếp nhận hồ sơ tại xã, thời gian trung cầu giám định, thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian người sử dụng đất thực hiện nghĩa vụ tài chính.

Kết quả giải quyết thủ tục hành chính phải trả cho người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả giải quyết.

Quy trình nội bộ:

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian thực hiện
Bước 1	Kiểm tra và tiếp nhận hồ sơ: - Nếu chưa hợp lệ thì hướng dẫn bổ sung. - Nếu hợp lệ thì tiếp nhận, viết giấy biên nhận hồ sơ; quét (scan) hồ sơ và chuyển hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh hoặc chuyển hồ sơ cho các cơ quan chuyên môn giải quyết theo quy định.	- Cán bộ tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã (trường hợp hộ gia đình, cá nhân có nhu cầu nộp hồ sơ tại UBND cấp xã). - Viên chức Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả (trường hợp hộ gia đình, cá nhân có nhu cầu nộp hồ sơ tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai).	01 ngày làm việc
Bước 2	Sau khi nhận hồ sơ, kiểm tra hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ chưa đủ điều kiện, có văn bản tham mưu trả lời nêu rõ lý do. - Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện theo quy định thì lập biên bản kết luận về nội dung, nguyên nhân sai sót và tham mưu xác nhận nội dung đính chính vào Giấy chứng nhận hoặc in Giấy chứng nhận mới.	Viên chức, người lao động của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai	03 ngày làm việc
Bước 3	Kiểm tra hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ chưa đủ điều kiện, ký văn bản trả lời nêu rõ lý do. - Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện theo quy định thì ký biên bản kết luận về nội dung, nguyên nhân sai sót và chuyển hồ sơ qua Phòng Tài nguyên và Môi trường.	Lãnh đạo Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai	01 ngày làm việc
Bước 4	Kiểm tra hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ chưa đủ điều kiện, tham mưu văn bản trả lời nêu rõ lý do. - Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện theo quy định thì trình lãnh đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường.	Cán bộ Tài nguyên và Môi trường	01 ngày làm việc
Bước 5	Kiểm tra hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ chưa đủ điều kiện, ký văn bản trả lời nêu rõ lý do.	Lãnh đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường	01 ngày làm việc

	- Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện theo quy định thì trình lãnh đạo UBND cấp huyện.		
Bước 6	Ký xác nhận vào Giấy chứng nhận đã cấp hoặc ký Giấy chứng nhận mới và chuyển kết quả về Phòng Tài nguyên và Môi trường để chuyển cho Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai.	Lãnh đạo UBND huyện	01 ngày làm việc
Bước 7	Cập nhật thông tin thửa đất, tài sản gắn liền với đất, đăng ký vào hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai (nếu có).	Viên chức, người lao động của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai	01 ngày làm việc
Bước 8	Ký sao lưu Giấy chứng nhận để đưa hồ sơ vào lưu trữ, chuyển Giấy chứng nhận đã ký đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả để trao giấy chứng nhận cho người được cấp	Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai	01 ngày làm việc
Tổng thời gian giải quyết			10 ngày làm việc

1.2. Thời gian giải quyết đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn: 20 ngày làm việc, thời gian được tính kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ và không tính thời gian gồm: các ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật, thời gian tiếp nhận hồ sơ tại xã, thời gian trung cầu giám định, thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian người sử dụng đất thực hiện nghĩa vụ tài chính.

Kết quả giải quyết thủ tục hành chính phải trả cho người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả giải quyết.

- Quy trình nội bộ:

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian thực hiện
Bước 1	Kiểm tra và tiếp nhận hồ sơ: - Nếu chưa hợp lệ thì hướng dẫn bổ sung. - Nếu hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy biên nhận hồ sơ; quét (scan) hồ sơ và chuyển hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh hoặc chuyển hồ sơ cho các cơ quan chuyên môn giải quyết theo quy định.	- Cán bộ tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã (trường hợp hộ gia đình, cá nhân có nhu cầu nộp hồ sơ tại UBND cấp xã). - Viên chức Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả (trường hợp hộ gia đình, cá nhân có nhu cầu nộp hồ sơ tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai)	01 ngày làm việc
Bước 2	Sau khi nhận hồ sơ, kiểm tra hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ chưa đủ điều kiện, có văn bản tham mưu trả lời nêu rõ lý do. - Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện theo quy định thì lập biên bản kết luận về nội dung, nguyên nhân sai sót và tham mưu xác nhận nội dung đính chính vào Giấy chứng nhận hoặc in Giấy chứng nhận mới.	Viên chức, người lao động của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai	06 ngày làm việc
Bước 3	Kiểm tra hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ chưa đủ điều kiện, ký văn bản trả lời nêu rõ lý do.	Lãnh đạo Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai	02 ngày làm việc

	- Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện theo quy định thì ký biên bản kết luận về nội dung, nguyên nhân sai sót và chuyển hồ sơ qua Phòng Tài nguyên và Môi trường.		
Bước 4	Kiểm tra hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ chưa đủ điều kiện, tham mưu văn bản trả lời nêu rõ lý do. - Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện theo quy định thì trình lãnh đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường.	Cán bộ Tài nguyên và Môi trường	03 ngày làm việc
Bước 5	Kiểm tra hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ chưa đủ điều kiện, ký văn bản trả lời nêu rõ lý do. - Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện theo quy định thì trình lãnh đạo UBND cấp huyện.	Lãnh đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường	02 ngày làm việc
Bước 6	Ký xác nhận vào Giấy chứng nhận đã cấp hoặc ký Giấy chứng nhận mới và chuyển kết quả về Phòng Tài nguyên và Môi trường để chuyển cho Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai.	Lãnh đạo UBND huyện	02 ngày làm việc
Bước 7	Cập nhật thông tin thửa đất, tài sản gắn liền với đất, đăng ký vào hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai (nếu có).	Viên chức, người lao động của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai	02 ngày làm việc
Bước 8	Ký sao lưu Giấy chứng nhận để đưa hồ sơ vào lưu trữ, chuyển Giấy chứng nhận đã ký đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả để trao giấy chứng nhận cho người được cấp.	Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai	02 ngày làm việc
Tổng thời gian giải quyết			20 ngày làm việc

2. Thủ tục: Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện

- Thời gian giải quyết: Không quy định.
- Kết quả giải quyết thủ tục hành chính phải trả cho người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả giải quyết.
- Quy trình nội bộ:

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian thực hiện
Bước 1	Tiếp nhận và kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ: - Nếu chưa hợp lệ thì hướng dẫn bổ sung. - Nếu hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy biên nhận hồ sơ; quét (scan) hồ sơ và chuyển hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh hoặc chuyển hồ sơ cho cơ quan	Cán bộ cơ quan Tài nguyên và Môi trường tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện	Không quy định

	chuyên môn tham mưu cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định.		
Bước 2	Sau khi nhận hồ sơ: Phối hợp với các cơ quan liên quan, tham mưu UBND cấp huyện kiểm tra, xem xét, tham mưu quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định theo quy định pháp luật đất đai.	Cơ quan Tài nguyên và Môi trường	Không quy định
Bước 3	Có trách nhiệm kiểm tra, xem xét, ký quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai.	UBND cấp huyện	Không quy định
Bước 4	Cập nhật thông tin thửa đất, tài sản gắn liền với đất vào hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai (nếu có) và quản lý Giấy chứng nhận đã thu hồi theo quyết định thu hồi Giấy chứng nhận của cơ quan có thẩm quyền và gửi quyết định thu hồi Giấy chứng nhận của cơ quan có thẩm quyền đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả để gửi cho người sử dụng đất.	Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai	Không quy định
Tổng thời gian giải quyết			Không quy định

3. Thủ tục: Đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu

3.1. Thời gian giải quyết: 30 ngày làm việc, thời gian được tính kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ và không tính thời gian gồm: các ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật, thời gian tiếp nhận hồ sơ tại xã, thời gian trung cầu giám định, thời gian niêm yết công khai kết quả kiểm tra hồ sơ, xác nhận hiện trạng, tình trạng tranh chấp, nguồn gốc sử dụng đất, thời điểm sử dụng đất (15 ngày), thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian người sử dụng đất thực hiện nghĩa vụ tài chính.

Kết quả giải quyết thủ tục hành chính phải trả cho người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả giải quyết.

- Quy trình nội bộ:

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian thực hiện
Bước 1	Tiếp nhận và kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. - Nếu chưa hợp lệ thì hướng dẫn bổ sung. - Nếu hợp lệ thì tiếp nhận và xuất giấy biên nhận hồ sơ; quét (scan) hồ sơ và chuyển hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh hoặc chuyển hồ sơ cho cán bộ địa chính cấp xã để giải quyết theo quy định.	- Cán bộ tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã (trường hợp hộ gia đình, cá nhân có nhu cầu nộp hồ sơ tại UBND cấp xã). - Viên chức Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả (trường hợp hộ gia đình, cá nhân có nhu cầu nộp hồ sơ tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai).	01 ngày làm việc
Bước 2	Thẩm tra hồ sơ theo khoản 2 Điều 70 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ: - Trường hợp hồ sơ chưa đạt yêu	Cán bộ địa chính cấp xã	05 ngày làm việc

	<p>câu, tham mưu lãnh đạo có văn bản trả lời nêu rõ lý do.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu, ký xác nhận nội dung vào Đơn đăng ký cấp giấy chứng nhận. 		
Bước 3	<p>Kiểm tra hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ chưa đạt yêu cầu, ký văn bản trả lời nêu rõ lý do. - Trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu, ký xác nhận vào Đơn đăng ký cấp giấy chứng nhận, chuyển kết quả cho Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai. 	Lãnh đạo UBND cấp xã	02 ngày làm việc
Bước 4	<p>Sau khi nhận hồ sơ, kiểm tra hồ sơ, kiểm tra các điều kiện và thực hiện các bước theo quy định:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện thì tham mưu lãnh đạo văn bản Thông báo cho UBND cấp xã, người sử dụng đất biết hồ sơ không đủ điều kiện. - Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện, ký xác nhận vào Đơn đăng ký cấp giấy chứng nhận, soạn thảo phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính. 	Viên chức, người lao động của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai	10 ngày làm việc
Bước 5	<p>Kiểm tra hồ sơ, kiểm tra các điều kiện và thực hiện các bước theo quy định:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện thì xác nhận vào Đơn, ký Thông báo cho UBND cấp xã, người sử dụng đất biết hồ sơ không đủ điều kiện. - Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện, ký xác nhận vào Đơn đăng ký cấp giấy chứng nhận, ký phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính. 	Lãnh đạo Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai	02 ngày làm việc
Bước 6	<p>Sau khi nhận hồ sơ: Kiểm tra hồ sơ xác định và thông báo thu nghĩa vụ tài chính (nếu có)</p>	Cơ quan thuế	05 ngày làm việc <i>(không tính vào tổng thời gian thực hiện TTHC)</i>
Bước 7	<p>Sau khi người sử dụng đất đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính, chuyển hồ sơ để cơ quan tài nguyên và môi trường trình ký cấp Giấy chứng nhận.</p>	Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai	03 ngày làm việc
Bước 8	<p>Kiểm tra hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ chưa đạt yêu cầu, có văn bản trả lời nêu rõ lý do. - Trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu, trình UBND cấp huyện. 	Phòng Tài nguyên và Môi trường	03 ngày làm việc

Bước 9	- Trường hợp hồ sơ chưa đạt yêu cầu, có văn bản trả lời nêu rõ lý do. - Trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu, ký giấy chứng nhận, chuyển kết quả cho Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai.	Lãnh đạo UBND cấp huyện	02 ngày làm việc
Bước 10	Cập nhật thông tin thửa đất, tài sản gắn liền với đất, đăng ký vào hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai (nếu có).	Viên chức, người lao động của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai	01 ngày làm việc
Bước 11	Ký sao lưu Giấy chứng nhận để đưa hồ sơ vào lưu trữ, chuyển Giấy chứng nhận đã ký đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả để trao giấy chứng nhận cho người được cấp.	Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai	01 ngày làm việc
Tổng thời gian giải quyết			30 ngày làm việc

3.2. Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn: Thời gian giải quyết: 40 ngày làm việc, thời gian được tính kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ và không tính thời gian gồm: các ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật, thời gian tiếp nhận hồ sơ tại xã, thời gian trung cầu giám định, thời gian niêm yết công khai kết quả kiểm tra hồ sơ, xác nhận hiện trạng, tình trạng tranh chấp, nguồn gốc sử dụng đất, thời điểm sử dụng đất (15 ngày), thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian người sử dụng đất thực hiện nghĩa vụ tài chính.

Kết quả giải quyết thủ tục hành chính phải trả cho người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả giải quyết.

- Quy trình nội bộ:

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian thực hiện
Bước 1	Tiếp nhận và kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. - Nếu chưa hợp lệ thì hướng dẫn bổ sung. - Nếu hợp lệ thì tiếp nhận và xuất giấy biên nhận hồ sơ; quét (scan) hồ sơ và chuyển hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh hoặc chuyển hồ sơ cho cán bộ địa chính cấp xã để giải quyết theo quy định.	- Cán bộ tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã (trường hợp hộ gia đình, cá nhân có nhu cầu nộp hồ sơ tại UBND cấp xã). - Viên chức Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả (trường hợp hộ gia đình, cá nhân có nhu cầu nộp hồ sơ tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai)	01 ngày làm việc
Bước 2	Thẩm tra hồ sơ theo khoản 2 Điều 70 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ: - Trường hợp hồ sơ chưa đạt yêu cầu, tham mưu lãnh đạo có văn bản trả lời nêu rõ lý do. - Trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu, ký xác nhận nội dung vào Đơn đăng ký cấp giấy chứng nhận.	Cán bộ địa chính cấp xã	07 ngày làm việc

Bước 3	<p>Kiểm tra hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ chưa đạt yêu cầu, ký văn bản trả lời nêu rõ lý do. - Trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu, ký xác nhận vào Đơn đăng ký cấp giấy chứng nhận, chuyển kết quả cho Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai. 	Lãnh đạo UBND cấp xã	02 ngày làm việc
Bước 4	<p>Sau khi nhận hồ sơ, kiểm tra hồ sơ, kiểm tra các điều kiện và thực hiện các bước theo quy định:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện thì tham mưu lãnh đạo văn bản Thông báo cho UBND cấp xã, người sử dụng đất biết hồ sơ không đủ điều kiện. - Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện, ký xác nhận vào Đơn đăng ký cấp giấy chứng nhận, soạn thảo phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính. 	Viên chức, người lao động của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai	14 ngày làm việc
Bước 5	<p>Kiểm tra hồ sơ, kiểm tra các điều kiện và thực hiện các bước theo quy định:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện thì xác nhận vào Đơn, ký Thông báo cho UBND cấp xã, người sử dụng đất biết hồ sơ không đủ điều kiện. - Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện, ký xác nhận vào Đơn đăng ký cấp giấy chứng nhận, ký phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính. 	Lãnh đạo Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai	03 ngày làm việc
Bước 6	Sau khi nhận hồ sơ: Kiểm tra hồ sơ xác định và thông báo thu nghĩa vụ tài chính (nếu có)	Cơ quan thuế	05 ngày làm việc <i>(không tính vào tổng thời gian thực hiện TTHC)</i>
Bước 7	Sau khi người sử dụng đất đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính, chuyển hồ sơ để cơ quan tài nguyên và môi trường trình ký cấp Giấy chứng nhận.	Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai	02 ngày làm việc
Bước 8	<p>Kiểm tra hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ chưa đạt yêu cầu, có văn bản trả lời nêu rõ lý do. - Trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu, trình UBND cấp huyện. 	Phòng Tài nguyên và Môi trường	06 ngày làm việc
Bước 9	<ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ chưa đạt yêu cầu, có văn bản trả lời nêu rõ lý do. - Trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu, ký giấy chứng nhận, chuyển kết quả cho Chi nhánh Văn phòng Đăng ký 	Lãnh đạo UBND cấp huyện	02 ngày làm việc

	đất đai.		
Bước 10	Cập nhật thông tin thửa đất, tài sản gắn liền với đất, đăng ký vào hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai (nếu có).	Viên chức, người lao động của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai	02 ngày làm việc
Bước 11	Ký sao lưu Giấy chứng nhận để đưa hồ sơ vào lưu trữ, chuyển Giấy chứng nhận đã ký đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả để trao giấy chứng nhận cho người được cấp.	Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai	01 ngày làm việc
Tổng thời gian giải quyết			40 ngày làm việc

4. Thủ tục: Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người đã đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu

4.1 Thời gian giải quyết: 30 ngày làm việc, thời gian được tính kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ và không tính thời gian gồm: các ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật, thời gian tiếp nhận hồ sơ tại xã, thời gian trung cầu giám định, thời gian niêm yết công khai kết quả kiểm tra hồ sơ, xác nhận hiện trạng, tình trạng tranh chấp, nguồn gốc sử dụng đất, thời điểm sử dụng đất (15 ngày), thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian người sử dụng đất thực hiện nghĩa vụ tài chính.

Kết quả giải quyết thủ tục hành chính phải trả cho người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả giải quyết.

- Quy trình nội bộ:

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian thực hiện
Bước 1	Tiếp nhận và kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. - Nếu chưa hợp lệ thì hướng dẫn bổ sung. - Nếu hợp lệ thì tiếp nhận và xuất giấy biên nhận hồ sơ; quét (scan) hồ sơ và chuyển hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh hoặc chuyển hồ sơ cho cán bộ địa chính cấp xã để giải quyết theo quy định.	- Cán bộ tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã (trường hợp hộ gia đình, cá nhân có nhu cầu nộp hồ sơ tại UBND cấp xã). - Viên chức Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả (trường hợp hộ gia đình, cá nhân có nhu cầu nộp hồ sơ tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai).	01 ngày làm việc
Bước 2	Thẩm tra hồ sơ theo khoản 2 Điều 70 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ: - Trường hợp hồ sơ chưa đạt yêu cầu, tham mưu lãnh đạo có văn bản trả lời nêu rõ lý do. - Trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu, ký xác nhận nội dung vào Đơn đăng ký cấp giấy chứng nhận.	Cán bộ địa chính cấp xã	05 ngày làm việc

Bước 3	<p>Kiểm tra hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ chưa đạt yêu cầu, ký văn bản trả lời nêu rõ lý do. - Trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu, ký xác nhận vào Đơn đăng ký cấp giấy chứng nhận, chuyển kết quả cho Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai. 	Lãnh đạo UBND cấp xã	02 ngày làm việc
Bước 4	<p>Sau khi nhận hồ sơ, kiểm tra hồ sơ, kiểm tra các điều kiện và thực hiện các bước theo quy định:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện thì tham mưu lãnh đạo văn bản Thông báo cho UBND cấp xã, người sử dụng đất biết hồ sơ không đủ điều kiện. - Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện, ký xác nhận vào Đơn đăng ký cấp giấy chứng nhận, soạn thảo phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính. 	Viên chức, người lao động của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai	10 ngày làm việc
Bước 5	<p>Kiểm tra hồ sơ, kiểm tra các điều kiện và thực hiện các bước theo quy định:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện thì xác nhận vào Đơn, ký Thông báo cho UBND cấp xã, người sử dụng đất biết hồ sơ không đủ điều kiện. - Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện, ký xác nhận vào Đơn đăng ký cấp giấy chứng nhận, ký phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính. 	Lãnh đạo Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai	02 ngày làm việc
Bước 6	Sau khi nhận hồ sơ: Kiểm tra hồ sơ xác định và thông báo thu nghĩa vụ tài chính (nếu có).	Cơ quan thuế	05 ngày làm việc <i>(không tính vào tổng thời gian thực hiện TTHC)</i>
Bước 7	Sau khi người sử dụng đất đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính, chuyển hồ sơ để cơ quan tài nguyên và môi trường trình ký cấp Giấy chứng nhận.	Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai	03 ngày làm việc
Bước 8	<p>Kiểm tra hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ chưa đạt yêu cầu, có văn bản trả lời nêu rõ lý do. - Trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu, trình UBND cấp huyện. 	Phòng Tài nguyên và Môi trường	03 ngày làm việc
Bước 9	<ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ chưa đạt yêu cầu, có văn bản trả lời nêu rõ lý do. - Trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu, ký giấy chứng nhận, chuyển kết quả cho Chi nhánh Văn phòng Đăng ký 	Lãnh đạo UBND cấp huyện	02 ngày làm việc

	đất đai.		
Bước 10	Cập nhật thông tin thửa đất, tài sản gắn liền với đất, đăng ký vào hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai (nếu có).	Viên chức, người lao động của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai	01 ngày làm việc
Bước 11	Ký sao lưu Giấy chứng nhận để đưa hồ sơ vào lưu trữ, chuyển Giấy chứng nhận đã ký đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả để trao giấy chứng nhận cho người được cấp.	Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai	01 ngày làm việc
Tổng thời gian giải quyết			30 ngày làm việc

4.2. Thời gian giải quyết đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn: 40 ngày làm việc, thời gian được tính kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ và không tính thời gian gồm: các ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật, thời gian tiếp nhận hồ sơ tại xã, thời gian trung cầu giám định, thời gian niêm yết công khai kết quả kiểm tra hồ sơ, xác nhận hiện trạng, tình trạng tranh chấp, nguồn gốc sử dụng đất, thời điểm sử dụng đất (15 ngày), thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian người sử dụng đất thực hiện nghĩa vụ tài chính.

Kết quả giải quyết thủ tục hành chính phải trả cho người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả giải quyết.

- Quy trình nội bộ:

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian thực hiện
Bước 1	Tiếp nhận và kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. - Nếu chưa hợp lệ thì hướng dẫn bổ sung. - Nếu hợp lệ thì tiếp nhận và xuất giấy biên nhận hồ sơ; quét (scan) hồ sơ và chuyển hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh hoặc chuyển hồ sơ cho cán bộ địa chính cấp xã để giải quyết theo quy định.	- Cán bộ tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã (trường hợp hộ gia đình, cá nhân có nhu cầu nộp hồ sơ tại UBND cấp xã). - Viên chức Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả (trường hợp hộ gia đình, cá nhân có nhu cầu nộp hồ sơ tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai)	01 ngày làm việc
Bước 2	Thẩm tra hồ sơ theo khoản 2 Điều 70 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ: - Trường hợp hồ sơ chưa đạt yêu cầu, tham mưu lãnh đạo có văn bản trả lời nêu rõ lý do. - Trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu, ký xác nhận nội dung vào Đơn đăng ký cấp giấy chứng nhận.	Cán bộ địa chính cấp xã	07 ngày làm việc

Bước 3	<p>Kiểm tra hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ chưa đạt yêu cầu, ký văn bản trả lời nêu rõ lý do. - Trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu, ký xác nhận vào Đơn đăng ký cấp giấy chứng nhận, chuyển kết quả cho Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai. 	Lãnh đạo UBND cấp xã	02 ngày làm việc
Bước 4	<p>Sau khi nhận hồ sơ, kiểm tra hồ sơ, kiểm tra các điều kiện và thực hiện các bước theo quy định:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện thì tham mưu lãnh đạo văn bản Thông báo cho UBND cấp xã, người sử dụng đất biết hồ sơ không đủ điều kiện. - Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện, ký xác nhận vào Đơn đăng ký cấp giấy chứng nhận, soạn thảo phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính. 	Viên chức, người lao động của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai	14 ngày làm việc
Bước 5	<p>Kiểm tra hồ sơ, kiểm tra các điều kiện và thực hiện các bước theo quy định:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện thì xác nhận vào Đơn, ký Thông báo cho UBND cấp xã, người sử dụng đất biết hồ sơ không đủ điều kiện. - Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện, ký xác nhận vào Đơn đăng ký cấp giấy chứng nhận, ký phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính. 	Lãnh đạo Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai	03 ngày làm việc
Bước 6	Sau khi nhận hồ sơ: Kiểm tra hồ sơ xác định và thông báo thu nghĩa vụ tài chính (nếu có).	Cơ quan thuế	05 ngày làm việc (không tính vào tổng thời gian thực hiện TTHC)
Bước 7	Sau khi người sử dụng đất đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính, chuyển hồ sơ để cơ quan tài nguyên và môi trường trình ký cấp Giấy chứng nhận.	Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai	02 ngày làm việc
Bước 8	<p>Kiểm tra hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ chưa đạt yêu cầu, có văn bản trả lời nêu rõ lý do. - Trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu, trình UBND cấp huyện. 	Phòng Tài nguyên và Môi trường	06 ngày làm việc
Bước 9	<ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ chưa đạt yêu cầu, có văn bản trả lời nêu rõ lý do. - Trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu, ký giấy chứng nhận, chuyển kết quả 	Lãnh đạo UBND cấp huyện	02 ngày làm việc

	cho Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai.		
Bước 10	Cập nhật thông tin thửa đất, tài sản gắn liền với đất, đăng ký vào hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai (nếu có)	Viên chức, người lao động của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai	02 ngày làm việc
Bước 11	Ký sao lưu Giấy chứng nhận để đưa hồ sơ vào lưu trữ, chuyển Giấy chứng nhận đã ký đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả để trao giấy chứng nhận cho người được cấp.	Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai	01 ngày làm việc
Tổng thời gian giải quyết			40 ngày làm việc

5. Thủ tục: Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu đối với tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu không đồng thời là người sử dụng đất

5.1 Thời gian giải quyết: 30 ngày làm việc, thời gian được tính kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ và không tính thời gian gồm: các ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật, thời gian tiếp nhận hồ sơ tại xã, thời gian trung cầu giám định, thời gian niêm yết công khai kết quả kiểm tra hồ sơ, xác nhận hiện trạng, tình trạng tranh chấp, nguồn gốc sử dụng đất, thời điểm sử dụng đất (15 ngày), thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian người sử dụng đất thực hiện nghĩa vụ tài chính.

Kết quả giải quyết thủ tục hành chính phải trả cho người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả giải quyết.

- Quy trình nội bộ:

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian thực hiện
Bước 1	Tiếp nhận và kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. - Nếu chưa hợp lệ thì hướng dẫn bổ sung. - Nếu hợp lệ thì tiếp nhận và xuất giấy biên nhận hồ sơ; quét (scan) hồ sơ và chuyển hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh hoặc chuyển hồ sơ cho cán bộ địa chính cấp xã để giải quyết theo quy định.	- Cán bộ tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã (trường hợp hộ gia đình, cá nhân có nhu cầu nộp hồ sơ tại UBND cấp xã). - Viên chức Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả (trường hợp hộ gia đình, cá nhân có nhu cầu nộp hồ sơ tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai)	01 ngày làm việc
Bước 2	Thẩm tra hồ sơ theo khoản 2 Điều 70 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ: - Trường hợp hồ sơ chưa đạt yêu cầu, tham mưu lãnh đạo có văn bản trả lời nêu rõ lý do. - Trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu, ký xác nhận nội dung vào Đơn đăng ký cấp giấy chứng nhận.	Cán bộ địa chính cấp xã	05 ngày làm việc

Bước 3	<p>Kiểm tra hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ chưa đạt yêu cầu, ký văn bản trả lời nêu rõ lý do. - Trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu, ký xác nhận vào Đơn đăng ký cấp giấy chứng nhận, chuyển kết quả cho Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai. 	Lãnh đạo UBND cấp xã	02 ngày làm việc
Bước 4	<p>Sau khi nhận hồ sơ, kiểm tra hồ sơ, kiểm tra các điều kiện và thực hiện các bước theo quy định:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện thì tham mưu lãnh đạo văn bản Thông báo cho UBND cấp xã, người sử dụng đất biết hồ sơ không đủ điều kiện. - Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện, ký xác nhận vào Đơn đăng ký cấp giấy chứng nhận, soạn thảo phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính. 	Viên chức, người lao động của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai	10 ngày làm việc
Bước 5	<p>Kiểm tra hồ sơ, kiểm tra các điều kiện và thực hiện các bước theo quy định:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện thì xác nhận vào Đơn, ký Thông báo cho UBND cấp xã, người sử dụng đất biết hồ sơ không đủ điều kiện. - Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện, ký xác nhận vào Đơn đăng ký cấp giấy chứng nhận, ký phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính. 	Lãnh đạo Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai	02 ngày làm việc
Bước 6	Sau khi nhận hồ sơ: Kiểm tra hồ sơ xác định và thông báo thu nghĩa vụ tài chính (nếu có).	Cơ quan thuế	05 ngày làm việc <i>(không tính vào tổng thời gian thực hiện TTHC)</i>
Bước 7	Sau khi người sử dụng đất đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính, chuyển hồ sơ để cơ quan tài nguyên và môi trường trình ký cấp Giấy chứng nhận.	Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai	03 ngày làm việc
Bước 8	<p>Kiểm tra hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ chưa đạt yêu cầu, có văn bản trả lời nêu rõ lý do. - Trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu, trình UBND cấp huyện. 	Phòng Tài nguyên và Môi trường	03 ngày làm việc
Bước 9	<ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ chưa đạt yêu cầu, có văn bản trả lời nêu rõ lý do. - Trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu, ký giấy chứng nhận, chuyển kết quả cho Chi nhánh Văn phòng Đăng ký 	Lãnh đạo UBND cấp huyện	02 ngày làm việc

	đất đai.		
Bước 10	Cập nhật thông tin thửa đất, tài sản gắn liền với đất, đăng ký vào hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai (nếu có).	Viên chức, người lao động của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai	01 ngày làm việc
Bước 11	Ký sao lưu Giấy chứng nhận để đưa hồ sơ vào lưu trữ, chuyển Giấy chứng nhận đã ký đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả để trao giấy chứng nhận cho người được cấp.	Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai	01 ngày làm việc
Tổng thời gian giải quyết			30 ngày làm việc

5.2. Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Thời gian giải quyết: 40 ngày làm việc, thời gian được tính kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ và không tính thời gian gồm: các ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật, thời gian tiếp nhận hồ sơ tại xã, thời gian trưng cầu giám định, thời gian niêm yết công khai kết quả kiểm tra hồ sơ, xác nhận hiện trạng, tình trạng tranh chấp, nguồn gốc sử dụng đất, thời điểm sử dụng đất (15 ngày), thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian người sử dụng đất thực hiện nghĩa vụ tài chính.

Kết quả giải quyết thủ tục hành chính phải trả cho người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả giải quyết.

- Quy trình nội bộ:

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian thực hiện
Bước 1	Tiếp nhận và kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. - Nếu chưa hợp lệ thì hướng dẫn bổ sung. - Nếu hợp lệ thì tiếp nhận và xuất giấy biên nhận hồ sơ; quét (scan) hồ sơ và chuyển hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh hoặc chuyển hồ sơ cho cán bộ địa chính cấp xã để giải quyết theo quy định.	- Cán bộ tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã (trường hợp hộ gia đình, cá nhân có nhu cầu nộp hồ sơ tại UBND cấp xã). - Viên chức Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả (trường hợp hộ gia đình, cá nhân có nhu cầu nộp hồ sơ tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai)	01 ngày làm việc
Bước 2	Thẩm tra hồ sơ theo khoản 2 Điều 70 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ: - Trường hợp hồ sơ chưa đạt yêu cầu, tham mưu lãnh đạo có văn bản trả lời nêu rõ lý do. - Trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu, ký xác nhận nội dung vào Đơn đăng ký cấp giấy chứng nhận.	Cán bộ địa chính cấp xã	07 ngày làm việc

Bước 3	<p>Kiểm tra hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ chưa đạt yêu cầu, ký văn bản trả lời nêu rõ lý do. - Trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu, ký xác nhận vào Đơn đăng ký cấp giấy chứng nhận, chuyển kết quả cho Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai. 	Lãnh đạo UBND cấp xã	02 ngày làm việc
Bước 4	<p>Sau khi nhận hồ sơ, kiểm tra hồ sơ, kiểm tra các điều kiện và thực hiện các bước theo quy định:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện thì tham mưu lãnh đạo văn bản Thông báo cho UBND cấp xã, người sử dụng đất biết hồ sơ không đủ điều kiện. - Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện, ký xác nhận vào Đơn đăng ký cấp giấy chứng nhận, soạn thảo phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính. 	Viên chức, người lao động của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai	14 ngày làm việc
Bước 5	<p>Kiểm tra hồ sơ, kiểm tra các điều kiện và thực hiện các bước theo quy định:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện thì xác nhận vào Đơn, ký Thông báo cho UBND cấp xã, người sử dụng đất biết hồ sơ không đủ điều kiện. - Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện, ký xác nhận vào Đơn đăng ký cấp giấy chứng nhận, ký phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính. 	Lãnh đạo Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai	03 ngày làm việc
Bước 6	Sau khi nhận hồ sơ: Kiểm tra hồ sơ xác định và thông báo thu nghĩa vụ tài chính (nếu có).	Cơ quan thuế	05 ngày làm việc <i>(không tính vào tổng thời gian thực hiện TTHC)</i>
Bước 7	Sau khi người sử dụng đất đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính, chuyển hồ sơ để cơ quan tài nguyên và môi trường trình ký cấp Giấy chứng nhận.	Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai	02 ngày làm việc
Bước 8	<p>Kiểm tra hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ chưa đạt yêu cầu, có văn bản trả lời nêu rõ lý do. - Trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu, trình UBND cấp huyện. 	Phòng Tài nguyên và Môi trường	06 ngày làm việc
Bước 9	<ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ chưa đạt yêu cầu, có văn bản trả lời nêu rõ lý do. - Trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu, ký giấy chứng nhận, chuyển kết quả cho Chi nhánh Văn phòng Đăng ký 	Lãnh đạo UBND cấp huyện	02 ngày làm việc

	đất đai.		
Bước 10	Cập nhật thông tin thửa đất, tài sản gắn liền với đất, đăng ký vào hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai (nếu có).	Viên chức, người lao động của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai	02 ngày làm việc
Bước 11	Ký sao lưu Giấy chứng nhận để đưa hồ sơ vào lưu trữ, chuyển Giấy chứng nhận đã ký đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả để trao giấy chứng nhận cho người được cấp.	Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai	01 ngày làm việc
Tổng thời gian giải quyết			40 ngày làm việc

6. Thủ tục: Bán hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm

6. 1. Thời gian giải quyết: 30 ngày làm việc, thời gian được tính kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ và không tính thời gian gồm: các ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật, thời gian tiếp nhận hồ sơ tại xã, thời gian trung cầu giám định, thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian người sử dụng đất thực hiện nghĩa vụ tài chính.

Kết quả giải quyết thủ tục hành chính phải trả cho người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả giải quyết.

- Quy trình nội bộ:

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian thực hiện
Bước 1	Tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ: - Nếu chưa hợp lệ thì hướng dẫn bổ sung. - Nếu hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy biên nhận hồ sơ; quét (scan) hồ sơ và chuyển hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh hoặc chuyển hồ sơ cho các cơ quan chuyên môn giải quyết theo quy định.	- Cán bộ tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã (trường hợp hộ gia đình, cá nhân có nhu cầu nộp hồ sơ tại UBND cấp xã). - Viên chức Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả (trường hợp hộ gia đình, cá nhân có nhu cầu nộp hồ sơ tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai).	01 ngày làm việc
Bước 2	Thẩm tra hồ sơ và điều kiện mua bán tài sản gắn liền với đất thuê: - Trường hợp hồ sơ chưa đủ điều kiện, có văn bản tham mưu trả lời nêu rõ lý do. - Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện theo quy định thì soạn thảo Tờ trình, Quyết định thu hồi đất của bên bán, bên góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê và cho bên mua, bên nhận góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất tiếp tục thuê đất.	Công chức Tài nguyên và Môi trường	07 ngày làm việc

Bước 3	Thẩm tra hồ sơ và điều kiện mua bán tài sản gắn liền với đất thuê: - Trường hợp hồ sơ chưa đủ điều kiện, ký văn bản tham mưu trả lời nêu rõ lý do. - Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện theo quy định thì ký Tờ trình và trình UBND cấp huyện Quyết định thu hồi đất của bên bán, bên góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê và cho bên mua, bên nhận góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất tiếp tục thuê đất.	Lãnh đạo Tài nguyên và Môi trường	02 ngày làm việc
Bước 4	Ký Quyết định thu hồi đất của bên bán, bên góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê và cho bên mua, bên nhận góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất tiếp tục thuê đất.	Lãnh đạo UBND cấp huyện	02 ngày làm việc
Bước 5	Tham mưu hợp đồng thuê đất đối với bên mua, nhận góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê và thông báo bằng văn bản cho cơ quan thuế về việc hết hiệu lực của hợp đồng thuê đất đối với người bán, người góp vốn bằng tài sản.	Công chức Tài nguyên và Môi trường	02 ngày làm việc
Bước 6	Ký hợp đồng thuê đất đối với bên mua, nhận góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê và ký thông báo bằng văn bản cho cơ quan thuế về việc hết hiệu lực của hợp đồng thuê đất đối với người bán, người góp vốn bằng tài sản; gửi hợp đồng thuê đất cho người mua, người nhận góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê.	Lãnh đạo Tài nguyên và Môi trường	01 ngày làm việc
Bước 7	Lập hồ sơ để cho bên mua, bên nhận góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất tiếp tục thuê đất.	Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai	07 ngày làm việc
Bước 8	Sau khi nhận hồ sơ: Kiểm tra hồ sơ xác định và thông báo thu nghĩa vụ tài chính (nếu có).	Cơ quan thuế	05 ngày làm việc (không tính vào tổng thời gian thực hiện thủ tục hành chính)
Bước 9	Sau khi người sử dụng đất đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính, chuyển hồ sơ để cơ quan tài nguyên và môi trường trình ký cấp Giấy chứng nhận	Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai	03 ngày làm việc
Bước 10	Kiểm tra, lập hồ sơ trình UBND cấp huyện ký Giấy chứng nhận cho bên mua, bên nhận góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất tiếp tục thuê đất.	Phòng Tài nguyên và Môi trường	02 ngày làm việc

Bước 11	Ký Giấy chứng nhận cho bên mua, bên nhận góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất tiếp tục thuê đất và chuyển kết quả về Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai	Lãnh đạo UBND cấp huyện	01 ngày làm việc
Bước 12	Cập nhật thông tin thửa đất, tài sản gắn liền với đất, đăng ký vào hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai (nếu có).	Viên chức Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai	01 ngày làm việc
Bước 13	Ký sao lưu Giấy chứng nhận để đưa hồ sơ vào lưu trữ, chuyển Giấy chứng nhận đã ký đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả để trao giấy chứng nhận cho người được cấp.	Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai	01 ngày làm việc
Tổng thời gian giải quyết			30 ngày làm việc

6.2. Thời gian giải quyết đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn: 40 ngày làm việc, thời gian được tính kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ và không tính thời gian gồm: các ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật, thời gian tiếp nhận hồ sơ tại xã, thời gian trung cầu giám định, thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian người sử dụng đất thực hiện nghĩa vụ tài chính.

Kết quả giải quyết thủ tục hành chính phải trả cho người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả giải quyết.

- Quy trình nội bộ:

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian thực hiện
Bước 1	Tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ: - Nếu chưa hợp lệ thì hướng dẫn bổ sung. - Nếu hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy biên nhận hồ sơ; quét (scan) hồ sơ và chuyển hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh hoặc chuyển hồ sơ cho các cơ quan chuyên môn giải quyết theo quy định.	- Cán bộ tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã (trường hợp hộ gia đình, cá nhân có nhu cầu nộp hồ sơ tại UBND cấp xã). - Viên chức Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả (trường hợp hộ gia đình, cá nhân có nhu cầu nộp hồ sơ tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai).	01 ngày làm việc
Bước 2	Thẩm tra hồ sơ và điều kiện mua bán tài sản gắn liền với đất thuê: - Trường hợp hồ sơ chưa đủ điều kiện, có văn bản tham mưu trả lời nêu rõ lý do. - Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện theo quy định thì soạn thảo Tờ trình, Quyết định thu hồi đất của bên bán, bên góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê và cho bên mua, bên nhận góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất tiếp tục thuê đất.	Công chức Tài nguyên và Môi trường	12 ngày làm việc

Bước 3	Thẩm tra hồ sơ và điều kiện mua bán tài sản gắn liền với đất thuê: - Trường hợp hồ sơ chưa đủ điều kiện, ký văn bản tham mưu trả lời nêu rõ lý do. - Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện theo quy định thì ký Tờ trình và trình UBND cấp huyện Quyết định thu hồi đất của bên bán, bên góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê và cho bên mua, bên nhận góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất tiếp tục thuê đất.	Lãnh đạo Tài nguyên và Môi trường	02 ngày làm việc
Bước 4	Ký Quyết định thu hồi đất của bên bán, bên góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê và cho bên mua, bên nhận góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất tiếp tục thuê đất.	Lãnh đạo UBND cấp huyện	02 ngày làm việc
Bước 5	Tham mưu hợp đồng thuê đất đối với bên mua, nhận góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê và thông báo bằng văn bản cho cơ quan thuế về việc hết hiệu lực của hợp đồng thuê đất đối với người bán, người góp vốn bằng tài sản.	Công chức Tài nguyên và Môi trường	04 ngày làm việc
Bước 6	Ký hợp đồng thuê đất đối với bên mua, nhận góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê và ký thông báo bằng văn bản cho cơ quan thuế về việc hết hiệu lực của hợp đồng thuê đất đối với người bán, người góp vốn bằng tài sản; gửi hợp đồng thuê đất cho người mua, người nhận góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê.	Lãnh đạo Tài nguyên và Môi trường	02 ngày làm việc
Bước 7	Lập hồ sơ để cho bên mua, bên nhận góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất tiếp tục thuê đất	Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai	10 ngày làm việc
Bước 8	Sau khi nhận hồ sơ: Kiểm tra hồ sơ xác định và thông báo thu nghĩa vụ tài chính (nếu có)	Cơ quan thuế	05 ngày làm việc (không tính vào tổng thời gian thực hiện thủ tục hành chính)
Bước 9	Sau khi người sử dụng đất đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính, chuyển hồ sơ để cơ quan tài nguyên và môi trường trình ký cấp Giấy chứng nhận	Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai	02 ngày làm việc
Bước 10	Kiểm tra, lập hồ sơ trình UBND cấp huyện ký Giấy chứng nhận cho bên mua, bên nhận góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất tiếp tục thuê đất.	Phòng Tài nguyên và Môi trường	02 ngày làm việc

Bước 11	Ký Giấy chứng nhận cho bên mua, bên nhận góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất tiếp tục thuê đất và chuyển kết quả về Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai.	Lãnh đạo UBND cấp huyện	01 ngày làm việc
Bước 12	Cập nhật thông tin thửa đất, tài sản gắn liền với đất, đăng ký vào hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai (nếu có).	Viên chức Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai	01 ngày làm việc
Bước 13	Ký sao lưu Giấy chứng nhận để đưa hồ sơ vào lưu trữ, chuyển Giấy chứng nhận đã ký đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả để trao giấy chứng nhận cho người được cấp.	Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai	01 ngày làm việc
Tổng thời gian giải quyết			40 ngày làm việc

7. Thủ tục: Đăng ký biến động đối với trường hợp chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê hoặc từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất

7.1. Thời gian giải quyết: 30 ngày làm việc, thời gian được tính kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ và thời gian này không tính thời gian các ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật; không tính thời gian tiếp nhận hồ sơ tại xã, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; không tính thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định.

Kết quả giải quyết thủ tục hành chính phải trả cho người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả giải quyết.

- Quy trình nội bộ:

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian thực hiện
Bước 1	Tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ: - Nếu chưa hợp lệ thì hướng dẫn bổ sung. - Nếu hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy biên nhận hồ sơ; quét (scan) hồ sơ và chuyển hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh hoặc chuyển hồ sơ cho các cơ quan chuyên môn giải quyết theo quy định.	- Cán bộ tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã (trường hợp hộ gia đình, cá nhân có nhu cầu nộp hồ sơ tại UBND cấp xã). - Viên chức Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả (trường hợp hộ gia đình, cá nhân có nhu cầu nộp hồ sơ tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai).	01 ngày làm việc
Bước 2	Kiểm tra hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ chưa đủ điều kiện, có văn bản tham mưu trả lời nêu rõ lý do. - Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện theo quy định thì soạn thảo Tờ trình và Quyết định chuyển hình thức sử dụng đất.	Công chức Phòng Tài nguyên và Môi trường	10 ngày làm việc
Bước 3	Kiểm tra hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ chưa đủ điều kiện, có văn bản trả lời nêu rõ lý do. - Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện thì	Lãnh đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường	02 ngày làm việc

	ký Tờ trình và trình UBND cấp huyện ký Quyết định chuyển hình thức sử dụng đất.		
Bước 4	Kiểm tra và ký Quyết định chuyển hình thức sử dụng đất, chuyển kết quả cho Phòng Tài nguyên và Môi trường.	Lãnh đạo UBND cấp huyện	02 ngày làm việc
Bước 5	Lập Phiếu chuyển thông tin địa chính gửi cơ quan Thuế, tham mưu Hợp đồng thuê đất (đối với trường hợp thuê đất).	Công chức Phòng Tài nguyên và Môi trường	04 ngày làm việc
Bước 6	Ký Phiếu chuyển thông tin địa chính gửi cơ quan Thuế, ký hợp đồng thuê đất (đối với trường hợp thuê đất).	Lãnh đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường	02 ngày làm việc
Bước 7	Sau khi nhận hồ sơ: Kiểm tra hồ sơ xác định và thông báo thu nghĩa vụ tài chính (nếu có).	Cơ quan thuế	05 ngày làm việc <i>(không tính vào tổng thời gian thực hiện thủ tục hành chính)</i>
Bước 8	Kiểm tra hồ sơ theo quy định. Sau khi người sử dụng đất đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính: Dự thảo nội dung xác nhận thay đổi vào Giấy chứng nhận đã cấp hoặc in Giấy chứng nhận mới. Tham mưu thông báo cho người sử dụng đất liên hệ Phòng Tài nguyên và Môi trường ký hoặc ký lại hợp đồng thuê đất đối với trường hợp phải thuê đất (nếu có)	Viên chức, người lao động của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai	05 ngày làm việc
Bước 9	Kiểm tra hồ sơ theo quy định. Sau khi người sử dụng đất đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính: Ký xác nhận thay đổi vào Giấy chứng nhận đã cấp hoặc ký cấp Giấy chứng nhận mới và ký thông báo cho người sử dụng đất liên hệ Phòng Tài nguyên và Môi trường ký hoặc ký lại hợp đồng thuê đất đối với trường hợp phải thuê đất (nếu có).	Lãnh đạo Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai	02 ngày làm việc
Bước 11	Cập nhật thông tin thửa đất, tài sản gắn liền với đất, đăng ký vào hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai (nếu có).	Viên chức, người lao động của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai	01 ngày làm việc
Bước 12	Ký sao lưu Giấy chứng nhận để đưa hồ sơ vào lưu trữ, chuyển Giấy chứng nhận đã ký đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả để trao giấy chứng nhận cho người được cấp.	Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai	01 ngày làm việc
Tổng thời gian giải quyết			30 ngày làm việc

7.2. Thời gian giải quyết đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn: 40 ngày làm việc, thời gian được tính kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ và thời gian này không tính thời gian các ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật; không tính thời gian tiếp nhận hồ sơ tại xã, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của

người sử dụng đất; không tính thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định.

Kết quả giải quyết thủ tục hành chính phải trả cho người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả giải quyết.

- Quy trình nội bộ:

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian thực hiện
Bước 1	Tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ: - Nếu chưa hợp lệ thì hướng dẫn bổ sung. - Nếu hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy biên nhận hồ sơ; quét (scan) hồ sơ và chuyển hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh hoặc chuyển hồ sơ cho các cơ quan chuyên môn giải quyết theo quy định..	- Cán bộ tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã (trường hợp hộ gia đình, cá nhân có nhu cầu nộp hồ sơ tại UBND cấp xã). - Viên chức Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả (trường hợp hộ gia đình, cá nhân có nhu cầu nộp hồ sơ tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai).	01 ngày làm việc
Bước 2	Kiểm tra hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ chưa đủ điều kiện, có văn bản tham mưu trả lời nêu rõ lý do. - Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện theo quy định thì soạn thảo Tờ trình và Quyết định chuyển hình thức sử dụng đất,	Công chức Phòng Tài nguyên và Môi trường	14 ngày làm việc
Bước 3	Kiểm tra hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ chưa đủ điều kiện, có văn bản trả lời nêu rõ lý do. - Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện thì ký Tờ trình và trình UBND cấp huyện ký Quyết định chuyển hình thức sử dụng đất.	Lãnh đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường	03 ngày làm việc
Bước 4	Kiểm tra và ký Quyết định chuyển hình thức sử dụng đất, chuyển kết quả cho Phòng Tài nguyên và Môi trường.	Lãnh đạo UBND cấp huyện	02 ngày làm việc
Bước 5	Lập Phiếu chuyển thông tin địa chính gửi cơ quan Thuế, tham mưu Hợp đồng thuê đất (đối với trường hợp thuê đất).	Công chức Phòng Tài nguyên và Môi trường	03 ngày làm việc
Bước 6	Ký Phiếu chuyển thông tin địa chính gửi cơ quan Thuế, ký hợp đồng thuê đất (đối với trường hợp thuê đất).	Lãnh đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường	02 ngày làm việc
Bước 7	Sau khi nhận hồ sơ: Kiểm tra hồ sơ xác định và thông báo thu nghĩa vụ tài chính (nếu có)	Cơ quan thuế	05 ngày làm việc <i>(không tính vào tổng thời gian thực hiện thủ tục hành chính)</i>
Bước 8	Kiểm tra hồ sơ theo quy định. Sau khi người sử dụng đất đã hoàn	Viên chức, người lao động của Chi nhánh văn phòng đăng ký	09 ngày làm việc

	thành nghĩa vụ tài chính: Dự thảo nội dung xác nhận thay đổi vào Giấy chứng nhận đã cấp hoặc in Giấy chứng nhận mới. Tham mưu thông báo cho người sử dụng đất liên hệ Phòng Tài nguyên và Môi trường ký hoặc ký lại hợp đồng thuê đất đối với trường hợp phải thuê đất (nếu có).	đất đai	
Bước 9	Kiểm tra hồ sơ theo quy định. Sau khi người sử dụng đất đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính: Ký xác nhận thay đổi vào Giấy chứng nhận đã cấp hoặc ký cấp Giấy chứng nhận mới và ký thông báo cho người sử dụng đất liên hệ Phòng Tài nguyên và Môi trường ký hoặc ký lại hợp đồng thuê đất đối với trường hợp phải thuê đất (nếu có).	Lãnh đạo Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai	02 ngày làm việc
Bước 11	Cập nhật thông tin thửa đất, tài sản gắn liền với đất, đăng ký vào hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai (nếu có).	Viên chức, người lao động của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai	02 ngày làm việc
Bước 12	Ký sao lưu Giấy chứng nhận để đưa hồ sơ vào lưu trữ, chuyển Giấy chứng nhận đã ký đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả để trao giấy chứng nhận cho người được cấp.	Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai	02 ngày làm việc
Tổng thời gian giải quyết			40 ngày làm việc

8. Thủ tục: Chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân để thực hiện dồn điền đổi thửa” (đồng loạt)

8.1. Thời gian giải quyết: 50 ngày làm việc, thời gian được tính kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ và không tính thời gian gồm: các ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật, thời gian tiếp nhận hồ sơ tại xã, thời gian trung cầu giám định, thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian người sử dụng đất thực hiện nghĩa vụ tài chính.

Kết quả giải quyết thủ tục hành chính phải trả cho người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả giải quyết.

- Quy trình nội bộ:

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian thực hiện
Bước 1	Tiếp nhận và kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. Kiểm tra và tiếp nhận hồ sơ: - Nếu chưa hợp lệ thì hướng dẫn bổ sung. - Nếu hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy biên nhận hồ sơ; quét (scan) hồ sơ và chuyển hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh hoặc chuyển hồ sơ cho UBND cấp xã giải quyết theo quy định.	- Cán bộ tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã (trường hợp hộ gia đình, cá nhân có nhu cầu nộp hồ sơ tại UBND cấp xã). - Viên chức Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả (trường hợp hộ gia đình, cá nhân có nhu cầu nộp hồ sơ tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai).	01 ngày làm việc

Bước 2	<p>Kiểm tra hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ chưa đủ điều kiện, tham mưu văn bản trả lời nêu rõ lý do. - Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện theo quy định thì soạn thảo phương án chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp chung cho toàn xã, phường, thị trấn (bao gồm cả tiến độ thời gian thực hiện chuyển đổi). 	Cán bộ địa chính UBND cấp xã	05 ngày làm việc
Bước 3	<p>Kiểm tra hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ chưa đủ điều kiện, ký văn bản trả lời nêu rõ lý do. - Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện theo quy định thì ký phương án chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp chung cho toàn xã, phường, thị trấn (bao gồm cả tiến độ thời gian thực hiện chuyển đổi) và gửi phương án đến Phòng Tài nguyên và Môi trường. 	Lãnh đạo UBND cấp xã	02 ngày làm việc
Bước 4	<p>Kiểm tra hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ chưa đủ điều kiện, tham mưu văn bản trả lời nêu rõ lý do. - Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện theo quy định thì tham mưu thẩm tra phương án. 	Cán bộ Tài nguyên và Môi trường	05 ngày làm việc
Bước 5	<p>Kiểm tra hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ chưa đủ điều kiện, ký văn bản trả lời nêu rõ lý do. - Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện theo quy định thì trình lãnh đạo UBND cấp huyện phê duyệt Phương án. 	Lãnh đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường	02 ngày làm việc
Bước 6	<p>Phê duyệt Phương án và chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức cho các hộ gia đình, cá nhân chuyển đổi ruộng đất theo phương án được duyệt và chuyên kết quả về cho Phòng Tài nguyên và Môi trường.</p>	Lãnh đạo UBND huyện	02 ngày làm việc

<p>Bước 7</p>	<p>- Tiếp nhận hồ sơ do Hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất nộp. - Kiểm tra hồ sơ: + Trường hợp hồ sơ chưa đủ điều kiện, tham mưu ký văn bản trả lời nêu rõ lý do. + Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện theo quy định thì xác nhận nội dung thay đổi vào đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận và chuyển Phòng Tài nguyên và Môi trường trình Ủy ban nhân dân cấp huyện cấp Giấy chứng nhận cho người đã thực hiện xong “dồn điền đổi thửa” theo phương án được duyệt.</p>	<p>Nhân viên Chi nhánh Văn phòng Đăng ký</p>	<p>12 ngày làm việc</p>
<p>Bước 8</p>	<p>- Tiếp nhận hồ sơ do Hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất nộp. - Kiểm tra hồ sơ: + Trường hợp hồ sơ chưa đủ điều kiện, ký văn bản trả lời nêu rõ lý do. + Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện theo quy định thì ký xác nhận nội dung thay đổi vào đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận và chuyển hồ sơ Phòng Tài nguyên và Môi trường trình Ủy ban nhân dân cấp huyện cấp Giấy chứng nhận cho người đã thực hiện xong “dồn điền đổi thửa” theo phương án được duyệt.</p>	<p>Lãnh đạo Chi nhánh Văn phòng Đăng ký</p>	<p>05 ngày làm việc</p>
<p>Bước 9</p>	<p>- Kiểm tra hồ sơ: + Trường hợp hồ sơ chưa đủ điều kiện, tham mưu văn bản trả lời nêu rõ lý do. + Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện theo quy định thì trình lãnh đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường trình Ủy ban nhân dân cấp huyện cấp Giấy chứng nhận cho người đã thực hiện xong “dồn điền đổi thửa” theo phương án được duyệt.</p>	<p>Cán bộ Phòng Tài nguyên và Môi trường</p>	<p>06 ngày làm việc</p>
<p>Bước 10</p>	<p>- Kiểm tra hồ sơ: + Trường hợp hồ sơ chưa đủ điều kiện, ký văn bản trả lời nêu rõ lý do. + Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện theo quy định thì trình Ủy ban nhân dân cấp huyện cấp Giấy chứng nhận cho người đã thực hiện xong “dồn điền đổi thửa” theo phương án được duyệt.</p>	<p>Lãnh đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường</p>	<p>03 ngày làm việc</p>
<p>Bước 11</p>	<p>Ký cấp Giấy chứng nhận cho người sử dụng đất theo phương án được duyệt, chuyển kết quả về Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai.</p>	<p>Lãnh đạo UBND cấp huyện</p>	<p>03 ngày làm việc</p>

Bước 12	Cập nhật thông tin thửa đất, tài sản gắn liền với đất, đăng ký vào hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai (nếu có)	Viên chức, người lao động của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai	02 ngày làm việc
Bước 13	Ký sao lưu Giấy chứng nhận để đưa hồ sơ vào lưu trữ, chuyển Giấy chứng nhận đã ký đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả để trao giấy chứng nhận cho người được cấp	Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai	02 ngày làm việc
Tổng thời gian giải quyết			50 ngày làm việc

8.2. Thời gian giải quyết đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn: 60 ngày làm việc, thời gian được tính kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ và không tính thời gian gồm: các ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật, thời gian tiếp nhận hồ sơ tại xã, thời gian trung cầu giám định, thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian người sử dụng đất thực hiện nghĩa vụ tài chính.

Kết quả giải quyết thủ tục hành chính phải trả cho người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả giải quyết.

- Quy trình nội bộ:

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian thực hiện
Bước 1	Tiếp nhận và kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. Kiểm tra và tiếp nhận hồ sơ: - Nếu chưa hợp lệ thì hướng dẫn bổ sung. - Nếu hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy biên nhận hồ sơ; quét (scan) hồ sơ và chuyển hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh hoặc chuyển hồ sơ cho UBND cấp xã giải quyết theo quy định.	- Cán bộ tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã (trường hợp hộ gia đình, cá nhân có nhu cầu nộp hồ sơ tại UBND cấp xã). - Viên chức Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả (trường hợp hộ gia đình, cá nhân có nhu cầu nộp hồ sơ tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai)	01 ngày làm việc
Bước 2	Kiểm tra hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ chưa đủ điều kiện, tham mưu văn bản trả lời nêu rõ lý do. - Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện theo quy định thì soạn thảo phương án chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp chung cho toàn xã, phường, thị trấn (bao gồm cả tiến độ thời gian thực hiện chuyển đổi).	Cán bộ địa chính UBND cấp xã	08 ngày làm việc
Bước 3	Kiểm tra hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ chưa đủ điều kiện, ký văn bản trả lời nêu rõ lý do. - Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện theo quy định thì ký phương án chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp chung cho toàn xã, phường, thị trấn (bao gồm cả tiến độ thời gian thực hiện chuyển đổi) và gửi phương án đến Phòng Tài nguyên	Lãnh đạo UBND cấp xã	03 ngày làm việc

	và Môi trường.		
Bước 4	Kiểm tra hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ chưa đủ điều kiện, tham mưu văn bản trả lời nêu rõ lý do. - Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện theo quy định thì tham mưu thẩm tra phương án.	Cán bộ Tài nguyên và Môi trường	06 ngày làm việc
Bước 5	Kiểm tra hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ chưa đủ điều kiện, ký văn bản trả lời nêu rõ lý do. - Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện theo quy định thì trình lãnh đạo UBND cấp huyện phê duyệt Phương án.	Lãnh đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường	02 ngày làm việc
Bước 6	Phê duyệt Phương án và chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức cho các hộ gia đình, cá nhân chuyển đổi ruộng đất theo phương án được duyệt và chuyển kết quả về cho Phòng Tài nguyên và Môi trường.	Lãnh đạo UBND huyện	02 ngày làm việc
Bước 7	- Tiếp nhận hồ sơ do Hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất nộp. - Kiểm tra hồ sơ: + Trường hợp hồ sơ chưa đủ điều kiện, tham mưu ký văn bản trả lời nêu rõ lý do. + Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện theo quy định thì xác nhận nội dung thay đổi vào đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận và chuyển Phòng Tài nguyên và Môi trường trình Ủy ban nhân dân cấp huyện cấp Giấy chứng nhận cho người đã thực hiện xong “đôn điền đổi thửa” theo phương án được duyệt.	Nhân viên Chi nhánh Văn phòng Đăng ký	16 ngày làm việc
Bước 8	- Tiếp nhận hồ sơ do Hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất nộp. - Kiểm tra hồ sơ: + Trường hợp hồ sơ chưa đủ điều kiện, ký văn bản trả lời nêu rõ lý do. + Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện theo quy định thì ký xác nhận nội dung thay đổi vào đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận và chuyển hồ sơ Phòng Tài nguyên và Môi trường trình Ủy ban nhân dân cấp huyện cấp Giấy chứng nhận cho người đã thực hiện xong “đôn điền đổi thửa” theo phương án được duyệt.	Lãnh đạo Chi nhánh Văn phòng Đăng ký	05 ngày làm việc
Bước 9	- Kiểm tra hồ sơ: + Trường hợp hồ sơ chưa đủ điều kiện, tham mưu văn bản trả lời nêu	Cán bộ Phòng Tài nguyên và Môi trường	07 ngày làm việc

	rõ lý do. + Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện theo quy định thì trình lãnh đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường trình Ủy ban nhân dân cấp huyện cấp Giấy chứng nhận cho người đã thực hiện xong “đồn điền đổi thửa” theo phương án được duyệt.		
Bước 10	- Kiểm tra hồ sơ: + Trường hợp hồ sơ chưa đủ điều kiện, ký văn bản trả lời nêu rõ lý do. + Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện theo quy định thì trình Ủy ban nhân dân cấp huyện cấp Giấy chứng nhận cho người đã thực hiện xong “đồn điền đổi thửa” theo phương án được duyệt.	Lãnh đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường	03 ngày làm việc
Bước 11	Ký cấp Giấy chứng nhận cho người sử dụng đất theo phương án được duyệt, chuyển kết quả về Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai.	Lãnh đạo UBND cấp huyện	03 ngày làm việc
Bước 12	Cập nhật thông tin thửa đất, tài sản gắn liền với đất, đăng ký vào hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai (nếu có)	Viên chức, người lao động của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai	02 ngày làm việc
Bước 13	Ký sao lưu Giấy chứng nhận để đưa hồ sơ vào lưu trữ, chuyển Giấy chứng nhận đã ký đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả để trao giấy chứng nhận cho người được cấp	Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai	02 ngày làm việc
Tổng thời gian giải quyết			60 ngày làm việc

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1365 /QĐ-UBND

Phú Yên, ngày 10 tháng 10 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục và Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Tài nguyên nước thuộc thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND cấp huyện

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ;

Căn cứ các Quyết định của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường: số 438/QĐ-BTNMT ngày 01/3/2023 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực tài nguyên nước thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường; số 1235/QĐ-BTNMT ngày 15/5/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực tài nguyên nước thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường và số 2031/QĐ-BTNMT ngày 21/7/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc đính chính một phần Quyết định số 438/QĐ-BTNMT ngày 01/3/2023 của Bộ trưởng công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực tài nguyên nước thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 498/TTr-STNMT ngày 09/8/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục và Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Tài nguyên nước thuộc thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường và UBND cấp huyện, thị xã, thành phố (gọi chung là UBND cấp huyện) trên địa bàn tỉnh Phú Yên (kèm theo Danh mục).

Điều 2.

- Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm cập nhật thủ tục hành chính tại Điều 1 Quyết định này vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính và tích hợp dữ liệu để công khai trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh theo đúng quy định (chậm nhất sau 03 ngày làm việc kể từ ngày ký ban hành);

- Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND cấp huyện:

+ Thực hiện giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền và niềm yết, công khai các thủ tục hành chính liên quan tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của cấp huyện và trên Trang thông tin điện tử của đơn vị.

+ Phối hợp Sở Thông tin và Truyền thông thiết lập quy trình điện tử liên quan trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh (tại địa chỉ: *dichvucong.phuyen.gov.vn*) theo danh mục thủ tục hành chính tại Điều 1 (chậm nhất sau 10 ngày làm việc kể từ ngày ký ban hành).

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 945/QĐ-UBND ngày 24/7/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Thủ trưởng các sở, ban, ngành thuộc tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã, Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hồ Thị Nguyên Thảo

PHỤ LỤC
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN NƯỚC THUỘC
THẨM QUYỀN TIẾP NHẬN, GIẢI QUYẾT CỦA SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG,
UBND CẤP HUYỆN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1365/QĐ-UBND ngày 10 tháng 10 năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên)

I. TTHC THUỘC THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH CỦA SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

ST T	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí thẩm định	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
Lĩnh vực tài nguyên nước (TTHC sửa đổi, bổ sung)						
1	Đăng ký khai thác sử dụng nước mặt, nước biển Mã TTHC: 1.011516	10 ngày làm việc	Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên (206A Trần Hưng Đạo, Phường 4, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên) hoặc nộp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp xã.	Không	- Luật Tài nguyên nước năm 2012; - Nghị định số 02/2023/NĐ-CP 01/02/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.	Những nội dung còn lại của thủ tục hành chính được thực hiện theo Quyết định số 438/QĐ-BTNMT ngày 01/3/2023 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực tài nguyên nước thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường được đính chính tại Quyết định số 2031/QĐ-BTNMT
2	Đăng ký khai thác nước dưới đất Mã TTHC: 1.011517	15 ngày làm việc		Không		
3	Trả lại giấy phép tài nguyên nước Mã TTHC: 1.011518	10 ngày làm việc	Nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên (206A Trần Hưng Đạo, Phường 4, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên).	Không		

						ngày 21/7/2023 của Bộ Trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.
4	Lấy ý kiến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với các dự án đầu tư có chuyển nước từ nguồn nước liên tỉnh; dự án đầu tư xây dựng hồ chứa, đập dâng trên dòng chính lưu vực sông liên tỉnh thuộc trường hợp phải xin phép; công trình khai thác, sử dụng nước mặt (không phải là hồ chứa, đập dâng) sử dụng nguồn nước liên tỉnh với lưu lượng khai thác từ 10 m ³ /giây trở lên. Mã TTHC:1.001740	- Đối với các dự án không có chuyển nước từ nguồn nước liên tỉnh: 40 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị xin ý kiến của chủ đầu tư - Đối với các dự án có chuyển nước từ nguồn nước liên tỉnh, dự án đầu tư xây dựng hồ, đập trên dòng chính thuộc lưu vực sông liên tỉnh: 60 ngày làm việc	Nộp văn bản lấy ý kiến kèm theo hồ sơ tới Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên	Kinh phí tổ chức lấy ý kiến do chủ dự án chi trả	Nghị định số 02/2023/NĐ-CP.	Những nội dung còn lại của thủ tục hành chính được thực hiện theo Quyết định số 438/QĐ-BTNMT ngày 01/3/2023 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực tài nguyên nước thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường được đính chính tại Quyết định số 2031/QĐ-BTNMT ngày 21/7/2023 của Bộ Trưởng Bộ Tài nguyên

						và Môi trường.
5	Cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày đêm Mã TTHC: 1.004232	36 ngày làm việc	- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên (206A Trần Hưng Đạo, Phường 4, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên). - Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh tại địa chỉ http://dichvucong.phuyen.gov.vn	Theo quy định tại Nghị quyết số 12/2020/NQHĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh	- Luật Tài nguyên nước năm 2012. - Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023 của Chính phủ. - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường.	Những nội dung còn lại của thủ tục hành chính được thực hiện theo Quyết định số 1235/QĐ-BTNMT ngày 15/5/2023 về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực tài nguyên nước thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường.
6	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000 m ³ /ngày đêm Mã TTHC: 1.004228	31 ngày làm việc	- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên (206A Trần Hưng Đạo, Phường 4, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên). - Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh tại địa chỉ http://dichvucong.phuyen.gov.vn	Theo quy định tại Nghị quyết số 12/2020/NQHĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh	- Nghị định số 12/2020/NQ-HĐND ngày 01/10/2020 của HĐND tỉnh Phú Yên Quy định mức thu, quản lý và sử dụng phí thăm định đề án, báo cáo thăm dò đánh giá trữ lượng, khai thác, sử dụng nước dưới đất; khai thác, sử dụng nước mặt, nước biển; xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Phú Yên	
7	Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày đêm Mã TTHC: 1.004223	36 ngày làm việc	- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên (206A Trần Hưng Đạo, Phường 4, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên). - Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh tại địa chỉ http://dichvucong.phuyen.gov.vn	Theo quy định tại Nghị quyết số 12/2020/NQHĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh	- Nghị quyết số 12/2020/NQ-HĐND ngày 01/10/2020 của HĐND tỉnh Phú Yên Quy định mức thu, quản lý và sử dụng phí thăm định đề án, báo cáo thăm dò đánh giá trữ lượng, khai thác, sử dụng nước dưới đất; khai thác, sử dụng nước mặt, nước biển; xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Phú Yên	
8	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày đêm Mã TTHC: 1.004211	31 ngày làm việc	- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên (206A Trần Hưng Đạo, Phường 4, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên). - Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh tại địa chỉ http://dichvucong.phuyen.gov.vn	Theo quy định tại Nghị quyết số 12/2020/NQHĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh		
9	Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản đối với hồ chứa, đập dâng thủy lợi có lưu lượng khai thác dưới 2m ³ /giây và dung tích toàn bộ dưới 20 triệu m ³ , hoặc lưu lượng khai thác từ 2m ³ /giây trở lên và dung tích toàn bộ dưới 3 triệu m ³ , hoặc đối với công	36 ngày làm việc	- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên (206A Trần Hưng Đạo, Phường 4, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên). - Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh tại địa chỉ http://dichvucong.phuyen.gov.vn	Theo quy định tại Nghị quyết số 12/2020/NQHĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh		

	<p>trình khai thác, sử dụng nước khác với lưu lượng khai thác dưới 5m³/giờ; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000 kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000 m³/ngày đêm; cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với lưu lượng dưới 1.000.000 m³/ngày đêm Mã TTHC: 1.004179</p>					
<p>10</p>	<p>Gia hạn/điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản đối với hồ chứa, đập dâng thủy lợi có lưu lượng khai thác dưới 2m³/giờ và dung tích toàn bộ dưới 20 triệu m³, hoặc lưu lượng khai thác từ 2m³/giờ trở lên và dung tích toàn bộ dưới 3 triệu m³, hoặc đối với công trình khai thác, sử dụng nước khác với lưu lượng khai thác dưới 5m³/giờ; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000 kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000 m³/ngày đêm; cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch</p>	<p>31 ngày làm việc</p>	<p>- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên (206A Trần Hưng Đạo, Phường 4, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên). - Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh tại địa chỉ http://dichvucong.phuyen.gov.vn</p>	<p>Theo quy định tại Nghị quyết số 12/2020/NQHĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh</p>		

	vụ với lưu lượng dưới 1.000.000 m ³ /ngày đêm. Mã TTHC: 1.004167					
11	Cấp lại giấy phép tài nguyên nước Mã TTHC: 1.000824	16 ngày làm việc	<ul style="list-style-type: none"> - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên (206A Trần Hưng Đạo, Phường 4, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên). - Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh tại địa chỉ http://dichvucong.phuyen.go.vn 	Theo quy định tại Nghị quyết số 12/2020/NQHĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Tài nguyên nước năm 2012. - Nghị định số 02/2023/NĐ-CP. - Nghị quyết số 12/2020/NQ-HĐND. 	Những nội dung còn lại của thủ tục hành chính được thực hiện theo Quyết định số 438/QĐ-BTNMT ngày 01/3/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường được đính chính tại Quyết định số 2031/QĐ-BTNMT ngày 21/7/2023 của Bộ Trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.
12	Cấp giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ Mã TTHC: 1.004122	21 ngày làm việc.		Theo Nghị quyết số 66/2016/NQ-HĐND ngày 16/12/2016 của HĐND tỉnh Phú Yên	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Tài nguyên nước 2012; - Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định một số điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường - Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 15/10/2018 của Chính phủ sửa đổi một số điều của các nghị định liên 	Những nội dung còn lại của thủ tục hành chính được thực hiện theo Quyết định số 1235/QĐ-BTNMT ngày 15/5/2023 về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong
13	Gia hạn/điều chỉnh nội dung giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ Mã TTHC: 2.001738	16 ngày làm việc	<ul style="list-style-type: none"> - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên (206A Trần Hưng Đạo, Phường 4, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên). - Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh tại địa chỉ http://dichvucong.phuyen.g 	Theo Nghị quyết số 66/2016/NQ-HĐND ngày 16/12/2016 của HĐND tỉnh Phú Yên	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Tài nguyên nước 2012; - Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định một số điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường - Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 15/10/2018 của Chính phủ sửa đổi một số điều của các nghị định liên 	Những nội dung còn lại của thủ tục hành chính được thực hiện theo Quyết định số 1235/QĐ-BTNMT ngày 15/5/2023 về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong

<p>14</p>	<p>Cấp lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ Mã TTHC: 1.004253</p>	<p>11 ngày làm việc</p>	<p>ov.vn</p> <p>- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên (206A Trần Hưng Đạo, Phường 4, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên). - Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh tại địa chỉ http://dichvucong.phuyen.gov.vn</p>	<p>Theo Nghị quyết số 66/2016/NQ-HĐND ngày 16/12/2016 của HĐND tỉnh Phú Yên</p>	<p>quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường. - Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT ngày 11/7/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất. - Thông tư số 11/2022/TT-BTNMT ngày 20/10/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số thông tư liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường. - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường. - Nghị quyết số 66/2016/NQ-HĐND ngày 16/12/2016 của HĐND tỉnh Phú Yên Ban hành quy định mức thu, quản lý và sử dụng phí thăm định hồ sơ, điều kiện hành nghề khoan</p>	<p>lĩnh vực tài nguyên nước thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường.</p>
-----------	--	-------------------------	---	---	--	---

					nước dưới đất trên địa bàn tỉnh.	
15	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình đã vận hành (cấp tỉnh) Mã TTHC: 2.001770	Thực hiện đồng thời với việc tiếp nhận, thẩm định hồ sơ đề nghị cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép về tài nguyên nước	Thực hiện đồng thời với việc tiếp nhận, thẩm định hồ sơ đề nghị cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép về tài nguyên nước	Không	- Luật Tài nguyên nước 2012; - Nghị định 82/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ Quy định về	
16	Điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước Mã TTHC: 1.004283	- Trường hợp điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng TNN: 31 ngày làm việc; - Trường hợp khác theo quy định: 15 ngày làm việc	- Trường hợp điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng TNN: Nộp hồ sơ đồng thời với việc tiếp nhận, thẩm định hồ sơ đề nghị điều chỉnh giấy phép về tài nguyên nước; - Trường hợp khác theo quy định: + Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên (206A Trần Hưng Đạo Phường 4, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên). + Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh tại địa chỉ http://dichvucong.phuyen.gov.vn	Không	phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước; - Nghị định 41/2021/NĐ-CP ngày 30/3/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 82/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước	
17	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình chưa vận hành cấp tỉnh Mã TTHC: 1.009669	20 ngày làm việc	+ Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên (206A Trần Hưng Đạo Phường 4, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên). + Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh tại	Không		

			địa chỉ http://dichvucong.phuyen.gov.vn			
18	Thẩm định, phê duyệt phương án cấm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước đối với hồ chứa thủy điện và hồ chứa thủy lợi Mã TTHC: 2.001850	35 ngày làm việc	+ Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên (206A Trần Hưng Đạo Phường 4, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên). + Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh tại địa chỉ http://dichvucong.phuyen.gov.vn	Không	- Luật Tài nguyên nước 2012; - Nghị định 43/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước. - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ	Những nội dung còn lại của thủ tục hành chính được thực hiện theo Quyết định số 1235/QĐ-BTNMT ngày 15/5/2023 về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực tài nguyên nước thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ TNMT.

II. TTHC THUỘC THẨM QUYỀN TIẾP NHẬN, GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP HUYỆN

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	
Lĩnh vực tài nguyên nước (TTHC sửa đổi, bổ sung)						
1	Lấy ý kiến Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với các dự án đầu tư có chuyển nước từ nguồn nước nội tỉnh; dự án đầu tư xây dựng hồ chứa, đập dâng trên sông suối nội tỉnh thuộc hợp phần xin phép; công trình khai thác, sử dụng nước mặt (không phải là hồ chứa, đập	- Đối với các dự án không có chuyển nước từ nguồn nước nội tỉnh: Trong thời hạn ba mươi (30) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị xin ý kiến của chủ đầu tư - Đối với các dự án có chuyển nước từ nguồn nước nội tỉnh: Trong thời hạn bốn mươi (40) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị xin ý kiến của chủ đầu tư	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả cấp huyện	Kinh phí tổ chức lấy ý kiến do chủ dự án chi trả	- Luật Tài nguyên nước năm 2012; - Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.	Những nội dung còn lại của thủ tục hành chính được thực hiện theo Quyết định số 438/QĐ-BTNMT ngày 01/3/2023 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực tài nguyên nước thuộc phạm vi chức năng

	đang) sử dụng nguồn nước nội tỉnh với lưu lượng khai thác từ 10 m ³ /giờ trở lên; công trình khai thác, sử dụng nước dưới đất (gồm một hoặc nhiều giếng khoan, giếng đào, hố đào, hành lang, mạch lộ, hang động khai thác nước dưới đất thuộc sở hữu của một tổ chức, cá nhân và có khoảng cách liền kề giữa chúng không lớn hơn 1.000 m) có lưu lượng từ 12.000 m ³ /ngàyđêm trở lên Mã TTHC: 1.001645					quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường được đính chính tại Quyết định số 2031/QĐ-BTNMT ngày 21/7/2023 của Bộ Trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.
2	Đăng ký khai thác nước dưới đất Mã TTHC: 1.001662	10 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả cấp huyện	Không	- Luật Tài nguyên nước năm 2012. - Nghị định số 02/2023/NĐ-CP.	

B. QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN TIẾP NHẬN, GIẢI QUYẾT CỦA SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

1. Đăng ký khai thác sử dụng nước mặt, nước biển (cấp tỉnh); Mã TTHC: 1.011516

Thời gian giải quyết thủ tục: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận tờ khai của tổ chức, cá nhân.

Bước thực hiện	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ, cập nhật vào sổ, chuyển xử lý.	Trung tâm phục vụ hành chính công	0,5 ngày làm việc
Bước 2	Kiểm tra nội dung thông tin, xác nhận việc đăng ký và chuyển Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả.	Sở Tài nguyên và Môi trường	09 ngày làm việc
Bước 3	Trả kết quả.	Trung tâm phục vụ hành chính công	0,5 ngày làm việc

2. Đăng ký khai thác nước dưới đất (cấp tỉnh); Mã TTHC: 1.011517

Thời gian giải quyết thủ tục: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận tờ khai của tổ chức, cá nhân.

Bước thực hiện	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ, cập nhật vào sổ, chuyển xử lý.	Trung tâm phục vụ hành chính công	0,5 ngày làm việc
Bước 2	Kiểm tra nội dung thông tin, xác nhận việc đăng ký và chuyển Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả.	Sở Tài nguyên và Môi trường	14 ngày làm việc
Bước 3	Trả kết quả.	Trung tâm phục vụ hành chính công	0,5 ngày làm việc

3. Trả lại giấy phép tài nguyên nước; Mã TTHC: 1.011518

Thời gian giải quyết thủ tục: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

3.1 Trả lại giấy phép thăm dò nước dưới đất; Giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với lưu lượng dưới 1.000.000 m³/ngày đêm

Bước thực hiện	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ, cập nhật vào sổ, chuyển xử lý.	Trung tâm phục vụ hành chính công	0,5 ngày làm việc
Bước 2	Thẩm định hồ sơ; ký quyết định chấp thuận đề nghị trả lại giấy phép thăm dò nước dưới đất và chuyển Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	Sở Tài nguyên và Môi trường	09 ngày làm việc
Bước 3	Trả kết quả.	Trung tâm phục vụ hành chính công	0,5 ngày làm việc

3.2. Trả lại giấy phép khai thác, sử dụng tài nguyên nước (trừ Giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với lưu lượng dưới 1.000.000 m³/ngày đêm)

Bước thực hiện	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ, cập nhật vào sổ, chuyển xử lý.	Trung tâm phục vụ hành chính công	0,5 ngày làm việc
Bước 2	Thẩm định hồ sơ; trình UBND tỉnh quyết định chấp thuận đề nghị trả lại giấy phép khai thác, sử dụng tài nguyên nước.	Sở Tài nguyên và Môi trường	04 ngày làm việc
Bước 3	Đóng dấu, phát hành.	Văn thư Sở	01 ngày làm việc
Bước 4	Tiếp nhận hồ sơ từ Sở Tài nguyên và Môi trường.	Văn thư Văn phòng UBND tỉnh.	0,5 ngày làm việc
Bước 5	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Chuyên viên Văn phòng UBND tỉnh	01 ngày làm việc
Bước 6	Xem xét hồ sơ, ký nháy văn bản	Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh	01 ngày làm việc
Bước 7	Xem xét hồ sơ và ký quyết định chấp thuận đề nghị trả lại giấy phép thăm dò nước dưới đất	Lãnh đạo UBND tỉnh	01 ngày làm việc
Bước 8	UBND tỉnh trả hồ sơ.	Văn thư Văn phòng UBND tỉnh	0,5 ngày làm việc
Bước 9	Trả kết quả.	Trung tâm phục vụ hành chính công	0,5 ngày làm việc

4. Lấy ý kiến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với các dự án đầu tư có chuyển nước từ nguồn nước liên tỉnh; dự án đầu tư xây dựng hồ chứa, đập dâng trên dòng chính lưu vực sông liên tỉnh thuộc trường hợp phải xin phép; công trình khai thác, sử dụng nước mặt (không phải là hồ chứa, đập dâng) sử dụng nguồn nước liên tỉnh với lưu lượng khai thác từ 10 m³/giây trở lên; Mã TTHC:1.001740

- Thời gian giải quyết thủ tục:

+ 40 ngày làm việc đối với trường hợp **không chuyển** nước từ nguồn nước liên tỉnh kể từ ngày nhận đề nghị của Chủ đầu tư;

+ 60 ngày làm việc đối với trường hợp **chuyển nước** từ nguồn nước liên tỉnh kể từ ngày nhận đề nghị của Chủ đầu tư .

4.1 Đối với trường hợp không chuyển nước từ nguồn nước liên tỉnh

Thời gian giải quyết thủ tục: 40 ngày làm việc

Bước thực hiện	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ, cập nhật vào sổ, chuyển xử lý và	Trung tâm phục vụ hành chính công	0,5 ngày làm việc
Bước 2	Tổ chức các buổi làm việc, cuộc họp hoặc đối thoại trực tiếp với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan; tổng hợp ý kiến trình UBND tỉnh gửi cho chủ đầu tư.	Sở Tài nguyên và Môi trường	31 ngày làm việc
Bước 3	Đóng dấu, phát hành	Văn thư Sở	01 ngày làm việc
Bước 4	Tiếp nhận hồ sơ từ Sở Tài nguyên và Môi trường.	Văn thư Văn phòng UBND tỉnh.	0,5 ngày làm việc
Bước 5	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Chuyên viên Văn phòng UBND tỉnh	04 ngày làm việc
Bước 6	Xem xét hồ sơ, ký nháy văn bản	Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh	01 ngày làm việc
Bước 7	Xem xét hồ sơ và phê duyệt ra văn bản trả lời	Lãnh đạo UBND tỉnh	01 ngày làm việc
Bước 8	UBND tỉnh trả hồ sơ.	Văn thư Văn phòng UBND tỉnh	0,5 ngày làm việc
Bước 9	Trả kết quả.	Trung tâm phục vụ hành chính công	0,5 ngày làm việc

4.2 Đối với trường hợp chuyển nước từ nguồn nước liên tỉnh

Thời gian giải quyết thủ tục: 60 ngày làm việc

Bước thực hiện	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ, cập nhật vào sổ, chuyển xử lý và trả kết quả.	Trung tâm phục vụ hành chính công	0,5 ngày làm việc
Bước 2	Thẩm định hồ sơ; Tổ chức các buổi làm việc, cuộc họp hoặc đối thoại trực tiếp với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan; tổng hợp ý kiến trình UBND tỉnh gửi cho chủ đầu tư.	Sở Tài nguyên và Môi trường	51 ngày làm việc
Bước 3	Đóng dấu, phát hành	Văn thư Sở	01 ngày làm việc
Bước 4	Tiếp nhận hồ sơ từ Sở Tài nguyên và Môi trường.	Văn thư Văn phòng UBND tỉnh.	0,5 ngày làm việc
Bước 5	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Chuyên viên Văn phòng UBND tỉnh	04 ngày làm việc
Bước 6	Xem xét hồ sơ, ký nháy văn bản	Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh	01 ngày làm việc
Bước 7	Xem xét hồ sơ và phê duyệt ra văn bản trả lời	Lãnh đạo UBND tỉnh	01 ngày làm việc
Bước 8	UBND tỉnh trả hồ sơ.	Văn thư Văn phòng UBND tỉnh	0,5 ngày làm việc
Bước 9	Trả kết quả.	Trung tâm phục vụ hành chính công	0,5 ngày làm việc

5. Cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m³/ngày đêm; Mã TTHC: 1.004232

Thời gian giải quyết thủ tục: 36 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ.

Bước thực hiện	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
I	Giai đoạn 1		18 ngày làm việc
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ, cập nhật vào sổ, chuyển xử lý	Trung tâm phục vụ hành chính công	0,5 ngày làm việc

Bước 2	Xem xét kiểm tra hồ sơ; Thẩm định hồ sơ; kiểm tra thực tế hiện trường, lập hội đồng thẩm định (nếu cần); văn bản thông báo nội dung cần bổ sung và chỉnh sửa hoặc cấp phép trong trường hợp Hồ sơ đủ điều kiện cấp phép.	Sở Tài nguyên và Môi trường	17 ngày làm việc
Bước 3	Trả hồ sơ trong trường hợp cần bổ sung, chỉnh sửa, hoàn thiện Hồ sơ.	Trung tâm phục vụ hành chính công	0,5 ngày làm việc
II	Giai đoạn 2		18 ngày làm việc
Bước 4	Tiếp nhận hồ sơ chỉnh sửa, bổ sung; cập nhật vào sổ, chuyển xử lý	Trung tâm phục vụ hành chính công	0,5 ngày làm việc
Bước 5	Thẩm định hồ sơ chỉnh sửa và ký Quyết định việc cấp hoặc không cấp giấy phép. Chuyển kết quả cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả.	Sở Tài nguyên và Môi trường	17 ngày làm việc
Bước 6	Trả kết quả.	Trung tâm phục vụ hành chính công	0,5 ngày làm việc

6. Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000 m³/ngày đêm; Mã TTHC: 1.004228

Thời gian giải quyết thủ tục: 31 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ.

Bước thực hiện	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
I	Giai đoạn 1		13 ngày làm việc
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ, cập nhật vào sổ, chuyển xử lý	Trung tâm phục vụ hành chính công	0,5 ngày làm việc
Bước 2	Xem xét kiểm tra hồ sơ; Thẩm định hồ sơ; kiểm tra thực tế hiện trường, lập hội đồng thẩm định (nếu cần); văn bản thông báo nội dung cần bổ sung và chỉnh sửa hoặc cấp phép trong trường hợp Hồ sơ đủ điều kiện cấp phép.	Sở Tài nguyên và Môi trường	12 ngày làm việc
Bước 3	Trả hồ sơ trong trường hợp cần bổ sung, chỉnh sửa, hoàn thiện Hồ sơ.	Trung tâm phục vụ hành chính công	0,5 ngày làm việc
II	Giai đoạn 2		18 ngày làm việc
Bước 4	Tiếp nhận hồ sơ chỉnh sửa, bổ sung; cập nhật vào sổ, chuyển xử lý	Trung tâm phục vụ hành chính công	0,5 ngày làm việc
Bước 5	Thẩm định hồ sơ chỉnh sửa và ký Quyết định việc cấp hoặc không cấp giấy phép. Chuyển kết quả cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả.	Sở Tài nguyên và Môi trường	17 ngày làm việc
Bước 6	Trả kết quả.	Trung tâm phục vụ hành chính công	0,5 ngày làm việc

7. Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m³/ngày đêm; Mã TTHC: 1.004223

Thời gian giải quyết thủ tục: 36 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ.

Bước thực hiện	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
I	Giai đoạn 1		18 ngày làm việc
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ, cập nhật vào sổ, chuyển xử lý	Trung tâm phục vụ hành chính công	0,5 ngày làm việc
Bước 2	Xem xét kiểm tra hồ sơ; Thẩm định hồ sơ; kiểm tra thực tế hiện trường, lập hội đồng thẩm định (nếu cần); văn bản thông báo nội dung cần bổ sung và chỉnh sửa hoặc tham mưu trình UBND tỉnh cấp phép trong trường hợp Hồ sơ đủ điều kiện cấp phép.	Sở Tài nguyên và Môi trường	17 ngày làm việc

Bước 3	Trả hồ sơ trong trường hợp cần bổ sung, chỉnh sửa, hoàn thiện Hồ sơ.	Trung tâm phục vụ hành chính công	0,5 ngày làm việc
II	Giai đoạn 2		18 ngày làm việc
Bước 4	Tiếp nhận hồ sơ chỉnh sửa, bổ sung; cập nhật vào sổ, chuyển xử lý	Trung tâm phục vụ hành chính công	0,5 ngày làm việc
Bước 5	Thẩm định hồ sơ chỉnh sửa và tham mưu trình UBND tỉnh.	Sở Tài nguyên và Môi trường	09 ngày làm việc
Bước 6	Đóng dấu, phát hành	Văn thư Sở TN&MT	01 ngày làm việc
Bước 7	Tiếp nhận hồ sơ từ Sở Tài nguyên và Môi trường.	Văn thư Văn phòng UBND tỉnh.	0,5 ngày làm việc
Bước 8	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Chuyên viên Văn phòng UBND tỉnh	04 ngày làm việc
Bước 9	Xem xét hồ sơ, ký nháy văn bản	Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh	01 ngày làm việc
Bước 10	Xem xét hồ sơ và ký Quyết định việc cấp hoặc không cấp giấy phép	Lãnh đạo UBND tỉnh	01 ngày làm việc
Bước 11	UBND tỉnh trả hồ sơ.	Văn thư Văn phòng UBND tỉnh	0,5 ngày làm việc
Bước 12	Nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính từ UBND tỉnh; chuyển kết quả cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả.	Sở Tài nguyên và Môi trường	01 ngày làm việc
Bước 13	Vào sổ thống kê, theo dõi kết quả thực hiện TTHC và thông báo Trả kết quả.	Trung tâm phục vụ hành chính công	0,5 ngày làm việc

8. Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m³/ngày đêm; Mã TTHC: 1.004211

Thời gian giải quyết thủ tục: 31 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ

Bước thực hiện	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
I	Giai đoạn 1		13 ngày làm việc
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ, cập nhật vào sổ, chuyển xử lý	Trung tâm phục vụ hành chính công	0,5 ngày làm việc
Bước 2	Xem xét kiểm tra hồ sơ; Thẩm định hồ sơ; kiểm tra thực tế hiện trường, lập hội đồng thẩm định (nếu cần); văn bản thông báo nội dung cần bổ sung và chỉnh sửa hoặc tham mưu trình UBND tỉnh cấp phép trong trường hợp Hồ sơ đủ điều kiện cấp phép.	Sở Tài nguyên và Môi trường	12 ngày làm việc
Bước 3	Trả hồ sơ trong trường hợp cần bổ sung, chỉnh sửa, hoàn thiện Hồ sơ.	Trung tâm phục vụ hành chính công	0,5 ngày làm việc
II	Giai đoạn 2		18 ngày làm việc
Bước 4	Tiếp nhận hồ sơ chỉnh sửa, bổ sung; cập nhật vào sổ, chuyển xử lý.	Trung tâm phục vụ hành chính công	0,5 ngày làm việc
Bước 5	Thẩm định hồ sơ chỉnh sửa và tham mưu trình UBND tỉnh.	Sở Tài nguyên và Môi trường	09 ngày làm việc
Bước 6	Đóng dấu, phát hành	Văn thư Sở TN&MT	01 ngày làm việc
Bước 7	Tiếp nhận hồ sơ từ Sở Tài nguyên và Môi trường.	Văn thư Văn phòng UBND tỉnh.	0,5 ngày làm việc
Bước 8	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Chuyên viên Văn phòng UBND tỉnh	04 ngày làm việc
Bước 9	Xem xét hồ sơ, ký nháy văn bản	Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh	01 ngày làm việc
Bước 10	Xem xét hồ sơ và ký Quyết định việc cấp hoặc không cấp giấy phép	Lãnh đạo UBND tỉnh	01 ngày làm việc

Bước 11	UBND tỉnh trả hồ sơ.	Văn thư Văn phòng UBND tỉnh	0,5 ngày làm việc
Bước 12	Nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính từ UBND tỉnh; chuyển kết quả cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả.	Sở Tài nguyên và Môi trường	01 ngày làm việc
Bước 13	Vào sổ thống kê, theo dõi kết quả thực hiện TTHC và thông báo Trả kết quả.	Trung tâm phục vụ hành chính công	0,5 ngày làm việc

9. Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản đối với hồ chứa, đập dâng thủy lợi có lưu lượng khai thác dưới 2m³/giây và dung tích toàn bộ dưới 20 triệu m³, hoặc lưu lượng khai thác từ 2m³/giây trở lên và dung tích toàn bộ dưới 3 triệu m³, hoặc đối với công trình khai thác, sử dụng nước khác với lưu lượng khai thác dưới 5 m³/giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000 kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000 m³/ngày đêm; cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với lưu lượng dưới 1.000.000 m³/ngày đêm; Mã TTHC: 1.004179

Thời gian giải quyết thủ tục: 36 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ

9.1. Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản đối với hồ chứa, đập dâng thủy lợi có lưu lượng khai thác dưới 2m³/giây và dung tích toàn bộ dưới 20 triệu m³, hoặc lưu lượng khai thác từ 2m³/giây trở lên và dung tích toàn bộ dưới 3 triệu m³, hoặc đối với công trình khai thác, sử dụng nước khác với lưu lượng khai thác dưới 5 m³/giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000 kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000 m³/ngày đêm;

Bước thực hiện	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
I	Giai đoạn 1		18 ngày làm việc
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ, cập nhật vào sổ, chuyển xử lý	Trung tâm phục vụ hành chính công	0,5 ngày làm việc
Bước 2	Xem xét kiểm tra hồ sơ; Thẩm định hồ sơ; kiểm tra thực tế hiện trường, lập hội đồng thẩm định (nếu cần); văn bản thông báo nội dung cần bổ sung và chỉnh sửa hoặc tham mưu trình UBND tỉnh cấp phép trong trường hợp Hồ sơ đủ điều kiện cấp phép.	Sở Tài nguyên và Môi trường	17 ngày làm việc
Bước 3	Trả hồ sơ trong trường hợp cần bổ sung, chỉnh sửa, hoàn thiện Hồ sơ.	Trung tâm phục vụ hành chính công	0,5 ngày làm việc
II	Giai đoạn 2		18 ngày làm việc
Bước 4	Tiếp nhận hồ sơ chỉnh sửa, bổ sung; cập nhật vào sổ, chuyển xử lý	Trung tâm phục vụ hành chính công	0,5 ngày làm việc
Bước 5	Thẩm định hồ sơ chỉnh sửa và tham mưu trình UBND tỉnh.	Sở Tài nguyên và Môi trường	09 ngày làm việc
Bước 6	Đóng dấu, phát hành	Văn thư Sở TN&MT	01 ngày làm việc
Bước 7	Tiếp nhận hồ sơ từ Sở Tài nguyên và Môi trường.	Văn thư Văn phòng UBND tỉnh.	0,5 ngày làm việc
Bước 8	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Chuyên viên Văn phòng UBND tỉnh	04 ngày làm việc
Bước 9	Xem xét hồ sơ, ký nháy văn bản	Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh	01 ngày làm việc
Bước 10	Xem xét hồ sơ và ký Quyết định việc cấp hoặc không cấp giấy phép	Lãnh đạo UBND tỉnh	01 ngày làm việc
Bước 11	UBND tỉnh trả hồ sơ.	Văn thư Văn phòng UBND tỉnh	0,5 ngày làm việc
Bước 12	Nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính từ UBND tỉnh; chuyển kết quả cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả.	Sở Tài nguyên và Môi trường	01 ngày làm việc
Bước 13	Vào sổ thống kê, theo dõi kết quả thực hiện TTHC và thông báo Trả kết quả.	Trung tâm phục vụ hành chính công	0,5 ngày làm việc

9.2. Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với lưu lượng dưới 1.000.000 m³/ngày đêm

Bước thực hiện	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
I	Giai đoạn 1		18 ngày làm việc
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ, cập nhật vào sổ, chuyển xử lý	Trung tâm phục vụ hành chính công	0,5 ngày làm việc
Bước 2	Xem xét kiểm tra hồ sơ; Thẩm định hồ sơ; kiểm tra thực tế hiện trường, lập hội đồng thẩm định (nếu cần); văn bản thông báo nội dung cần bổ sung và chỉnh sửa hoặc cấp phép trong trường hợp Hồ sơ đủ điều kiện cấp phép.	Sở Tài nguyên và Môi trường	17 ngày làm việc
Bước 3	Trả hồ sơ trong trường hợp cần bổ sung, chỉnh sửa, hoàn thiện Hồ sơ.	Trung tâm phục vụ hành chính công	0,5 ngày làm việc
II	Giai đoạn 2		18 ngày làm việc
Bước 4	Tiếp nhận hồ sơ chỉnh sửa, bổ sung; cập nhật vào sổ, chuyển xử lý	Trung tâm phục vụ hành chính công	0,5 ngày làm việc
Bước 5	Thẩm định hồ sơ chỉnh sửa và ký Quyết định việc cấp hoặc không cấp giấy phép. Chuyển kết quả cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả.	Sở Tài nguyên và Môi trường	17 ngày làm việc
Bước 6	Trả kết quả.	Trung tâm phục vụ hành chính công	0,5 ngày làm việc

10. Gia hạn/ điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản đối với hồ chứa, đập dâng thủy lợi có lưu lượng khai thác dưới 2m³/giây và dung tích toàn bộ dưới 20 triệu m³, hoặc lưu lượng khai thác từ 2m³/giây trở lên và dung tích toàn bộ dưới 3 triệu m³, hoặc đối với công trình khai thác, sử dụng nước khác với lưu lượng khai thác dưới 5 m³/giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000 kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000 m³/ngày đêm; cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với lưu lượng dưới 1.000.000 m³/ngày đêm (Mã TTHC 1.004167)

Thời gian giải quyết thủ tục: 31 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ

10.1. Gia hạn/ điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản đối với hồ chứa, đập dâng thủy lợi có lưu lượng khai thác dưới 2m³/giây và dung tích toàn bộ dưới 20 triệu m³, hoặc lưu lượng khai thác từ 2m³/giây trở lên và dung tích toàn bộ dưới 3 triệu m³, hoặc đối với công trình khai thác, sử dụng nước khác với lưu lượng khai thác dưới 5 m³/giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000 kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000 m³/ngày đêm;

Bước thực hiện	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
I	Giai đoạn 1		13 ngày làm việc
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ, cập nhật vào sổ, chuyển xử lý	Trung tâm phục vụ hành chính công	0,5 ngày làm việc
Bước 2	Xem xét kiểm tra hồ sơ; Thẩm định hồ sơ; kiểm tra thực tế hiện trường, lập hội đồng thẩm định (nếu cần); văn bản thông báo nội dung cần bổ sung và chỉnh sửa hoặc tham mưu trình UBND tỉnh cấp phép trong trường hợp Hồ sơ đủ điều kiện cấp phép.	Sở Tài nguyên và Môi trường	12 ngày làm việc
Bước 3	Trả hồ sơ trong trường hợp cần bổ sung, chỉnh sửa, hoàn thiện Hồ sơ.	Trung tâm phục vụ hành chính công	0,5 ngày làm việc
II	Giai đoạn 2		18 ngày làm việc
Bước 4	Tiếp nhận hồ sơ chỉnh sửa, bổ sung; cập nhật vào sổ, chuyển xử lý.	Trung tâm phục vụ hành chính công	0,5 ngày làm việc
Bước 5	Thẩm định hồ sơ chỉnh sửa và tham mưu trình UBND tỉnh.	Sở Tài nguyên và Môi trường	09 ngày làm việc

Bước 6	Đóng dấu, phát hành	Văn thư Sở TN&MT	01 ngày làm việc
Bước 7	Tiếp nhận hồ sơ từ Sở Tài nguyên và Môi trường.	Văn thư Văn phòng UBND tỉnh.	0,5 ngày làm việc
Bước 8	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Chuyên viên Văn phòng UBND tỉnh	04 ngày làm việc
Bước 9	Xem xét hồ sơ, ký nháy văn bản	Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh	01 ngày làm việc
Bước 10	Xem xét hồ sơ và ký Quyết định việc cấp hoặc không cấp giấy phép	Lãnh đạo UBND tỉnh	01 ngày làm việc
Bước 11	UBND tỉnh trả hồ sơ.	Văn thư Văn phòng UBND tỉnh	0,5 ngày làm việc
Bước 12	Nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính từ UBND tỉnh; chuyển kết quả cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả.	Sở Tài nguyên và Môi trường	01 ngày làm việc
Bước 13	Vào sổ thống kê, theo dõi kết quả thực hiện TTHC và thông báo Trả kết quả.	Trung tâm phục vụ hành chính công	0,5 ngày làm việc

10.2. Gia hạn/điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với lưu lượng dưới 1.000.000 m³/ngày đêm

Bước thực hiện	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
I	Giai đoạn 1		13 ngày làm việc
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ, cập nhật vào sổ, chuyển xử lý	Trung tâm phục vụ hành chính công	0,5 ngày làm việc
Bước 2	Xem xét kiểm tra hồ sơ; Thẩm định hồ sơ; kiểm tra thực tế hiện trường, lập hội đồng thẩm định (nếu cần); văn bản thông báo nội dung cần bổ sung và chỉnh sửa hoặc cấp phép trong trường hợp Hồ sơ đủ điều kiện cấp phép.	Sở Tài nguyên và Môi trường	12 ngày làm việc
Bước 3	Trả hồ sơ trong trường hợp cần bổ sung, chỉnh sửa, hoàn thiện Hồ sơ.	Trung tâm phục vụ hành chính công	0,5 ngày làm việc
II	Giai đoạn 2		18 ngày làm việc
Bước 4	Tiếp nhận hồ sơ chỉnh sửa, bổ sung; cập nhật vào sổ, chuyển xử lý	Trung tâm phục vụ hành chính công	0,5 ngày làm việc
Bước 5	Thẩm định hồ sơ chỉnh sửa và ký Quyết định việc cấp hoặc không cấp giấy phép. Chuyển kết quả cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả.	Sở Tài nguyên và Môi trường	17 ngày làm việc
Bước 6	Trả kết quả.	Trung tâm phục vụ hành chính công	0,5 ngày làm việc

11. Cấp lại giấy phép tài nguyên nước; Mã TTHC: 1.000824

Thời gian giải quyết thủ tục: 16 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ

11.1. Cấp lại giấy phép thăm dò; cấp lại Giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với lưu lượng dưới 1.000.000 m³/ngày đêm.

Bước thực hiện	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ, cập nhật vào sổ, chuyển xử lý.	Trung tâm phục vụ hành chính công	0,5 ngày làm việc
Bước 2	Thẩm định hồ sơ; trình cấp phép trong trường hợp Hồ sơ đủ điều kiện cấp phép và chuyển Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả; hoặc thông báo lý do trả hồ sơ trường hợp không đủ điều kiện.	Sở Tài nguyên và Môi trường	15 ngày làm việc
Bước 3	Trả kết quả.	Trung tâm phục vụ hành chính công	0,5 ngày làm việc

11.2. Cấp lại giấy phép khai thác, sử dụng tài nguyên nước (trừ Giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với lưu lượng dưới 1.000.000 m³/ngày đêm)

Bước thực hiện	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ, cập nhật vào sổ, chuyển xử lý.	Trung tâm phục vụ hành chính công	0,5 ngày làm việc
Bước 2	Thẩm định hồ sơ; trường hợp đủ điều kiện cấp lại Giấy phép, tham mưu UBND tỉnh cấp Giấy phép (cấp lại) hoặc văn bản thông báo lý do trả hồ sơ (trường hợp không đủ điều kiện).	Sở Tài nguyên và Môi trường	06 ngày làm việc
Bước 3	Đóng dấu, phát hành trình UBND tỉnh.	Văn thư Sở TN&MT	01 ngày làm việc
Bước 4	Tiếp nhận hồ sơ từ Sở Tài nguyên và Môi trường.	Văn thư Văn phòng UBND tỉnh.	0,5 ngày làm việc
Bước 5	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Chuyên viên Văn phòng UBND tỉnh	04 ngày làm việc
Bước 6	Xem xét hồ sơ, ký nháy văn bản	Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh	01 ngày làm việc
Bước 7	Xem xét hồ sơ và ký Quyết định việc cấp lại hoặc không cấp lại giấy phép	Lãnh đạo UBND tỉnh	01 ngày làm việc
Bước 8	UBND tỉnh trả hồ sơ.	Văn thư Văn phòng UBND tỉnh	0,5 ngày làm việc
Bước 9	Nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính từ UBND tỉnh; chuyển kết quả cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả.	Sở Tài nguyên và Môi trường	01 ngày làm việc
Bước 10	Vào sổ thống kê, theo dõi kết quả thực hiện TTHC và thông báo Trả kết quả.	Trung tâm phục vụ hành chính công	0,5 ngày làm việc

12. Cấp giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ; Mã TTHC: 1.004122

Thời gian giải quyết thủ tục: 21 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ

Bước thực hiện	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ, cập nhật vào sổ, chuyển xử lý	Trung tâm phục vụ hành chính công	0,5 ngày làm việc
Bước 2	Kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ.	Sở Tài nguyên và Môi trường	03 ngày làm việc
Bước 3	Thẩm định hồ sơ; kiểm tra thực tế (nếu cần); trình cấp phép trong trường hợp Hồ sơ đủ điều kiện cấp phép, hoặc thông báo lý do trả hồ sơ trong trường hợp Hồ sơ không đủ điều kiện cấp phép. Chuyển kết quả cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả.	Sở Tài nguyên và Môi trường	17 ngày làm việc
Bước 4	Trả kết quả.	Trung tâm phục vụ hành chính công	0,5 ngày làm việc

13. Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ; Mã TTHC: 2.001738

Thời gian giải quyết thủ tục: 16 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ

Bước thực hiện	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ, cập nhật vào sổ, chuyển xử lý	Trung tâm phục vụ hành chính công	0,5 ngày làm việc
Bước 2	Kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ.	Sở Tài nguyên và Môi trường	03 ngày làm việc

Bước 3	Thẩm định hồ sơ; trình gia hạn/điều chỉnh giấy phép trong trường hợp Hồ sơ đủ điều kiện cấp phép, hoặc thông báo lý do trả hồ sơ trong trường hợp Hồ sơ không đủ điều kiện cấp phép. Chuyển kết quả cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả.	Sở Tài nguyên và Môi trường	12 ngày làm việc
Bước 4	Trả kết quả.	Trung tâm phục vụ hành chính công	0,5 ngày làm việc

14. Cấp lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ; Mã TTHC: 1.004253

Thời gian giải quyết thủ tục: 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

Bước thực hiện	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ, cập nhật vào sổ, chuyển xử lý	Trung tâm phục vụ hành chính công	0,5 ngày làm việc
Bước 2	Kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ.	Sở Tài nguyên và Môi trường	01 ngày làm việc
Bước 3	Thẩm định hồ sơ; trình ký quyết định cấp lại giấy phép trong trường hợp Hồ sơ đủ điều kiện cấp phép, hoặc thông báo lý do trả hồ sơ trong trường hợp Hồ sơ không đủ điều kiện cấp phép. Chuyển kết quả cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả.	Sở Tài nguyên và Môi trường	06 ngày làm việc
Bước 4	Trả kết quả.	Trung tâm phục vụ hành chính công	0,5 ngày làm việc

15. Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình đã vận hành (cấp tỉnh);

Mã TTHC: 2.001770

Thời gian giải quyết thủ tục: Việc tiếp nhận, thẩm định tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình đã vận hành được thực hiện đồng thời với việc tiếp nhận, thẩm định hồ sơ đề nghị cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép về tài nguyên nước.

16. Điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước; Mã TTHC: 1.004283

- Thời gian giải quyết thủ tục:

+ 31 ngày làm việc đối với trường hợp điều chỉnh do điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng TNN

+ 15 ngày làm việc đối với trường hợp khác theo quy định.

16.1. Trường hợp điều chỉnh do điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng TNN: được thực hiện đồng thời với việc tiếp nhận, thẩm định hồ sơ đề nghị điều chỉnh giấy phép về tài nguyên nước;

16.2. Trường hợp khác theo quy định:

Bước thực hiện	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ, cập nhật vào sổ, chuyển xử lý.	Trung tâm phục vụ hành chính công	0,5 ngày làm việc
Bước 2	Thẩm định hồ sơ; trình UBND tỉnh phê duyệt quyết định điều chỉnh.	Sở Tài nguyên và Môi trường	08 ngày làm việc
Bước 3	Đóng dấu, phát hành.	Văn thư Sở	01 ngày làm việc
Bước 4	Tiếp nhận hồ sơ từ Sở Tài nguyên và Môi trường.	Văn thư Văn phòng UBND tỉnh.	0,5 ngày làm việc
Bước 5	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Chuyên viên Văn phòng UBND tỉnh	02 ngày làm việc
Bước 6	Xem xét hồ sơ, ký nháy văn bản	Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh	01 ngày làm việc
Bước 7	Xem xét hồ sơ và ký quyết định điều chỉnh tiền cấp quyền	Lãnh đạo UBND tỉnh	01 ngày làm việc
Bước 8	UBND tỉnh trả hồ sơ.	Văn thư Văn phòng UBND tỉnh	0,5 ngày làm việc

Bước 9	Trả kết quả.	Trung tâm phục vụ hành chính công	0,5 ngày làm việc
--------	--------------	-----------------------------------	-------------------

17. Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình chưa vận hành cấp tỉnh;
Mã TTHC: 1.009669

Thời gian giải quyết thủ tục: 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận Hồ sơ.

Bước thực hiện	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ, cập nhật vào sổ, chuyển xử lý.	Trung tâm phục vụ hành chính công	0,5 ngày làm việc
Bước 2	Kiểm tra Hồ sơ; thẩm định hồ sơ; thành lập hội đồng thẩm định (nếu cần); trình UBND tỉnh phê duyệt hoặc thông báo lý do trả hồ sơ trong trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện.	Sở Tài nguyên và môi trường	13 ngày làm việc
Bước 3	Đóng dấu, phát hành.	Văn thư Sở	01 ngày làm việc
Bước 4	Tiếp nhận hồ sơ từ Sở Tài nguyên và Môi trường.	Văn thư Văn phòng UBND tỉnh.	0,5 ngày làm việc
Bước 5	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Chuyên viên Văn phòng UBND tỉnh	02 ngày làm việc
Bước 6	Xem xét hồ sơ, ký nháy văn bản	Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh	01 ngày làm việc
Bước 7	Xem xét hồ sơ và ký quyết định phê duyệt tiền cấp quyền	Lãnh đạo UBND tỉnh	01 ngày làm việc
Bước 8	UBND tỉnh trả hồ sơ.	Văn thư Văn phòng UBND tỉnh	0,5 ngày làm việc
Bước 9	Trả kết quả.	Trung tâm phục vụ hành chính công	0,5 ngày làm việc

18. Thẩm định, phê duyệt phương án cấm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước đối với hồ chứa thủy điện và hồ chứa thủy lợi; Mã TTHC: 2.001850

Thời gian giải quyết thủ tục: 35 ngày làm việc kể từ ngày nhận Hồ sơ.

Bước thực hiện	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ, cập nhật vào sổ, chuyển xử lý.	Trung tâm phục vụ hành chính công	0,5 ngày làm việc
Bước 2	Kiểm tra Phương án; trường hợp phương án chưa đạt yêu cầu thông báo cho tổ chức, cá nhân quản lý, vận hành hồ chứa để bổ sung, hoàn thiện.	Sở Tài nguyên và môi trường	03 ngày làm việc
Bước 3	Thẩm định, lấy ý kiến của Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có hồ chứa, các cơ quan, đơn vị có liên quan. Trong trường hợp cần thiết, trình UBND tỉnh thành lập Hội đồng thẩm định phương án cấm mốc. Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp ý kiến và gửi tổ chức quản lý, vận hành hồ chứa để hoàn thiện. Tổ chức quản lý, vận hành hồ chứa có trách nhiệm tiếp thu, giải trình các ý kiến thẩm định, hoàn thiện hồ sơ. Trường hợp đủ điều kiện, trình UBND tỉnh phê duyệt phương án cấm mốc; thông báo lý do trả hồ sơ trong trường hợp không đủ điều kiện phê duyệt.	Sở Tài nguyên và môi trường	25 ngày làm việc
Bước 4	Đóng dấu, phát hành.	Văn thư Sở	01 ngày làm việc
Bước 5	Tiếp nhận hồ sơ từ Sở Tài nguyên và Môi trường.	Văn thư Văn phòng UBND tỉnh.	0,5 ngày làm việc
Bước 6	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Chuyên viên Văn phòng UBND tỉnh	02 ngày làm việc

Bước 7	Xem xét hồ sơ, ký nháy văn bản	Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh	01 ngày làm việc
Bước 8	Xem xét hồ sơ và ký quyết định phê duyệt phương án	Lãnh đạo UBND tỉnh	01 ngày làm việc
Bước 9	UBND tỉnh trả hồ sơ.	Văn thư Văn phòng UBND tỉnh	0,5 ngày làm việc
Bước 10	Trả kết quả.	Trung tâm phục vụ hành chính công	0,5 ngày làm việc

II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

1. Lấy ý kiến Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với các dự án đầu tư có chuyển nước từ nguồn nước nội tỉnh; dự án đầu tư xây dựng hồ chứa, đập dâng trên sông suối nội tỉnh thuộc trường hợp phải xin phép; công trình khai thác, sử dụng nước mặt (không phải là hồ chứa, đập dâng) sử dụng nguồn nước nội tỉnh với lưu lượng khai thác từ 10 m³/giây trở lên; công trình khai thác, sử dụng nước dưới đất (gồm một hoặc nhiều giếng khoan, giếng đào, hồ đào, hành lang, mạch lộ, hang động khai thác nước dưới đất thuộc sở hữu của một tổ chức, cá nhân và có khoảng cách liền kề giữa chúng không lớn hơn 1.000 m) có lưu lượng từ 12.000 m³/ngàyđêm trở lên; Mã TTHC: 1.001645

1.1 Đối với trường hợp không chuyển nước từ nguồn nước nội tỉnh:

Thời gian giải quyết thủ tục: 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đề nghị của Chủ đầu tư

Bước thực hiện	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian giải quyết thủ tục
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ, cập nhật vào sổ, chuyển xử lý.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	01 ngày làm việc
Bước 2	Tổ chức các buổi làm việc, cuộc họp hoặc đối thoại trực tiếp với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan; tổng hợp ý kiến trình UBND huyện gửi cho chủ đầu tư.	Phòng Tài nguyên và Môi trường	20 ngày làm việc
Bước 3	Đóng dấu, phát hành, chuyển Văn phòng HĐND & UBND huyện	Văn thư Phòng Tài nguyên và Môi trường	01 ngày làm việc
Bước 4	Tiếp nhận hồ sơ, chuyển xử lý	Văn thư Văn phòng HĐND&UBND huyện	0,5 ngày làm việc
Bước 5	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Chuyên viên Văn phòng HĐND&UBND huyện	04 ngày làm việc
Bước 6	Xem xét hồ sơ, ký nháy văn bản	Lãnh đạo Văn phòng HĐND&UBND huyện	01 ngày làm việc
Bước 7	Xem xét hồ sơ và phê duyệt ra văn bản trả lời	Lãnh đạo UBND huyện	01 ngày làm việc
Bước 8	UBND huyện trả hồ sơ.	Văn thư Văn phòng HĐND&UBND huyện	0,5 ngày làm việc
Bước 9	Trả kết quả.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	01 ngày làm việc

1.2 Đối với trường hợp chuyển nước từ nguồn nước nội tỉnh:

Thời gian giải quyết thủ tục: 40 ngày làm việc kể từ ngày nhận đề nghị của Chủ đầu tư

Bước thực hiện	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian giải quyết thủ tục
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ, cập nhật vào sổ, chuyển xử lý.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	01 ngày làm việc
Bước 2	Tổ chức các buổi làm việc, cuộc họp hoặc đối thoại trực tiếp với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan; tổng hợp ý kiến trình UBND huyện gửi cho chủ đầu tư.	Phòng Tài nguyên và Môi trường	30 ngày làm việc
Bước 3	Đóng dấu, phát hành, chuyển Văn phòng HĐND & UBND huyện	Văn thư Phòng Tài nguyên và Môi trường	01 ngày làm việc
Bước 4	Tiếp nhận hồ sơ, chuyển xử lý	Văn thư Văn phòng HĐND&UBND huyện	0,5 ngày làm việc

Bước 5	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Chuyên viên Văn phòng HĐND&UBND huyện	04 ngày làm việc
Bước 6	Xem xét hồ sơ, ký nháy văn bản	Lãnh đạo Văn phòng HĐND&UBND huyện	01 ngày làm việc
Bước 7	Xem xét hồ sơ và phê duyệt ra văn bản trả lời	Lãnh đạo UBND huyện	01 ngày làm việc
Bước 8	UBND huyện trả hồ sơ.	Văn thư Văn phòng HĐND&UBND huyện	0,5 ngày làm việc
Bước 9	Trả kết quả.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	01 ngày làm việc

2. Đăng ký khai thác nước dưới đất; Mã TTHC: 1.001662

Thời gian giải quyết thủ tục: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được tờ khai

Bước thực hiện	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian giải quyết thủ tục
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ, cập nhật vào sổ, chuyển xử lý.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	0,5 ngày làm việc
Bước 2	Thẩm định hồ sơ và xử lý	Phòng Tài nguyên và Môi trường	03 ngày làm việc
Bước 3	Đóng dấu, phát hành, chuyển Văn phòng HĐND & UBND huyện	Văn thư Phòng Tài nguyên và Môi trường	01 ngày làm việc
Bước 4	Tiếp nhận hồ sơ, chuyển xử lý	Văn thư Văn phòng HĐND&UBND huyện	0,5 ngày làm việc
Bước 5	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Chuyên viên Văn phòng HĐND&UBND huyện	02 ngày làm việc
Bước 6	Xem xét hồ sơ, ký nháy văn bản	Lãnh đạo Văn phòng HĐND&UBND huyện	01 ngày làm việc
Bước 7	Xem xét hồ sơ và phê duyệt ra văn bản trả lời	Lãnh đạo UBND huyện	01 ngày làm việc
Bước 8	UBND huyện trả hồ sơ.	Văn thư Văn phòng HĐND&UBND huyện	0,5 ngày làm việc
Bước 9	Trả kết quả.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	0,5 ngày làm việc

VĂN PHÒNG UBND TỈNH PHÚ YÊN XUẤT BẢN

Địa chỉ: 07 Độc Lập, TP. Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên;

Điện thoại: 057.3828747;

Fax: 057.3824842;

Email: congbao@phuyen.gov.vn;

Website: <http://congbao.phuyen.gov.vn>;

In tại: Trung tâm Truyền thông.